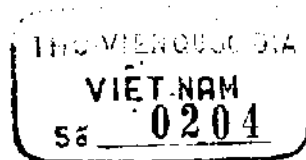


HỌC VIỆN QUỐC GIA HÀNH CHÍNH

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ ĐỘ **GIÁO DỤC TƯ**
TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM



THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 204

TRÌNH-LÊ-HIỆP
ĐỐC SỰ KHÓA XVII.
1969 - 1972

THÀNH THẬT TRÍ ÂN

Giáo sư LƯƠNG THỌ PHÁT

*dã tận tình hướng dẫn chúng tôi hoàn thành
Luận văn này.*

THANH THẬT GHÍ ÂN

- * Giáo sư Viện Trưởng
- * Giáo sư Phó Viện Trưởng
- * Cũng toàn thể Giáo sư
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

đã tận tình dạy dỗ chúng tôi trong
suốt học khóa tại học viện.-

THÀNH THẬT CẢM ƠN

- * Ông VŨ ĐỨC CHANG, Phó Tổng Giám Đốc
Trung Tiêu Học.
- * Ông BÀ NGUYỄN TRUNG HIẾU
Chánh Sở Pháp Chế Bộ Giáo Dục

đã tận tình giúp đỡ tài liệu,
cho ý kiến và khuyến khích
chúng tôi thực hiện Luận văn này.-

* KÍNH DẶNG BA MÁ,

người có công sinh thành

đưỡng dục và dạy dỗ con nên người

* KÍNH TẶNG CÁC VỊ AN SƯ

đã có công khai sáng trí tuệ

và tác tạo tâm hồn con

* THƯƠNG MẾN TRAO VỀ MỘT NGƯỜI...

Viết để tưởng niệm cố Giáo Sư NGUYỄN VĂN BÔNG

=====

Vì Thầy khê kính mà con hằng mến phục
và nguyện nối tiếp chí hướng cao cả của Thầy.-

là thân cây non chẳng lá cành
là chiếc thuyền con vượt biển xanh
là một đê tại không cầu hỏi
là cuộc họp mặt không điểm danh

là một tác phẩm mong đời giá
là cuộc chạy đua không lấy đá
là từ khách quyết tìm hương rở
là trời xuân không nét kíp sa

16/10/1972

Huỳnh Băng Tâm

Mục-Lục

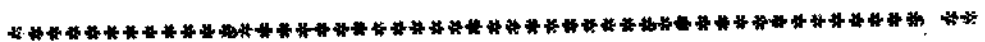
	Trang
PHẦN DẪN NHẬP.- Vai trò thiết yếu của ngành giáo dục	1
PHẦN THỨ NHẤT.- Hiện trạng nền giáo dục tư thục Việt Nam	10
Chương một.- Tư thục Việt Nam qua đông lịch sử	12
Mục I.- Sơ lược về nền giáo dục cổ thời	12
Đoạn I.- Quan niệm và tính chất	12
Đoạn II.- Tâm mức quan trọng của giáo dục tư trong cổ thời	15
Mục II.- Tiến trình phát triển của ngành giáo dục tư Việt Nam	16
Đoạn I.- Thời kỳ quân chủ	16
Đoạn II.- Thời kỳ Pháp thuộc	18
Đoạn III.- Thời kỳ độc lập	20
Chương hai.- Cơ cấu tổ chức của nền giáo dục tư hiện thời	24
Mục I.- Qui chế tư thục : dụ 57/4	24
Mục II.- Phân loại và đặc tính các tư thục	28
Đoạn I.- Phân loại theo xuất xứ	28
Đoạn II.- Phân loại theo chương trình dạy	30
Mục III.- Cơ cấu tổ chức hoạt động tư thục	31
Đoạn I.- Trường sở	31
Đoạn II.- Ban giám đốc và nhân viên	32
Đoạn III.- Giáo chức	33

Đoạn IV.- Học sinh	34
Đoạn V.- Các cơ quan chỉ phối, kiểm soát ngành giáo dục tử	35
Mục IV.- Bàn qua về các đại học tử	36
Đoạn I.- Trình bày các đại học tử tại VN	36
Đoạn II.- Đặc tính chung của các viện đại học tử	40
Chương ba.- Thực trạng về hoạt động của ngành giáo dục tử Việt Nam	42
Mục I.- Vấn đề giảng huấn	42
Đoạn I.- Chương trình giảng huấn	42
Đoạn II.- Hiệu năng giảng huấn	44
Mục II.- Vấn đề tu nghiệp	45
Đoạn I.- Sự cần thiết của vấn đề tu nghiệp	45
Đoạn II.- Sự thiếu sót trong vấn đề tu nghiệp	46
Mục III.- Vấn đề học phí về thu lao cho giáo chức	48
Đoạn I.- vấn đề học phí	48
Đoạn II.- Vấn đề thu lao và lương bổng giáo chức	52
PHẦN THỨ HAI : TẦM MỨC VÀ GIÁ TRỊ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TỬ TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM	54
Chương một.- Ảnh hưởng của sự bành trướng ngành giáo dục tử	56
Mục I.- Nguyên nhân sự bành trướng	56
Đoạn I.- Nguyên nhân sâu xa	56
Đoạn II.- Nguyên nhân trực tiếp	58
Mục II.- Tầm mức hoạt động và ảnh hưởng của ngành giáo dục tử	60
Đoạn I.- Về phương diện lương : chia sẻ gánh nặng lớn lao cho ngành giáo dục công	60

Đoạn II.- Về phương diện phạm : là mối ưu tử cho nền văn hóa nước nhà	62
Chương hai.- Giá trị của tử thực đối với quần chúng	67
Mục I.- Mặc cảm kỹ thi công tử của quần chúng	67
Đoạn I.- Lý do phát sinh nạn kỹ thi	67
Đoạn II.- Hậu quả	70
Mục II.- Những tệ trạng trong tử thực	71
Đoạn I.- Tính chất thường mãi của ngành giáo dục tử	71
Đoạn II.- Vấn đề kỷ luật trong tử thực	72
Đoạn III.- Vấn đề kiểm soát và thanh tra tử thực	74
Đoạn IV.- Bàn về lạm phát đại học tử	77
Mục III.- Sự đóng góp hữu ích của ngành giáo dục tử	79
Đoạn I.- Giải quyết vấn đề chỗ học cho thanh thiếu niên	79
Đoạn II.- Sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh đối với một số tử thực tiểu học	80
Đoạn III.- Giá trị giáo dục của các tử thực	81
Đoạn IV.- Sự đóng góp của những tử thực đặc biệt	83
Chương ba.- Các yếu tố cần quan niệm lại để hữu hiệu hóa ngành giáo dục tử Việt Nam	87
Mục I.- Về phương diện tổ chức	87
Đoạn I.- Trên phương diện pháp lý	87
Đoạn II.- Trên phương diện thực tế	88

	Trang
Mục II.- Về phương diện hoạt động	90
Đoạn I.- Đặt lại tầm quan trọng của vấn đề tu nghiệp	90
Đoạn II.- Quan niệm và thi hành đúng đắn việc kiểm soát và thanh tra tử thực	91
Đoạn III.- Sự nâng đỡ của chánh quyền : Trợ cấp	92
Mục III.- Các yếu tố thuộc tinh thần và ý niệm	93
Đoạn I.- San bằng mọi cách biệt công tử	93
Đoạn II.- Ý thức trách nhiệm và tinh thần tự trọng của hiệu trưởng và giáo giới	95
Đoạn III.- Ý thức chia sẻ trách nhiệm chung của cả phụ huynh học sinh	97
PHẦN KẾT.- THỬ TÌM MỘT HƯỚNG ĐI CHO NGÀNH GIÁO DỤC TỰ THỰC VIỆT NAM	100

Dẫn Nhập



VAI TRÒ THIẾT YẾU
CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TƯ

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

NGÀY XUA LÃO TỬ có nói : "Lâm thầy thuốc mà lâm thì giết một mạng người, lâm nhà địa lý mà lâm thì giết cả một họ, lâm chính trị mà lâm thì giết cả một thế hệ, lâm văn hoá mà lâm thì giết cả nhiều thế hệ".

Và gần đây triết học gia Alfred North Whitehead cũng đã nêu lên một nhận xét : "Một dân tộc coi rẻ việc cấu tạo trí thức của con người tất phải đi đến diệt vong. Và luật đó, ở vào thời đại hiện tại của chúng ta, không thể châm chước những ngoại lệ" (1).

Ở đây chúng tôi muốn nói rằng tự cô chi kim, từ Đông sang Tây không ai phủ nhận văn hóa là yếu tố căn bản và quan trọng nhất để thẩm định giá trị của một cá nhân hay một tập thể. Người ta xét trình độ văn hóa của một cá nhân hay một tập thể dĩ nhiên trên nhiều khía cạnh và đủ mọi mặt, nhưng ta có thể mạnh dạn mà nói rằng trình độ học vấn là yếu tố thông thường và rõ rệt nhất để định giá trị con người. Nói đến học vấn tức là nói tới vấn đề giáo dục vậy.

Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1.4.1967 đã nêu rõ văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách và dành một ngân sách thích đáng cho việc phát triển văn hóa giáo dục (2).

(1) Alfred North Whitehead : "Le peuple qui fait bon marche de la formation interlectuelle est condamne a perir. C'est une règle, a notre époque ne souffre pas d'exceptions"

(2) Điều 11, Hiến pháp 1967 :

- Văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách trên căn bản dân tộc khoa học và nhân bản.
- Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát triển văn hóa giáo dục.

Nhìn lại quá trình giáo dục Việt Nam, kể từ khi thu hồi độc lập, chúng ta phải công nhận rằng các nhà hữu trách giáo dục đã hằng quan tâm lưu ý đến việc phát triển và củng cố nền giáo dục nước nhà. Thực vậy, qua các bảng thống kê về giáo dục ta thấy số học sinh, sinh viên đã gia tăng thật mau lẹ so với đã gia tăng về dân số (3). Điều này là một hạnh diện cho sự tiến bộ và phát triển quốc gia, nhưng đồng thời cũng gây nên một vấn đề quan - yếu cho các nhà hữu trách vì tầm mức ảnh hưởng của nó song song với những vấn đề khác như chính trị, kinh tế, quân - sự....

Ý thức được vai trò, bộ giáo dục nói riêng và chính quyền quốc gia nói chung đã liên tiếp không ngừng mở mang giáo dục. Theo tinh thần hiến pháp 1.4.67 chính quyền khuyến khích, nâng đỡ mọi phân tử trong xã hội, giúp mọi người được hưởng một nền giáo dục đồng đều và bình - đẳng để sau này thành những công dân hữu dụng. Với chiều - hướng đó, các nhà hữu quyền giáo dục đã cố gắng mở thêm nhiều trường sơ công lập từ Tiểu học qua Trung học đến Đại học. Qua các tài liệu thống kê về giáo dục, ta thấy rằng trong niên khóa 1956 - 1957 số trường trung học công lập từ 47 trường trên toàn lãnh thổ đã tăng lên 287 trường và số học sinh từ 34.474 đã lên đến 220.181 học sinh trong niên khóa 1969 - 1970 chứng tỏ một cố gắng vượt bậc của chính quyền và bộ giáo dục.

(3) Theo niên giám thống kê :

	1956	1970
Dân số	12.366.000	17.333.000
Sĩ số	665.104	2.778.966

Tuy nhiên ai cũng phải nhìn nhận rằng vì tình trạng chiến tranh, quốc gia phải dồn mọi khả năng về nhân, tài, vật lực cho cuộc chiến đấu với Cộng Sản, ngân sách giáo dục chiếm một phần quá khiêm nhường đối với ngân sách quốc gia⁽⁴⁾. Cho nên đường hướng công lập hóa toàn thể các trường sở không thể nào thực hiện toàn hảo như ý muốn. Và một thực tế hiển nhiên là sự hiện hữu của ngành giáo dục tư đi song song và chế phối mạnh mẽ nên giáo dục công như có một tầm ảnh hưởng sâu xa trong quần chúng.

Để có những chứng tích xác thực, chúng ta thử duyệt xét các con số qua những bản đồ biểu sau đây :

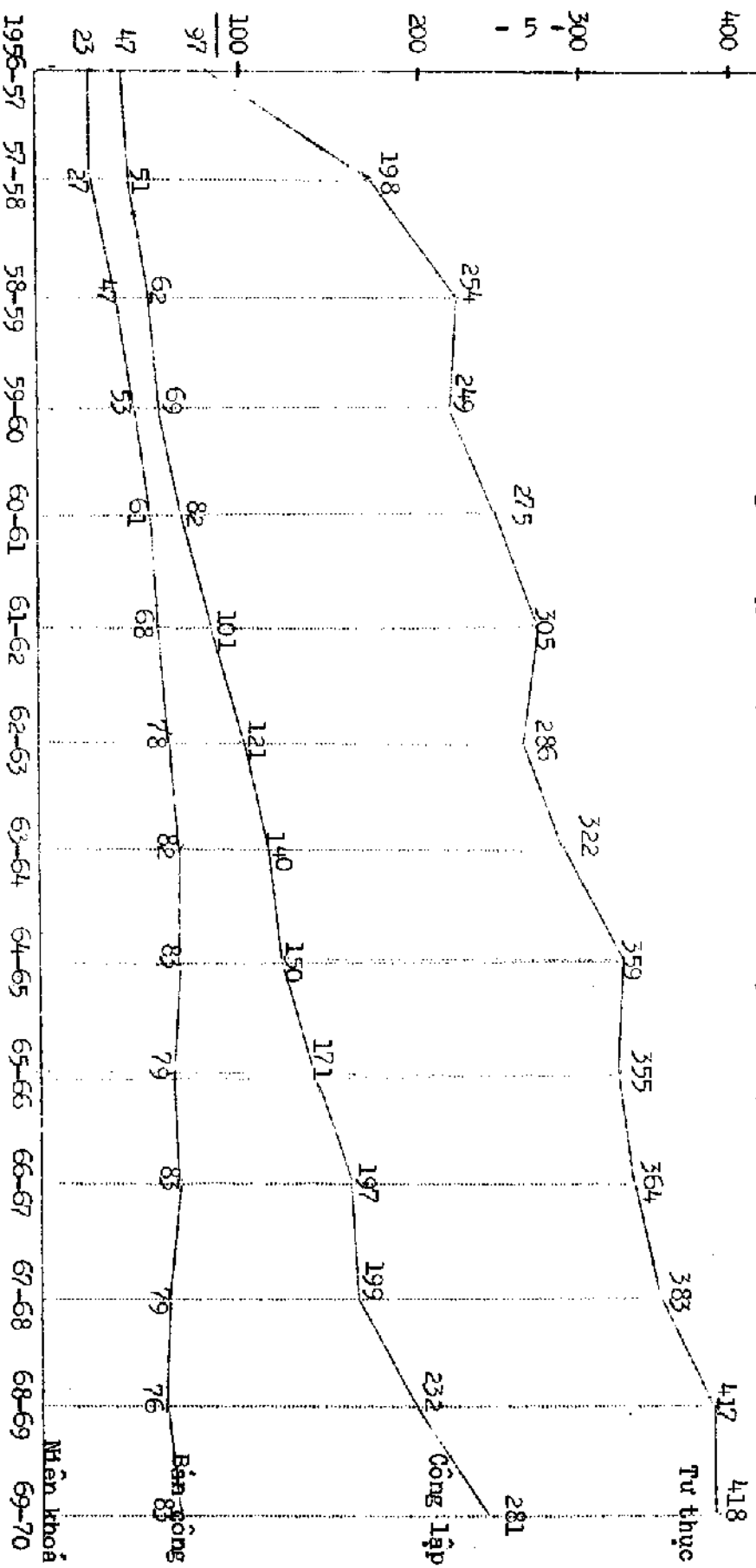
(4) Tài liệu thống kê quốc gia.

	1969	1970
Ngân sách quốc gia	145.534.200.000\$	190.502.000.000\$
Ngân sách giáo dục	6.395.300.000\$	8.367.800.000\$

Trường số

ĐỒ BIỂU ĐỐI CHIỀU VỀ TRƯỜNG SỐ từ 1956 - 1971

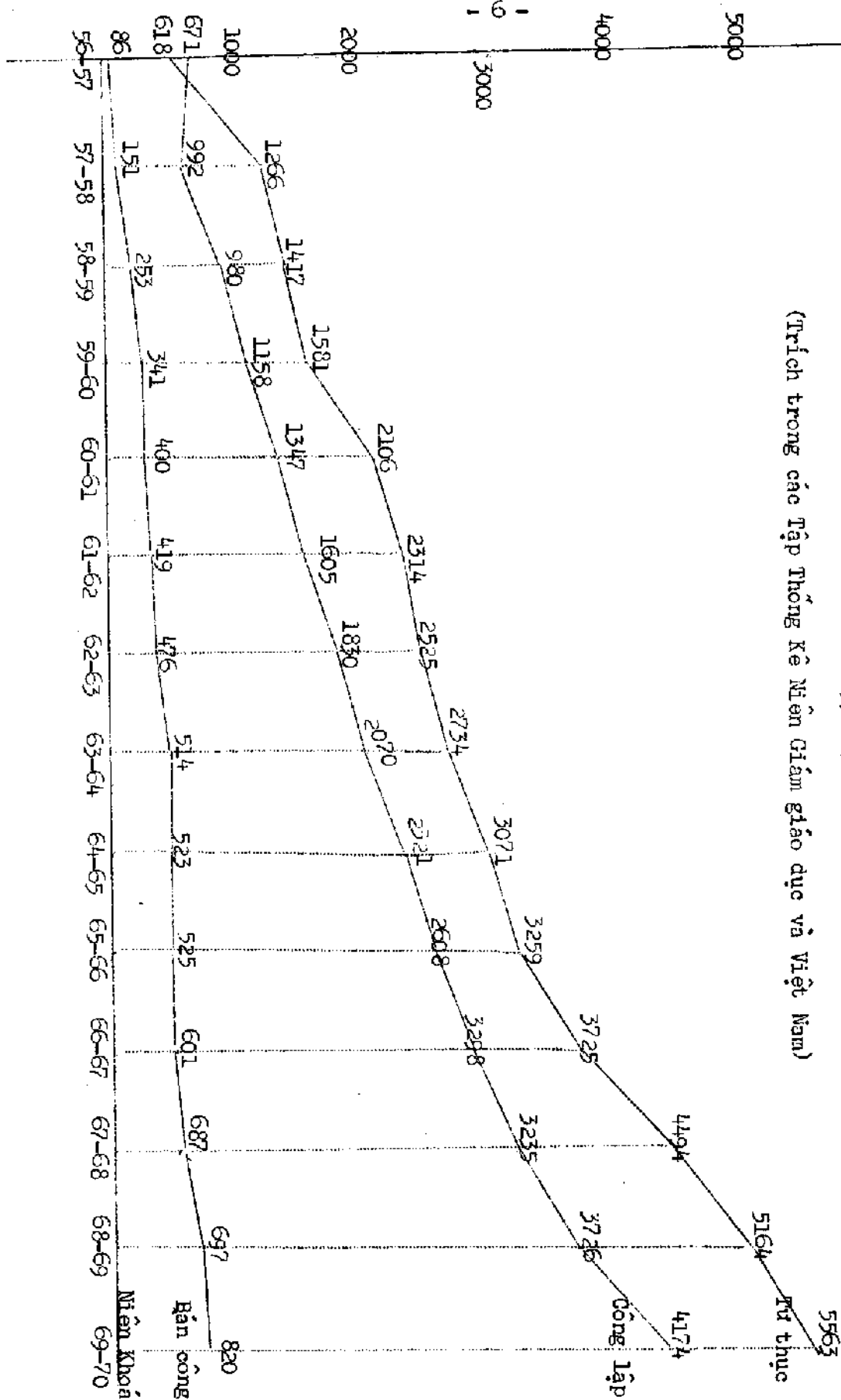
(Trích trong các tập niên giám Thống Kê Giáo dục và Việt Nam)



Lớp

ĐỒ BIỂU ĐỔI CHIỀU VỀ LỚP HỌC
từ 1956-1970

(Trích trong các Tập Thống Kê Niên Giám giáo dục và Việt Nam)



350000

300000

250000

200000

150000

100000



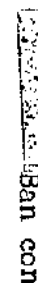
50000

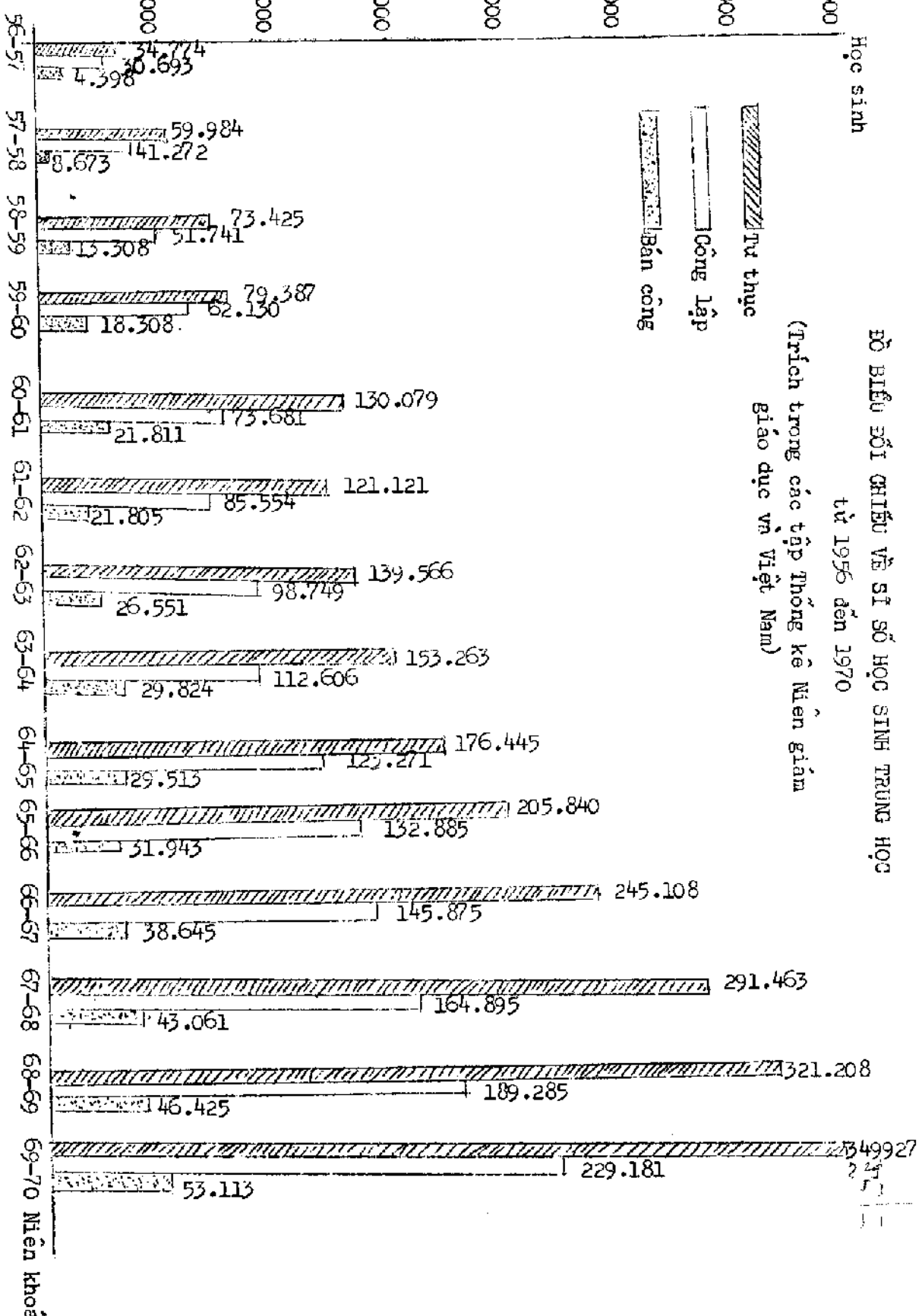
Học sinh

HỒ BIỂU ĐỔI CHIỀU VỀ SỐ HỌC SINH TRUNG HỌC

từ 1956 đến 1970

(Trích trong các tập Thông kê Niên giám giáo dục và Việt Nam)

 Tư thực
 Công lập
 Bán công



Niên khoá

Qua các con số đồ biểu đó, chúng ta thấy rằng từ 1956 đến nay tuy con số trường sở và lớp học công lập có gia tăng rõ rệt nhưng cũng không thể nào đủ để dạy dỗ cho toàn thể học sinh ngày càng gia tăng mau chóng. Và vì thế sự hiện diện của ngành giáo dục tư là điều hiển nhiên không những hiển nhiên mà còn cần thiết nữa. Hiển nhiên là ví lượng số học sinh to tát đã phải chen chúc để lọt được vào học tại một công lập nào đó. Số trường công lập tuy gia tăng nhưng dù sao vẫn hữu hạn vì khả năng của giới hữu trách cũng ngân khoản quá eo hẹp đưa đến hậu quả là tư nhân đã phải đứng ra thiết lập trường sở giáo dục con em. Hiển nhiên ở chỗ nhu cầu về trường sở gia tăng vì việc mở các tư thục còn có một mục đích tài chánh mà các vị hiệu trưởng hay chủ trường còn mang tư cách là một doanh nhân. Cần thiết là ví ngành giáo dục tư thục đã là một gánh nặng cho chính quyền. Chỉ nói đến việc giải quyết chỗ học cho con em, các tư thục đã nói lên vai trò quan trọng của mình. Thực vậy, trong niên khóa 1969-1970 tổng số học sinh trung học tư thục toàn quốc là 349.927 học sinh và tổng số học sinh trung học công lập toàn quốc là 229.181 học sinh. So sánh hai con số ta thấy số học sinh tư thục còn trội hẳn số học sinh công lập. Giả thiết rằng hệ thống giáo dục tư không còn nữa, với con số học sinh thiếu chỗ học to lớn ấy nên giáo dục nước nhà sẽ đi đến đâu và liệu các nhà hữu trách và hữu quyền giáo dục sẽ có những biện pháp gì để đối phó hay cải thiện tình trạng ấy?

Đến đây, chắc hẳn không ai phủ nhận một thực tế là sự hiện hữu một số lượng quá to lớn các tư thục cũng sự cần thiết phải có của ngành giáo dục tư đã giúp đỡ rất nhiều cho ngành giáo dục công trong khi sĩ số này ngày càng tăng vọt. Những hoạt động của các cơ sở giáo dục tư thục này có một tầm mức như thế nào, nó mang đến những hậu quả gì về

phương diện văn hóa giáo dục và nhất là nó đã chi phối sinh hoạt quốc gia ra sao. Chúng tôi muốn nói lên tính cách quan trọng của tư thực cũng mức độ ảnh hưởng của nó trong sinh hoạt chung của xã hội Việt Nam.

Hoạt động của ngành giáo dục từ đã có và hằng có trong sinh hoạt của cộng đồng. Hậu quả và tầm ảnh hưởng sâu xa ấy vô cùng hệ trọng đến tương lai lâu dài của xã hội Việt Nam. Nhưng hình như vấn đề bị quên lãng và vì lý do này hay lý do khác các người có trách nhiệm đã tỏ ra không quan tâm đúng mức nên vô tình để sinh hoạt ấy trở nên hỗn độn, thiếu tổ chức thành hệ thống, thiếu lễ lới chỉ đạo chúng để tiến bộ hoàn hảo.

Ở đây, chúng tôi muốn làm cái công việc góp nhặt những tài liệu vụn vặt để tìm hiểu cơ cấu tổ chức của các tư thực, để có một cái nhìn bao quát toàn diện của hệ thống và nhất là xem sinh hoạt thực sự của nó như thế nào trong cộng đồng quốc gia ngõ hầu thâm định mức độ giá trị của ngành giáo dục tư đối với quần chúng và đối với nền văn hóa nước nhà. Trong khi làm công việc đó, dĩ nhiên chúng tôi sẽ cố gắng nhận thức vấn đề để tìm thấy ưu khuyết điểm. Và vì vậy, một vài nhận định cá nhân cũng những đề nghị cải tiến được đưa ra sau này, là chúng tôi muốn đóng góp một phần nào trong việc đi tìm một phương thức tổ chức và lễ lới hoạt động của ngành giáo dục tư sao cho đạt được kết quả tốt đẹp hơn.

Đó là tất cả vấn đề mà chúng tôi xin được mạo muội trình bày trong quyển luận văn này.



Phần Thứ Nhất

**hiện trạng
nền giáo dục
tự thực việt nam**

Qua phân dẫn nhập, chúng tôi đã trình bày những sự kiện một phần nào nói lên vai trò thiết yếu không thể chối cãi được của ngành giáo dục tư. Và ảnh hưởng của sinh hoạt này trong xã hội Việt Nam cũng không phải nhỏ. Đó là một thực tế do lịch sử và tình trạng đất nước đưa đến mà ai cũng mặc nhiên công nhận.

Trước khi xác định một tầm mức và giá trị của hoạt động giáo dục tư trong xã hội, thiết tưởng chúng ta cần tìm hiểu cặn kẽ về cơ cấu tổ chức nền giáo dục tư hiện thời cùng phương thức hoạt động của ngành này để có một cái nhìn tổng quát và xác thực hơn.

Do đó, phần thứ nhất được trình bày như sau :

Chương I.- TƯ THỰC VIỆT NAM QUA DÒNG LỊCH SỬ.

Mục I.- Sơ lược về nền giáo dục cổ thời

Mục II.- Tiến trình phát triển của ngành giáo dục tư V.N.

Chương II.- CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NỀN GIÁO DỤC TƯ HIỆN THỜI.

Mục I.- Qui chế tư thực

Mục II.- Phân loại và đặc tính các tư thực

Mục III.- Cơ cấu tổ chức hoạt động tư thực

Mục IV.- Các cơ quan chi phối, kiểm soát ngành giáo dục tư

Mục V.- Bàn qua về các đại học tư.

Chương III.- THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TƯ TẠI V.N.

Mục I.- Vấn đề giảng huấn

Mục II.- Vấn đề tu nghiệp

Mục III.- Vấn đề học phí và thù lao cho giáo chức.

CHƯƠNG MỘT

TỬ THỰC VIỆT NAM QUA DÒNG LỊCH SỬ

MỤC I.- SƠ LƯỢC VỀ NỀN GIÁO DỤC CỔ THỜI

ĐOẠN I.- QUAN NIỆM VÀ TÍNH CHẤT

Nhìn lại lịch sử giáo dục của nước Việt Nam, ta sẽ thấy ngay rằng từ khi Việt Nam bắt đầu có giáo dục là đã có trường tư rồi. Thực vậy, những ông đồ của chúng ta ngày xưa há chẳng phải là một giáo sư tư thực sao? Chúng ta còn có thể mạnh dạn mà nói, trong quá khứ việc giáo dục con em là vai trò hoàn toàn của tư nhân. Mãi đến năm 1076 vua Lý Nhân Tôn mới thành lập Quốc Tử Giám tại Hà Nội, nhưng cũng chỉ mục đích dạy dỗ đám con em quan lại đương thời. Còn con cái dân chúng cả nước từ kinh đô đến làng mạc xa xôi hẻo lánh thì tuyệt đối không được hưởng chút nào. Và họ van phải tìm đến các bậc Nho gia lão thành, các vị thầy đồ khả kính để mong hấp thụ được dăm chữ thánh hiền tiến thủ trên con đường quan nghiệp hay đem áp dụng trong đời sống hằng ngày. Nói tóm lại giáo dục tư vẫn đóng một vai trò chính - yếu trong công việc giáo dục mọi tầng lớp nhân dân.

Sau đây chúng ta thử tìm hiểu xem người xưa quan niệm học hỏi như thế nào và tính chất của nền giáo dục ông cha ta ra sao.

a.- ĐÀO TẠO TẦNG LỚP PHỤC VỤ CHO CHẾ ĐỘ.-

Ai cũng biết xã hội Việt Nam ta khi xưa sinh hoạt dưới chế độ quân chủ. Năm quyền chủ tế mọi hành động, mọi cải cách và mọi phán quyết là vị vua cha truyền con nối. Dưới vua là các quan văn võ đồng thí hành mệnh lệnh nhà vua và giúp vua trong việc cai trị con dân. Các quan phải hết lòng phục vụ cho nhà vua, cho chế độ quân chủ thế truyền. Và nền giáo dục khi xưa cốt để đào tạo ra tầng lớp quan lại phục vụ cho chế độ.

Ngày xưa, tiêu chuẩn ấn định nhân tài đất nước là văn hay, chữ tốt, là thấm nhuần đạo lý thánh hiền. Những vị này tài cao, học rộng, biết điều nhân nghĩa, biết tôn trọng tam cương ngũ thường là đủ đức tánh và kiến thức để có thể làm quan, đứng đầu trăm dân mà chăm sóc cai trị dân thay cho nhà vua. Và đó là ước vọng duy nhất của các bậc sinh thành, đó là kỳ vọng lớn lao ở các bậc tôn sư mong sao cho người nho sinh ấy một ngày kia đủ đạt làm quan trong triều trở về vinh quy bái tổ vậy.

b.- CỐT TRUYỀN BẢ TƯ TƯỞNG NHO GIÁO.-

Nhìn sâu hơn, ta sẽ thấy lẽ lối giáo dục ngày xưa có nhiều nét khác lạ. Không chú trọng nhiều đến việc đào tạo cho con em có một kiến thức cao về sự việc, về vạn vật trong vũ trụ hay về những định luật hằng có. Nền giáo dục xưa cốt sao truyền bá được tư tưởng nho giáo, cốt sao cho người học thấm nhuần triết lý Khổng Mạnh. Ở đây chúng ta không bàn về cái triết lý Nho gia như thế nào. Vì đó lại là một vấn đề phức tạp khác. Chúng ta chỉ biết nền giáo dục ngày xưa chú trọng nhiều đến khía cạnh tinh thần của con người, cố rèn luyện sáo cho con người có một trình độ nhận thức sâu xa. Mà chân lý của những giá trị tinh thần ở đâu, nếu không phải là ở cái triết lý Khổng Mạnh là ở cái hệ thống tư tưởng của các bậc Nho gia nổi tiếng ?

c.- CHÚ TRỌNG KHOA CỬ HƠN KIẾN THỨC THỰC DỤNG.-

Mục đích của cha mẹ ngày xưa cho con em đi học không ngoài việc để có thể tiến thân bằng con đường khoa cử, con đường duy nhất đem đến giàu sang vinh hiển cho cá nhân và gia tộc. Thực vậy,

chịu khổ dùi mài kinh sử, chịu khổ sớm hôm đèn sách, ngày xưa người ta chỉ mong chờ có dịp ra Kinh ứng thí, đem số học ra tranh đua để được bằng vàng bia đá đề tên, để được võng kiệu vinh quy về làng. Chúng ta thấy rõ, cái số học ngày xưa là để tiến thân trên con đường khoa cử, là để tranh đua cái tài văn hay chữ tốt, cái tài thi phú cao thâm. Tiêu chuẩn hơn thua đó cốt để đỗ đạt, để ra làm quan. Người xưa quên đi điều quan trọng là viên tân quan vừa thi đỗ đó có được thực sự một kiến thức như thế nào. Và nhất là có mang cái kiến thức cái số học ấy ra áp dụng được hay không. Chấn dân thay vua, vị tân quan ấy có áp dụng điều gì trong tứ thư ngũ kinh để điều hoà hoạt động guồng máy của một đơn vị nhỏ trong cộng đồng quốc gia không? Điều này chúng ta không đi sâu hơn mà chỉ biết ngày xưa người ta quan niệm đi học để đi thi, để "đường khoa cử được thăng thang cử bộ" vậy.

d.- TÙY THUỘC NHIỀU Ở CÁ NHÂN ÔNG THẦY.-

Đây là một tính chất cá biệt trong nền giáo dục cổ xưa. Chương trình học, phương pháp lễ lối học đều tùy thuộc cá nhân ông thầy. Cho chí đến tánh nết quan niệm nhân sinh của môn đệ phần lớn cũng ảnh hưởng mạnh mẽ nơi vị sư phụ ấy nữa. Văn chương, chữ nghĩa, đạo lý thánh hiền ngày trước ông thầy đã học, đã thấm nhuần, và nhất là đã hiểu đã nhận thức được đạo lý ấy ra sao người đốc túi truyền lại cho kẻ môn sinh. Ông thầy được xem như một vị thánh sống, lời nào thầy nói cũng đúng, điều gì thầy làm cũng hay. Và vì thế học trò phải tuyệt đối noi gương thầy. Không những nghe thầy giảng dạy văn chương chữ nghĩa mà còn theo thầy hành động cư xử ở đời, thấm nhiễm ở thầy cả cái nhìn về nhân thế.

Thế nên cái học ngày xưa thật chủ quan và thủ cựu. Chủ quan ở chỗ ông thầy luôn luôn tự mãn. Từ lễ lối học hành, từ sách vở tài liệu đều do ông đặt ra và hành xử công việc giáo dục giảng huấn. Đám môn sinh chỉ biết và có bốn phận phải răm rắp tuân theo, răm rắp noi gương và học hỏi những gì thầy đưa ra chỉ dạy. Thủ cựu là vì luôn luôn ông thầy nghĩ rằng những điều gì mình biết, mình học hỏi được của tôn sư khả kính của mình ngày xưa đều đúng, đều phải, đều hay cho nên mình có bốn phận phải truyền những cái đó lại cho đám môn đệ của mình. Cái lý luận đó đã làm cho nền văn hoá Đông Phương khó phát huy và bước tiến bộ của kiến thức chỉ là những bước dậm chân tại chỗ trong khi văn minh Tây phương có những bước tiến nhảy vọt vậy.

ĐOẠN II.- TẦM MỨC QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC TƯ TRONG CỔ THỜI

a.- SỰ THIẾU SÓT LỚN LAO CỦA CHÍNH QUYỀN.-

Đi tìm hiểu tầm mức quan trọng của giáo dục tư trong cổ thời, trước hết ta phải nói lên sự cần thiết phải có của nó. Thật vậy, với cả một gánh nặng giáo dục con em nói riêng và quần chúng nói chung, chính quyền ngày xưa đã tỏ ra quá thờ ơ và trao trọn trách nhiệm hoàn toàn cho tư nhân. Từ xưa, việc giáo dục vẫn là phần của các ông đồ nhỏ, các vị gia sư của từng giòng họ từng thôn ấp. Nhà vua không hề thiết lập một cơ quan nào đảm trách việc dạy dỗ, hay lo việc học hành cho con em người dân trong nước. Đây quả là một thiếu sót lớn lao của chính quyền thời ấy. Chúng ta có thể bảo chữa chẳng khi nghĩ rằng vì mô thức xã hội quân chủ nhất là ở thời xa xưa quá đơn giản nên việc giáo dục công không phải là vấn đề được đặt ra cho các vị vua quan lúc ấy ? Nhìn lại lịch sử chúng ta thấy mãi đến năm 1076 vua Lý Nhân Tôn mới thành lập Quốc Tử Giám tại Hà Nội là cơ quan giáo dục công lập đầu tiên nhưng cũng chỉ với mục đích dạy dỗ con cái của các quan lại trong triều mà thôi (5). Còn lại tất cả con dân trong nước vẫn không được hưởng nền giáo dục miễn phí ấy và vẫn phải học hỏi qua các ông thầy tư nhân nôm na gọi là thầy đồ.

b.- VAI TRÒ CỦA ÔNG THẦY ĐỒ TRONG NỀN GIÁO DỤC TƯ.-

Trong nền giáo dục tư của ta xưa, không thể nào chúng ta bỏ quên được vai trò của ông thầy đồ. Tổ chức giáo dục tư của ta ngày xưa thật đơn giản : ông thầy đồ vừa là cơ quan giáo dục vừa là người hành xử công việc giáo dục trông cơ quan nữa. Thực vậy, ngày xưa làm gì có trường sở này, cơ quan giáo dục nọ, làm gì có việc con em học ngành này hay ngành nọ. Chỉ có một lớp học duy nhất do một vị giáo sư duy nhất dạy dỗ, tuy rằng lớp học chia ra làm nhiều bậc học và các học sinh thì ở nhiều trình độ khác nhau.

(5) Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, nhà xuất bản Tân Việt, trang 104.

Tất cả kiến thức của ông thầy, những chủ trương về cách thức giảng dạy, về lề lối tổ chức học hành, duy nhất một mình ông ta tự vạch và cũng chính ông ta thực hiện. Cả một nền giáo dục nước nhà phần lớn đã nằm hoàn toàn trong tay các vị đồ nho này. Từng người, từng cá tính, từng sự hiểu biết khác biệt, việc giáo dục con em của các thầy đồ ngày xưa làm nổi bật lên vai trò của mỗi vị, vai trò hết sức quan trọng vì nó quyết định cả một quan niệm giáo dục và đường lối hoạt động trong tiến trình phát triển của nền văn hoá nước nhà.

MỤC II.- TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TỬ VIỆT NAM

Sau khi tìm hiểu sơ lược về nền giáo dục cổ thời với những tính chất đặc thù của nó cùng nhìn nhận tầm quan trọng của ngành giáo dục tư trong cổ thời, chúng ta hãy theo dõi tiến trình phát triển của ngành giáo dục tư tại Việt Nam. Qua lịch sử chúng ta có thể chia tiến trình đó ra làm ba thời kỳ, mỗi thời kỳ có một đặc tính riêng biệt.

ĐOẠN I.- THỜI KỲ QUÂN CHỦ

Có thể nói rằng trong thời kỳ quân chủ này, từ khi Việt Nam ta có giáo dục thì ngành giáo dục tư đã có và vẫn lưu hành. Như đã nói, ông thầy đồ dạy học ngày xưa là một hình thức của chế độ giáo dục tư. Và hình thức này có thể nói là duy nhất trong suốt thời kỳ quân chủ. Thật vậy, trải qua bao thời gian, bao triều đại đổi thay, tuy mỗi triều vua việc tổ chức thi cử có đổi thay ít nhiều, nhưng tựu trung nền học vấn và nhất là lề lối, phương pháp giáo dục trong dân gian vẫn là các cụ đồ nho, vẫn là các môn sinh tụ tập dòm mại kinh sử theo lối tử chương bất di bất dịch. Ngành giáo dục tư trong thời kỳ này không thể nói là thịnh hành, nhưng phải bảo là một sự kiện hiển nhiên phải có vì nhà vua có một thiếu sót lớn lao là không tổ chức một nền giáo dục công cho dân. Tìm hiểu sâu hơn, ta thấy nền giáo dục tư trong thời kỳ quân chủ có hai đặc tính cần nêu ra. Đó là tính cách thô sơ, rời rạc và thứ hai là lệ thuộc vào biến chuyển lịch sử.

a.- TÍNH CÁCH THÔ SƠ VÀ RỜI RẠC.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Nhìn chung xã hội Việt Nam dưới thời quân chủ ta thấy mô thức tổ chức tương đối đơn giản hơn bây giờ rất nhiều. Điều này cũng bình thường khi ta vẫn biết Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hoá Tàu hay nói chung là nền văn hoá Đông Phương. Tổ chức xã hội đơn giản, mọi người đều bằng lòng với nếp sống cố hữu, tinh thần thủ cựu là đặc tính hàng có của dân tộc Đông phương. Xã hội Việt Nam trong thời kỳ quân chủ cũng vậy.

Xét riêng khía cạnh giáo dục, nền giáo dục tư thực quả thô sơ và rời rạc.

Thô sơ là vì không được tổ chức khéo léo, rộng lớn hay phát triển mạnh lên. Trải bao thời gian, nền giáo dục tư của ta vẫn là ông thầy đồ. Nhà của ông thầy đồ cũng chính là nhà trường, là cơ sở giáo dục học sinh. Và duy nhất ông đồ là vị giáo sư giảng dạy kiêm hiệu trưởng, chủ trường hay người trông nom kiểm soát tánh tình hạnh kiểm của học trò. Thô sơ là vì trường học cũng là lớp học, thô sơ là vì thiếu sự phân nhiệm trong trọng trách giáo dục học sinh. Lý do là vì chỉ có một ông thầy đồ đứng ra vừa cầm đầu vừa hành xử cái tổ chức nho nhỏ có tích cách gia đình ấy. Nó không có hệ thống rõ rệt chi cả.

Chính vì tổ chức giáo dục tư trong thời kỳ này không có hệ thống nên mới có tính chất rời rạc. Thực vậy, mỗi một ông đồ là một cơ sở giáo dục tư biệt lập và độc lập. Ông đồ mở trường dạy học chỉ trong phạm vi làng mình hay cùng lắm là huyện mình. Tổ chức đó ra sao không cần ai biết đến, không cần liên lạc, không có liên hệ gì đến những ông đồ khác cũng lập một tư thực biệt lập trong vô số làng xã khác nhau trên khắp mảnh đất Việt Nam.

b.- LÊ THUỘC VÀO BIẾN CHUYỂN LỊCH SỬ.-

Lẽ tất nhiên, bất cứ sinh hoạt nào của một xã hội cũng sẽ tùy thuộc rất nhiều vào biến chuyển lịch sử. Ở đây chúng tôi muốn nhìn vấn đề dưới một khía cạnh khá đặc biệt. Chúng tôi muốn nói biến chuyển lịch sử là trải qua các triều đại nhà vua, trải qua bao thời loạn đến thời bình.

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC

204

Như đã thấy lối học ngày xưa là lối học từ chương, chỉ cốt nhớ lại những lý thuyết của Khổng Mạnh được coi là Kim chỉ nam của "học" và "hành". Thế nên lối giảng dạy ngày xưa không có một phương pháp nhất thiết nào cả và lối học ngày xưa cũng thật chủ quan vô lý. Triều đại nào nhà vua chuộng Nho học, cho mở khoa thi tuyển tân quan thì nền giáo dục tự phát triển, đám môn sinh của các vị đồ nho tha hồ tranh tài trong trường văn trận bút để mong được đỗ đạt, trọng dụng. Người ta đua nhau học hành, xin thụ giáo các bậc tôn sư. Triều đại nào vua bạo ngược, ham mê tiêu sắc, thích nịnh thần, chọn lựa quan chức vô lối thì nền Nho học cũng suy đồi, các ông đồ ngồi không nuôi tiếc cho dĩ vãng hay mơ tưởng một tương lai nào đó.

Đến thời loạn ly giặc giã, xã hội bị xáo trộn điêu tàn, mọi sinh hoạt đều kiệt quệ, giáo dục tự trong thời này cũng bị quên lãng hay im lìm như mất hẳn. Và nó lại trỗi dậy khi đất nước thái bình, khi có vị vua nhân đức cầm quyền, thích đạo lý thánh hiền, trọng người văn hay chữ tốt.

Tuy nền giáo dục tự của ta xưa kia thay đổi và tùy biến chuyển lịch sử như thế, nhưng tổng quát mà nói thì vẫn bao đặc tính ấy, vẫn một truyền thống cũ kỹ và vẫn sinh hoạt trong một khung cảnh quen thuộc. Nền giáo dục tự trong thời kỳ quân chủ này không có gì khác lạ về tính chất thô sơ của nó. Mãi đến khi người Pháp đến Việt Nam và đặt nền đô hộ lên xứ sở, ngành giáo dục tự mới đổi khác và có nhiều nét đặc thù.

ĐOẠN II.- THỜI KỲ PHÁP THUỘC

Trong thời kỳ này, hệ thống quan lại bị hủy bỏ. Lễ lối tổ chức khoa cử không còn được người Pháp áp dụng. Hơn nữa, Nho học cũng giảm bớt đi địa vị độc tôn của nó trong khi những điều mới lạ, những khoa học khác từ bên trời Tây được người Pháp dần dần cho du nhập vào xứ ta. Bấy giờ hệ thống giáo dục ta được rập theo khuôn mẫu của hệ thống giáo dục bên Pháp. Người Pháp tổ chức giáo dục trong xứ ta có mục đích để đào tạo một số giới hạn thanh niên Việt Nam để giữ những chức vụ thấp trong chánh phủ thuộc địa và để làm tay sai cho giai cấp thống -

trị. Và cũng từ đó, hệ thống trường tư song song với trường công được phát triển trong nước. Các tư thực này lần đầu tiên có tổ chức hẳn hoi, có mục đích rõ rệt với những lề lối phương thức giảng dạy bắt chước như hệ thống công lập của Pháp thiết lập. Tuy nhiên các trường tư lúc bấy giờ mang một sắc thái riêng biệt.

a.- BẢN CHẤT CÁC TƯ THỰC.-

Trong thời kỳ Pháp thuộc, khi mà nền học vấn cổ truyền của ta vừa bị đào thải, khi mà người Pháp mới bắt đầu thiết lập những cơ sở giáo dục giới hạn để đào tạo một lớp người phục vụ cho họ; tại sao lại xuất hiện những tư thực? Câu hỏi cần được nêu ra bởi vì lúc đó sự hiện diện của một nền giáo dục tư có thật sự cần thiết để tiếp tay với ngành giáo dục công không? Câu trả lời dĩ nhiên là không. Bởi lẽ dân chúng còn bở ngỡ trước tổ chức và lề lối giáo dục mới, trước những ngành khoa học và chương trình giáo dục xa lạ, họ chưa muốn hội nhập với sinh hoạt giáo dục mới lạ này. Vậy thì các tư thực xuất hiện trong thời này đã mang một sắc thái đặc biệt: Trường tư là nơi trú ẩn tinh thần chống Pháp cũng như tinh thần cách mạng. Thật vậy, các nhà cách mạng, các chiến sĩ chống Pháp dĩ nhiên bị chính quyền đô hộ tìm đủ mọi cách để tiêu diệt. Các cuộc hội họp của người dân đều bị người Pháp cấm đoán và kiểm soát gắt gao. Vì thế các tư thực là địa điểm tốt nhất để những nhà cách mạng có dịp gặp gỡ và bàn định kế hoạch chống Pháp hay cải cách xứ sở. Các tư thực này vừa là một cơ sở kinh-tài, mang đến cho tổ chức một nguồn lợi tức, vừa là địa điểm hoạt động chính trị của tổ chức ngay dưới mắt của thực dân Pháp. Tiêu biểu hơn cả là Đông Kinh Nghĩa thực của Phan bội Châu lập nên năm 1907 tại Hà Nội. Nhưng 9 tháng sau thì bị đóng cửa vì người Pháp biết đây là một tổ chức cách mạng trá hình (1).

Lúc đầu các tư thực xin phép thành lập thật khó khăn. Vì lẽ chính quyền Pháp e dè. Khi họ đã có kinh nghiệm ở Đông Kinh Nghĩa

(1) Việt Nam Pháp Thuộc Sử của Phan Khoang, nhà sách Khai-
Tri xuất bản, trang 460.

thực. Hơn nữa lúc ấy là buổi giao thời giữa hai khuynh hướng giáo dục. Cái truyền thống Nho học ngày trước và lối học tử chương và khoa - cử triều đình Huế vẫn còn tồn tại song song với lối tổ chức thi cử của Pháp và chương trình giáo dục mới mẽ theo Tây Phương. Người dân Việt còn ngỡ trước sự kiện đó nên số người theo Tây học còn ít ỏi. Vì thế các tư thực chưa phát triển được và vẫn ở trong tình trạng yếu - kém thiếu tổ chức và rời rạc.

Nhưng dần dần, nhu cầu học hỏi của người dân gia tăng số tư thực thành lập mỗi ngày một nhiều song song với sự dễ dãi của người Pháp. Đa số các tư thực đều phỏng theo chương trình dạy học của các công lập thời ấy và có tổ chức hẳn hoi, giảng dạy theo một phương pháp riêng cũng như có cơ sở riêng chứ không còn tính cách gia đình như ngày trước nữa.

Sau trận đại chiến thứ nhất, người Việt Nam đã thấy giá trị của văn hoá Pháp, và khoa cử đã bỏ, chỉ những bằng cấp tân học mới cho phép thanh niên vào làm việc ở các công sở của chánh phủ Bảo hộ cũng như của Nam triều nên từ đó họ mới háng hái theo học mới (1). Hơn nữa các cuộc đấu tranh kháng Pháp dành độc lập đã chuyển sang hình thái bạo động nên các tư thực được Pháp xem là cơ sở giáo dục thuần túy và họ để phát triển tự do. Theo thời gian dần dần các tư thực được thiết lập, rải rác khắp nước mỗi lúc một nhiều theo đà tăng gia sĩ số (Tuy số học sinh có gia tăng, nhưng so với dân số vẫn quá ít và nạn mù chữ chiếm đến 80% dân số).

DOAN III.- THỜI KỲ ĐỘC LẬP

Sau khi người Pháp bị mất chủ quyền ở Đông Dương, suốt trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1954 nền giáo dục Việt Nam nói chung vẫn trì trệ và không phát triển được bao nhiêu vì thiếu chính sách và

(1) Việt Nam Pháp Thuộc Sử của Phan Khoang, Khai Trí xuất bản trang 433.

thiếu cán bộ. Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên và giai đoạn này là giai đoạn chuyển tiếp với bao nhiêu biến cố chính trị dồn dập và nhất là không có một chính quyền ổn cố để đề ra một kế hoạch, một chính sách lâu dài cho bất cứ một tiến bộ nào của quốc gia.

Nền giáo dục nước nhà chỉ thực sự phát triển từ năm 1955 sau khi chế độ đệ nhất Cộng Hoà được thiết lập. Sự tiến bộ và phát triển nền giáo dục quốc gia được đánh dấu bằng số học sinh, sinh viên, số cán bộ giáo dục, số trường lớp đều gia tăng mạnh mẽ.

Từ niên khoá 1954 - 1955 theo đà phát triển của mọi ngành hoạt động trên toàn quốc sau khi thu hồi độc lập, số tư thực Trung - tiểu học đã gia tăng mau chóng, gánh vác một phần khá quan trọng trong công cuộc giáo dục thanh thiếu niên.

TƯ THỰC TIỂU HỌC VÀ SƠ CẤP

	Niên khoá 1954-55	Niên khoá 1968-69
Số trường	473	4.536
Số lớp	1.859	13.440
Số giáo viên	1.754	13.520
Số học sinh	71.267	611.780

TƯ THỰC TRUNG HỌC

	Niên khoá 1954-55	Niên khoá 1968-69
Số trường	89	584
Số lớp	453	5.120
Số giáo sư	600	10.312
Số học sinh	22.001	384.602

a.- Đã bành trướng của các tư thục.-

Một trong những vấn đề quan trọng và cần kíp của chính quyền đệ I Cộng hoà là chú trọng đến nền giáo dục nước nhà. Vì thế, ngay trong những năm đầu của chế độ, chính quyền đã cho thiết lập, mở mang thêm các cơ sở giáo dục, đồng thời các cán bộ giáo dục đã hoạt động mạnh mẽ trong chiến dịch chống nạn mù chữ, một tệ trạng cố tình do chính sách ngu dân của thực dân Pháp để ra. Dân chúng được điều dắt khuyến khích để đi học, thêm vào đó cơ cấu xã hội dần dần ổn định và đang trên đà phát triển. Các ý niệm về khoa học được du nhập, vì thế dân chúng đã bắt đầu ham thích học hỏi, và con em họ quen dần với tình trạng và chính sách giáo dục do chính phủ để ra. Con số người đi học ngày mỗi tăng mau chóng, cho nên dù chính phủ đã cố gắng thiết lập thêm nhiều trường sở, huấn luyện thêm cán bộ và giáo chức cũng không làm sao thu nhận hết con số học sinh trên đà gia tăng ấy. Một sự kiện hiển nhiên là nhiều tư thục mới ra đời. Sự khiếm khuyết của chính quyền trong việc giải quyết. Chỗ học cho học sinh đã đưa đến một thực tế là các tư thục mọc ra như nấm. Đã bành trướng của các tư thục nay là một sự kiện bắt buộc phải có và nó đã đóng góp một phần không nhỏ trong công việc giáo dục con em quần chúng.

Ngày 23 tháng 10 năm 1956 một quy chế các trường tư thục tại Việt Nam được ban hành, đó là dụ 57/4 chứng tỏ mối quan tâm của chính phủ và hoạt động tư thục được coi là một trong những sinh hoạt quan trọng của cộng đồng.

b.- Tầm quan trọng.-

Sang thời đệ nhị Cộng Hoà, con số học sinh càng gia tăng nhiều hơn nữa vì số trẻ em ngày càng nhiều theo đà gia tăng dân số và ý thức học hỏi của dân chúng. Trong khi đó, vì phải bận tâm và nhất là đặt một phần lớn năng lượng quốc gia vào cuộc chiến đấu mất còn với cộng sản nếu các cơ sở giáo dục công lập càng chiếm một tỷ lệ ít ỏi so với số sĩ số chung trong nước. Và vì vậy con số các tư thục lại nhiều hơn trước nữa. Trọng trách giáo dục dần dần đã bị chính quyền bắt đầu để trao vào tay tư nhân, nhất là ở cấp Trung học.

Dù nhìn dưới khía cạnh nào, người ta phải thành thật nhận rằng tư thục hiện tại là một thực tế lớn mạnh. Ngay con số chính thức sau đây lấy từ tài liệu của Bộ giáo dục cho ta thấy điều đó.

	Bậc Trung Học		Bậc Tiểu Học	
	Công lập	Tư Thục	Công lập	Tư thục
Số trường	199	428	5.015	1.917
Số học sinh	162.776	308.149	1.609.589	359.589
Số giáo chức	3.232	8.296	26.815	6.106

Nói đại khái, trong 100 học sinh tiểu học thì 18 trẻ em học trường tư và trong 100 học sinh trung học thì có đến 65 em được các tư thục chia xẻ trách nhiệm giáo dục.

Chính quyền, với ngân sách quốc gia, với nhiều trường sư phạm, với mọi sự viện trợ của các nước bạn... chỉ mới lo lắng cho 82% học sinh tiểu học và 35% học sinh trung học mà thôi. Vì thế, người ta có thể nói rằng trong hiện tình của nước nhà tư thục đã giúp chính quyền giải quyết được việc học hành cho các con em.

Cả một hệ thống tư thục to lớn và quan trọng như vậy đã và đang hoạt động ra sao, tổ chức của các cơ sở này như thế nào sẽ được trình bày trong chương hai.



CHƯƠNG MỘT

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NỀN GIÁO DỤC TƯ HIỆN THỜI

MỤC I.- QUI CHẾ TƯ THỰC : DỤ 57/4

Nhằm mục đích hệ thống hoá hoạt động các tư thực, hướng dẫn và kiểm soát phần nào Bộ giáo dục của các trường tư, và cũng để nói lên sự quan tâm của chính quyền đối với một ngành hoạt động quan trọng của quốc gia, ngày 13 tháng 10 năm 1956 Tổng Thống Việt - Nam Cộng Hoà Ngô đình Diệm đã ban hành Dụ số 57/4 để ấn định Quy chế các trường tư thực tại Việt Nam. Dụ này gồm 6 tiết, 37 điều và được chia ra :

- Tiết I.- Sự cho phép mở trường (Từ điều 1 đến điều 10)
- Tiết II.- Điều kiện hoạt động (Từ điều 11 đến điều 17)
- Tiết III.- Sự kiểm soát các tư thực (Từ điều 18 đến điều 23)
- Tiết IV.- Trừng phạt (Từ điều 24 đến điều 31)
- Tiết V.- Trợ cấp (Từ điều 32 đến điều 33)
- Tiết VI.- Điều khoản chuyển tiếp (Từ điều 34 đến điều 37)

Dụ này có những điểm quan trọng cần lưu ý như sau :

Điều 1.- Được coi là tư thực những trường hay những lớp (kể cả các trường hay lớp lệ thuộc một chủng viện hoặc một tổ chức xã hội) truyền dạy cùng một lúc, một hoặc nhiều môn cho trên 10 học sinh thuộc những gia đình khác nhau, và có những nhân viên không do chính phủ bổ nhiệm và đãi thọ.

Điều 2.- Không ai được tự ý mở một tư thục trên lãnh thổ Việt Nam mà không có giấy phép trước của chính phủ Việt-Nam.

Điều 5.- Không đủ tư cách điều khiển một tư thục, giảng dạy hoặc làm giám thị tại nơi đó :

- a.- Những người đã can án trọng tội hay khinh tội, trừ những án phạt tù vì sơ ý, bất cẩn và những án phạt tiền.
- b.- Những người không có những bảo đảm cần thiết về hành vi chính trị hoặc về hạnh kiểm.
- c.- Những công chức bị cách chức vì kỷ luật.

Điều 9.- Mọi sự thay đổi về tình trạng nhà trường : mở thêm lớp, di chuyển trường sở, sửa đổi nội chế nhà trường (nội trú hay ngoại trú), cải tổ loại và cấp bậc học, đều phải có đơn xin phép.

Điều 12.- Các tư thục Việt Nam bắt buộc hoàn toàn áp - dụng chương trình học trong các trường công lập Việt Nam để học sinh có thể theo học đầy đủ các cấp bậc và dự được các cuộc thi công cộng, trừ trường hợp một số lớp dạy chuyên nghiệp.

Điều 13, 14, 15, 16.- Nói về những điều kiện cần thiết phải có của các vị Hiệu trưởng, giáo sư, giáo viên, giám thị... Các điều kiện về vệ sinh trường sở, sức khỏe học sinh...

Điều 17.- Những hiệu trưởng trường nào muốn đóng cửa trường mình phải báo trình bộ Quốc gia giáo dục (qua Nha học chánh địa phương nếu là tư thục bậc Tiểu học hay trung học).

Điều 18, 19, 20.- Nói về việc kiểm soát các tư thục về phương diện giáo dục, chương trình học do Bộ giáo dục đảm nhận. Việc kiểm soát và khám xét các tư thục do :

- Các vị đại diện của Bộ quốc gia giáo dục
- Các giám đốc học chánh đại phương
- Các vị Đô, Tỉnh, Thị, Quận trưởng
- Các Thanh tra học chánh
- Các Y sĩ Nha Y tế.
- Các nhân viên bộ Kiến thiết và thiết kế đô thị.

Điều 24.- Ngoài những hình phạt về tội thuộc hình luật, nhân viên ngành tư học có thể bị trừng phạt về kỷ luật như sau :

- 1 - Khiển trách
- 2 - Cấm chỉ tạm thời hay vĩnh viễn trong việc hành nghề.
- 3 - Thu hồi giấy phép và đóng cửa trường.

Điều 26.- Nhà cầm quyền đã cấp giấy phép mở trường sẽ phán định trực tiếp việc khiển trách.

Cũng nhà cầm quyền này sẽ phán định việc cấm chỉ việc hành nghề và đóng cửa trường.

Điều 28, 29, 30, 31.- Qui định những hình phạt khi vi phạm những cấm chỉ của chánh quyền về thể lệ hành nghề tư thực.

Điều 32.- Những trợ cấp có thể được ban phát cho những tư thực Việt Nam nào được Chính phủ chú ý về cách tổ chức, chăm nom và kết quả mà những học sinh trường ấy thu thập trong các cuộc thi công cộng, số tiền trợ cấp nhiều ít tùy theo sự quan trọng và giá trị từng trường.

- o Nghị định số 942-GD/NĐ ngày 25-10-1956 của bộ Quốc Gia giáo dục ấn định thể thức áp dụng Dự số 57/4 ngày 23.10.1956 cho các trường tư thực bậc Tiểu học và Trung học (ngành phổ thông)

Nghị định này gồm ba tiết có tất cả 13 điều.

Tiết I.- Nhân viên các tư thục tiểu học và Trung học
(Từ điều 1 đến điều 5)

Tiết II.- Điều khoản chung (Từ điều 6 đến điều 9)

Tiết III.- Hội đồng xét đơn xin trợ cấp của các tư thục.
(Từ điều 10 đến điều 13).

Ta có thể ghi ra đây một số điều khoản quan trọng :

Điều 2.- Những tư nhân xin phép mở các lớp tư thục bậc mẫu giáo hay sơ học tức là lớp Năm, lớp Tư và lớp Ba trường tiểu học không bắt buộc phải có đủ điều kiện văn bằng nhưng phải được ít nhất 18 tuổi.

Điều 3.- Những Hiệu trưởng các tư thục Trung học đệ nhất cấp (ngành phổ thông) phải được ít nhất 25 tuổi, những giáo sư và giám thị ít nhất 21 tuổi.

Những hiệu trưởng và giáo sư phải có ít nhất bằng Tú Tài Toàn phần hay một bằng tương đương.

Điều 4.- Những Hiệu trưởng các tư thục Trung học đệ nhị cấp (ngành phổ thông) phải được ít nhất 25 tuổi và giám thị ít nhất 21 tuổi.

Những Hiệu trưởng phải có ít nhất một văn bằng Cử nhân giáo khoa hay một văn bằng tương đương.

Những giáo sư phải có bằng cử nhân hay một bằng tương đương hoặc ít nhất Tú Tài toàn phần.

Điều 8.- Trong các tư thục số học sinh tối đa được thụ nhận trong mỗi lớp ấn định là 60 dù lớp rộng rãi tới đâu cũng vậy.

Thực ra, dụ 57/4 cũng như nghị định 942 đã qui định những thể thức cũng như những khuôn khổ quá cứng rắn và rất lý tưởng mà trên thực tế khó có thể áp dụng. Chúng ta sẽ có dịp bàn tới vấn đề này trong những chương sau.

MỤC II.- PHÂN LOẠI VÀ ĐẶC TÍNH CÁC TƯ THỰC

Trên nguyên tắc, tư nhân nào hội đủ điều kiện về tuổi tác, văn bằng và tư cách công dân là có thể xin phép được mở trường. Và bộ giáo dục hay cơ quan được ủy quyền (giám đốc học chánh địa phương, Tỉnh trưởng) sẽ cấp giấy phép mở tư thực như một thủ tục hành chánh. Tuy nhiên, Bộ giáo dục không hề để ý đến khía cạnh sắp xếp hay phân loại các tư thực theo một tiêu chuẩn nào nhất định vì có lẽ điều đó cũng không mấy cần thiết. Tuy nhiên, để tiện việc khảo sát, chúng ta sẽ phân chia các tư thực theo hai tiêu chuẩn xuất xứ và chương trình dạy.

ĐOẠN I.- PHÂN LOẠI THEO XUẤT XỨ

a.- Lớp do một giáo chức mở ra dạy vài chục học sinh.-

Trong thời kỳ đầu của những tư thực có tính chất như các tư thực hiện thời, thoát thai từ những lớp học của các ông đồ của chế độ giáo dục và khoa cử ngày xưa chúng ta thấy xuất hiện hình thức tư thực này nhiều nhất.

Phần lớn loại tư thực này đều không có giấy phép của Bộ Giáo dục vì tính cách nhỏ bé của nó cũng như hoạt động ít ỏi. Nghĩa là trên phương diện pháp lý, các lớp này không được công nhận là những tư thực, nhưng trên thực tế nó vẫn hiện diện và ta tạm cho nó là một loại tư thực vậy. Sự hiện diện của các lớp này có thể do :

1 - Một số các giáo viên nghèo, muốn kiếm thêm tiền cho ngân quỹ gia đình, đã kêu gọi các em học sinh do mình dạy học tại lớp học của trường công về nhà để dạy tư thêm. Lớp học này có thể dạy kèm song song với chương trình học ở trường công, có thể dạy những chương trình chuyên tiếp vào các dịp hè. Đa số các lớp học này xuất hiện ở những khu phố bình dân tại Đô thành hay tại các Quận lỵ ở các tỉnh.

2 - Cũng có thể, một giáo sư - thường là ở các lớp đệ nhất cấp - dạy ở các trung học công lập kêu gọi các học sinh ở lớp

minh về nhà dạy kèm theo trường công các môn Toán, Lý Hoá hay sinh ngữ. Có khi do chính các học sinh tại lớp yếu cầu thầy dạy thêm ở nhà vì ở trường học chưa hiểu hoặc chưa hết bài vở và phần nhiều là môn sinh ngữ.

b.- Trường do một tư nhân mở ra và quản trị.-

Đây là loại tư thực chiếm con số cao nhất trong ngành. Một tư nhân đứng ra thiết lập cơ sở hẳn hoi với nhiều phòng học và nhiều cấp bậc học. Tư nhân này có thể đứng ra điều hành, quản trị hoạt động của trường và thường dưới tư cách là vị Hiệu Trưởng. Dĩ nhiên vị Hiệu trưởng này sẽ mời nhiều người khác như các giáo viên, giáo sư, giám thị, giám học... để cộng tác với mình. Và con số nhân viên cộng tác này nhiều hay ít tùy theo cơ sở giáo dục đó lớn hay nhỏ.

Một tư nhân có vốn, nhưng lại thiếu điều kiện về văn bằng để có thể làm Hiệu Trưởng một tư thực. Cũng có thể đứng ra mở một tư thực nhưng với tư cách là chủ trường. Những người này sẽ đề một người có đủ điều kiện về văn bằng đứng tên xin phép bộ giáo dục mở trường và điều hành cơ sở giáo dục đó. Các vị chủ trường này có thể nói đã xem việc mở tư thực như một hình thức kinh doanh thuần túy và họ sẽ ký kết với các hiệu trưởng một kế ước liên quan vấn đề tài chánh thu hoạch được.

c.- Trường do một hiệp hội tư nhân mở ra.-

Loại tư thực này xưa kia rất hiếm, nhưng dần dần ta thấy xuất hiện ngày càng nhiều hơn với sự trưởng thành của các đoàn thể tư nhân trong nước.

Ta có thể kể các tư thực của Hội những người mù và đặc biệt là các tư thực của các giáo hội.

Hiện nay ta thấy có bốn hệ thống tư thực của 4 giáo hội lớn trong nước mà phạm vi hoạt động rộng rãi theo thứ tự :

- 1.- Hệ thống các trường tư của giáo hội Thiên Chúa
- 2.- Hệ thống các trường tư của giáo hội Phật Giáo
- 3.- Hệ thống các trường tư của giáo hội Hoà Hảo
- 4.- Hệ thống các trường tư của giáo hội Cao Đài.

Các giáo hội hiện nay đều có khuynh hướng mở mang các tư thực không những ở Saigon mà còn ở tất cả các tỉnh. Vì ngoài mục đích tài-chánh, giáo dục giáo hội còn có mục đích truyền bá đạo giáo nữa (6).

d.- Trường do ngoại kiều mở ra.

Có thể kể các tư thực do người Pháp mở ra từ trước khi ta thu hồi độc lập vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Thứ hai là các trường do người Tàu (với tư cách người Việt gốc Hoa) đứng ra thiết lập và điều-hành.

Trước khi dụ 57/4 ra đời các tư thực loại này đã dành một phần lớn thời giờ để dạy cho học sinh (cũng gốc ngoại quốc) theo chương - trình và ngôn ngữ nước họ. Nhưng sau này bộ giáo dục bắt buộc các tư thực kể trên phải dạy đúng theo chương trình của Bộ đưa ra. Nhưng việc kiểm soát xem các tư thực này có hoàn toàn thi hành đúng lệnh của Bộ giáo dục đưa ra thật khó khăn và phiền phức. Điểm này ta sẽ có dịp trở lại sau trong mục : Việc kiểm soát và thanh tra các tư thực.

ĐOẠN II.- PHÂN LOẠI THEO CHƯƠNG TRÌNH DẠY

a.- Trường dạy chương trình Việt.

Theo tinh thần của dụ 57/4 cũng như một sự kiện hiển nhiên là hầu hết các học sinh đều là người Việt nên số tư thực dạy chương trình Việt rất cao. Chương trình này do Bộ giáo dục ấn định và có thể sửa đổi theo từng mỗi năm.

(6) Điều 12 - Dụ 57/4 : "Những tư thực tôn giáo, ngoài chương trình bắt buộc, có thể được phép một số giờ về tôn giáo".

b.- Trường dạy chương trình Pháp Việt và Hoa Việt.-

Đây có thể nói là các trường do ngoại kiều mở ra như đã kể ở trên. Các trường này trên nguyên tắc các môn học đều phải được giảng dạy bằng Việt Ngữ. Việc áp dụng có đúng đắn hay không trên thực tế là một vấn đề phức tạp vì khó mà kiểm soát chắc chắn được, nhất là đối với các trường của người Trung Hoa.

c.- Trường dạy sinh ngữ.-

Loại trường này trong thời gian gần đây đã phát triển mạnh vì nhu cầu học hỏi của dân chúng. Để có thể giới sinh ngữ trong khi học chương trình phổ thông, để có thể du học tại ngoại quốc, để có thể giao dịch với người nước ngoài, hiện tại thành phần học sinh ngữ có thể là học sinh, sinh viên, các thương gia, các kỹ nghệ gia... Ta có thể kể các trường Anh ngữ, Pháp ngữ, Đức ngữ, Nhật ngữ, Hoa ngữ.....

d.- Trường mở các lớp bổ túc, luyện thi.-

Có những tư thực đặc biệt chuyên mở các lớp bổ túc, có tính cách như tiếp liên hay những lớp luyện thi bằng cấp, luyện thi vào các trường chuyên nghiệp.

Trên đây là sự phân chia có tính cách đại lược mà thôi. Trong thực tế không có sự phân biệt rõ rệt các loại trường tư. Có khi một tư thực vừa dạy các lớp theo chương trình phổ thông vừa mở những khóa luyện thi, hay có trường vừa dạy các lớp bổ túc vừa có những lớp sinh ngữ thuần túy.

MỤC III.- CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ THỰC

ĐOẠN I.- TRƯỜNG SỞ

a.- Vị trí tọa lạc.-

Phần lớn các tư thực đều nằm tại Saigon-Gia định là nơi có dân số đông đảo và sĩ số cao nhất. Tuy nhiên tại các tỉnh không phải

không có sự xuất hiện của các tư thục, mà trái lại tại một số tỉnh lớn như Cần Thơ, Long Xuyên, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Biên Hoà, Nha Trang, Đà - Nẵng..... con số trường tư đang hoạt động không phải là nhỏ. Tại các Quận lỵ cũng có sự hiện diện của các tư thục mà phần lớn là tiểu học và Trung học đệ nhất cấp. Sự kiện này nói lên tầm quan trọng về số lượng cũng như phạm vi hoạt động của ngành tư thục vậy.

b.- Kiến trúc và trang bị.-

Một đặc điểm của ngành tư thục là cách kiến trúc và trang bị của trường quá nghèo nàn và thô sơ. Phòng ốc chật hẹp lại kê nhiều bàn ghế. Có những tư thục nhỏ và nghèo được thiết lập do việc phá vách tường của vài căn nhà cạnh nhau chẳng hạn ; Phòng học thiếu ánh sáng vì không có cửa sổ và học sinh phải học dưới những ánh đèn chổi mắt gắn liền trên bảng. Đây là một thực tế và nguyên do là vì óc vụ lợi hoặc sự nghèo nàn của các vị Hiệu trưởng của trường.

Ngược lại cũng có một thiếu số tư thục dồi dào tài chánh vì được trợ giúp của một hội tư nhân chẳng hạn; đã tổ chức trường sở chu đáo hơn, có cả sân thể thao, hồ bơi, thư viện và phòng thí nghiệm đầy đủ cho học sinh.

ĐOẠN II.- BAN GIÁM ĐỐC VÀ NHÂN VIÊN

Cũng như trong tổ chức của các trường công lập. Các tư thục cũng có một Ban giám đốc và các nhân viên điều hành công việc trong trường. Nhưng có một điểm cần nói là chỉ có những tư thục tổ chức qui mô và thu nhận nhiều học sinh mới có một thành phần ban giám đốc và nhân viên đầy đủ. Ngoài ra một số các tư thục nhỏ bé, nhất là ở cấp bậc Tiểu học ta không thấy các người này nữa.

Về vấn đề tuyển chọn các nhân viên như Giám thị, Giám học, thư ký... tại các tư thục không có tiêu chuẩn rõ rệt về học lực hay hạnh kiểm mà thường là tuyển chọn theo tiêu chuẩn khác như thù lao ít, có quen lớn... Đó là một tình trạng không mấy đẹp tại các tư thục. Tuy nhiên cũng có một số tư thục lớn và muốn có uy tín thì việc tuyển chọn

lại có phần gặt gao hơn và dĩ nhiên là có kết quả tốt trong việc điều hành trường sở cũng như công tác trông nom giáo dục học sinh

ĐOẠN III.- GIÁO CHỨC

a.- Thành phần.-

1 - Giáo chức tư thục thuần túy.- Loại giáo chức này chiếm đa số và có thể chia ra làm nhiều loại.

- Một số giáo chức có khả năng và uy tín có thể cộng tác với các tư thục, cũng có thể đứng ra mở những lớp học hay mượn tạm trường sở nào đó làm địa điểm và chia lời với vị chủ trường. Thường là những giáo sư nổi tiếng chuyên dạy luyện thi các môn học quan trọng.
- Một số giáo chức khác học lực và khả năng thường thường, đa số là nữ giáo chức dạy giờ tại các tư thục ở những lớp thông thường.
- Một số giáo chức dạy ở các tư thục tiểu học và kiếm được một lợi tức rất khá.

2 - Giáo chức công lập dạy tại tư thục.- Đây là hậu quả của thang giá trị bị đảo lộn khi đời sống công chức trở nên cơ cực. Các giáo chức công lập đa số đã đi dạy thêm tại các tư thục và dĩ nhiên là với một số giờ giới hạn nào đó trong tuần. Các giáo chức này có thể được thu dụng dễ dàng vì tư cách dạy ở công lập đã bảo đảm. Nhưng ở đây, chúng ta có thể nêu lên một đặc điểm là hầu hết các giáo sư đại học công lập đều có dạy tại các đại học tư khác vì tình trạng thiếu thôn giáo sư đại học nói chung.

3 - Giáo chức là các công chức ngoài giáo giới.- Loại giáo chức tư thục này có thể là những kỹ sư, bác sĩ, luật sư... có những văn bằng cử nhân, tiến sĩ hay tương đương cũng có thể ngoài nghề nghiệp chính thức của mình đi dạy thêm tại các trung học và đại học tư thục.

b.- Trình độ và khả năng.-

1 - Giáo chức có cấp bằng và có khả năng : Những vị giáo chức này chiếm một con số thật khiêm tốn và có thể nói các tư thực tranh nhau muốn các vị này với một thù lao rất cao. Đa số học sinh, nhất là ở các lớp thi đều ghi tên học tại những tư thực có các giáo chức này cộng tác.

2 - Giáo chức không có bằng cấp nhưng có khả năng.- Nhiều giáo chức tuy không có văn bằng cao để hội đủ điều kiện là giáo sư tư thực nhưng lại có khả năng giảng dạy về một môn học nào đó cũng có thể được các tư thực chấp nhận cho cộng tác. Điều này tuy trái với quy chế tư thực, nhưng trên thực tế vẫn có và vấn đề kiểm soát khó thực hiện cũng như đã có sự thông qua của các cơ quan thanh tra.

3 - Giáo chức có bằng cấp nhưng kém khả năng.- Phải nhìn nhận rằng loại giáo chức này chiếm đa số. Khi thầu dụng, các vị Hiệu Trưởng tư thực chỉ xét trên khía cạnh văn bằng, và vì nhu cầu nên dễ dàng chấp nhận các giáo chức này mà quên đi khả năng giảng huấn của họ. Đó là một thực trạng không mấy hay tại một số tư thực. Và vì vậy vấn đề tu nghiệp mới được đặt ra mà chúng ta sẽ có dịp bàn sau.

ĐOẠN IV. - HỌC SINH

a.- Thành phần.-

1 - Học sinh thuần túy tại các tư thực.- Chiếm một con số rất to lớn. Lý do là vì sự khiêm khuyết của ngành giáo dục công trong việc cung cấp chỗ học cho học sinh. Cũng có một thiểu số học sinh học tại các tư thực có uy tín và dạy hay, các học sinh này cho rằng ở những tư thực kể trên việc học có kết quả hơn.

2 - Học sinh công lập học tư.- Một số lớn học sinh học tại các công lập một buổi, ghi tên học tư thêm vào buổi kia để có một sức học khá hơn. Nhiều nhất là các học sinh công lập ở lớp thi đều ghi tên học luyện thi tại những tư thực nổi tiếng. Ta có thể kể thêm đa

số sinh viên đại học Việt Nam ghi danh cùng một lúc tại hai ba phân khoa đại học công cũng như tư.

- 3 - Học sinh học ngoại ngữ, cũng chiếm một số đông vì tại các công lập không có trường nào dạy ngoại ngữ thuần túy.
- 4 - Các quân nhân công chức học buổi tối : là những người có óc cầu tiến, cố học tư thêm để có bằng cấp hầu thăng cấp bậc hay chuyển ngạch.

b.- Trình độ các học sinh tư thực.- Xét về trình độ học vấn các học sinh tư thực đa số có một mức học dưới trung bình so với học sinh công lập. Điều này không phải lỗi ở các giáo chức tư thực không chịu giảng dạy hay kém khả năng mà chính là ở sự tổ chức và kiểm soát quá lỏng lẻo của các trường tư. Trong công tác giáo dục, các tư thực còn có mục đích thương mại nữa. Nên lúc thu dụng đã bừa bãi, đến khi giáo dục lại có nhiều điểm thiếu sót và hậu quả đưa đến là tính chất yếu kém về học lực của học sinh tư thực.

Tuy nhiên tại một số ít tư thực có tổ chức và phương tiện hoàn hảo kết quả lại tốt đẹp hơn ở các trường công lập, nhất là ở bậc tiểu học.

ĐOẠN V.- CÁC CƠ QUAN CHỈ PHỐI, KIỂM SOÁT NGÀNH GIÁO DỤC TƯ

a.- Nha Tư Thực.- Do nghị định số 1.344-GD/PC/NĐ ngày 25.9.1961 sở Bình Dân Giáo dục và Giáo dục căn bản thiết lập do điều 6, Nghị định số 945-GD/NĐ ngày 6.6.1958, được cải thành Nha Tư Thực và Bình Dân giáo dục. Nha này gồm :

- 1 - Ban Thanh Tra Tư thực và Bình dân giáo dục
- 2 - Phòng Tư Thực Trung Học
- 3 - Phòng Tư Thực Tiểu Học
- 4 - Phòng Bình dân giáo dục.

b.- Các nhân viên hữu trách tại địa phương : Có phận sự kiểm soát và khám xét các tư thực.-

- 1 - Các vị đại diện của bộ giáo dục
- 2 - Các Giám đốc Học chánh địa phương
- 3 - Các vị Đô Trưởng, Thị Trưởng, Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng
- 4 - Các Thanh Tra Học Chánh
- 5 - Các Y sĩ Nha Y tế
- 6 - Nhân viên chuyên trách bộ Kiến thiết và Thiết Kế Đô Thị (7).

c.- Các tư nhân, hội đoàn chi phối ngành giáo dục tư.-

- 1 - Hiệp hội giáo chức tư thực.
- 2 - Các đoàn thể tôn giáo bảo trợ tư thực
- 3 - Các hội phụ huynh học sinh tư thực.

MỤC IV.- BÀN QUA VỀ CÁC ĐẠI HỌC TƯ

ĐOẠN 1.- TRÌNH BÀY CÁC ĐẠI HỌC TƯ VIỆT NAM

a.- Viện đại học Đà Lạt.- Là một tổ chức tư nhân của Hội Đại Học Đà Lạt thành lập vào tháng 8 năm 1957. Các Hội viên của Hội

(7) Điều 20, dụ 57/4. Hoàng Lộc "Kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại Học Đà Lạt". Giáo Dục Nguyệt San số 26-27, tháng 1, 2-1969 trang 105, 106.

Đại học Đà Lạt gồm các vị giám mục tại Việt Nam. Viện Đại học Đà Lạt bắt đầu đón nhận sinh viên vào học từ niên khoá 1957 - 1958. Qua đến niên khoá 1968 - 1969 đã có đến 2.697 sinh viên (8).

Từ năm 1958 đến 1963 gồm có ba phân khoa Văn Khoa, Khoa Học và Sư phạm. Đến niên khoá 1964 - 1965 một trường mới được thành lập tại Viện, đó là trường Chính Trị Kinh Doanh. Ngoài ra viện còn có ban Cao học cho các trường Văn Khoa và Chính Trị Kinh doanh. Riêng về Khoa học, trong tương lai Viện cũng dự định mở Cao học để sinh viên được dễ dàng hơn trên đường học vấn.

Trong niên khoá 1969 - 1970 Viện Đại Học Đà Lạt thu nhận 3054 sinh viên và chia ra như sau : (9)

- Trường Đại Học Văn Khoa : 1217 Sinh viên/49 giáo sư
- Trường Đại Học Khoa Học : 434 sinh viên/35 giáo sư
- Trường Đại Học Sư Phạm : 222 sinh viên/11 giáo sư
- Trường Chính trị Kinh doanh: 1181 sinh viên/48 giáo sư.

b.- Viện Đại Học Vạn Hạnh.-

Viện Đại Học Vạn Hạnh được ra đời dưới sự bảo trợ tinh thần lẫn vật chất của Giáo hội Phật giáo, thu hút một số đông sinh viên từ niên khoá đầu tiên.

Nghị định số 1804-GD/PC/NĐ ngày 17.10.1964 cho phép viện Đại học Vạn Hạnh chính thức hoạt động. Trong niên khoá đầu tiên 1964 - 1965 chỉ có hai phân khoa : Phân Khoa Văn Học và Khoa học nhân văn và Phân khoa Phật học. Đến niên khoá 1966 - 1967 có thêm một Trung Tâm ngôn ngữ Sang niên khoá 1967 - 1968 viện tổ chức thêm Phân Khoa xã hội học và sau hết là Phân khoa giáo dục đã được thành lập do giấy phép số 2020/GD/HV/5 ngày 20.3.1970 của Bộ Giáo dục.

(8) Điều 20, du 57/4. Hoang Lộc "Kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại Học Đà Lạt", Giáo Dục Tập San số 26-27, tháng 1, 2 - 1969, trang 105, 106.

(9) Annuaire statistique de l'enseignement, 1969-1970, trang 57 (Tài liệu Bộ Giáo Dục).

Trong niên khoá 1971 - 1972 tổng số sinh viên là 3404 người với 170 nhân viên giảng huấn và được chia như sau :

- Phân khoa Phật học : 132 người
- Phân khoa Văn học : 617 người
- Phân khoa Xã hội : 1.623 người
- Phân khoa giáo dục : 630 người
- Trung tâm ngôn ngữ : 402 người.

c.- Viện Đại học Minh Đức.-

Văn thư số 5.757/GD/ ngày 01.08.70 cho phép Hội Trưởng hội Minh Trí lập Viện Đại học Minh Đức.

Hội Minh Trí do một số giáo sư thành lập để phát huy văn hoá dân tộc, truyền bá những văn hoá tư tưởng tốt đẹp và đào luyện nhân tài cho quốc gia. Hội trưởng là Linh mục Bửu Dưỡng.

Trong ngày lễ khai giảng khoá học đầu tiên của Viện Đại Học Minh Đức Tổng Thống đã đến chủ tọa và cấp cho một tặng dũ 10.000.000%.

Sinh viên muốn nhập học phải có bằng Tú Tài II và phải qua một kỳ thi tuyển.

Trong niên khoá 1971 - 1972 con số sinh viên tại Viện đại học Minh Đức lên đến 1008 người và chia ra như sau :

- Triết Học : 52 người
- Y Khoa : 275 người
- Kinh tế thương mại : 268 người
- Khoa học thực dụng : 249 người
- Canh nông thực hành : 164 người

d.- Viện đại học Hoà Hảo.-

Nhằm nâng cao dân trí và phát huy nền văn hoá nước nhà, nghị sĩ Lê phượng Sang với tư cách Tổng vụ Trưởng văn hoá giáo dục đã đạt nguyện vọng của tín đồ Hoà Hảo lên Tổng Thống và được chấp thuận

cho phép thành lập viện Đại Học Hoà Hảo nhân buổi lễ khánh thành trụ sở chính của Phật Giáo Hoà Hảo tại Thánh địa ngày 02.04.1970.

Văn thư chính thức cho phép Viện Đại Học Hoà Hảo thành lập là văn thư số 2177/GD ngày 05.08.70.

Buổi lễ khai giảng khoá học đầu tiên của Viện đại học Hoà Hảo được tổ chức vào ngày 26.11.1970 đặt dưới quyền chủ tọa của Tổng Thống và phái đoàn chính phủ.

Thủ tục ghi danh cũng giống như các trường Đại học khác như điều kiện về bằng cấp, tuổi tác đối với Nam sinh viên. Học phí trọn năm là 4.000%.

Viện đại học Hoà Hảo gồm các phân khoa sau đây :

- Văn Khoa : Trong niên khoá đầu tiên 1970 - 1971 số sinh viên ghi danh khoảng 350 người.
- Sư phạm : Có hai khoá sư phạm 2 năm dự trù có 150 sinh viên tốt nghiệp phụ trách giảng dạy các lớp đệ I cấp và khoá sư phạm 4 năm dự trù khoảng 400 sinh viên sẽ tốt nghiệp phụ trách giảng dạy các lớp đệ II cấp.
- Bang giao quốc tế và Khoa học quản trị : Là một khoa tương đối mới mẻ đối với sinh viên, con số dự trù sẽ tốt nghiệp sau 4 năm học là 150 người.
- Thương mại ngân hàng.- Khoảng 300 sinh viên trong niên khoá 1970 - 1971.

Ngoài ra còn có các trung tâm sau đây :

- Trung tâm sinh ngữ và thông dịch.
- Trung tâm "nghiên cứu Triết lý Phật giáo Hoà Hảo".
- Trung tâm năng lực Hành chánh và Luật học.

e.- Viện Đại Học Cao Đài.-

Viện đại học Cao Đài được thành lập dưới sự bảo trợ tinh thần cũng như vật chất của giáo hội Cao Đài mới hoạt động trong niên khoá 1971 - 1972 do công văn số 7999-GD/VP ngày 27.09.1971 cho phép.

Trong giai đoạn sơ lập này Viện đại học Cao Đài chỉ có hai Phân khoa :

- Phân khoa sư phạm 45 sinh viên
- và - Phân khoa nông lâm mục 214 sinh viên.

ĐOẠN II.- ĐẶC TÍNH CHUNG CỦA CÁC VIỆN ĐẠI HỌC TƯ

a.- Tổ chức và khung cảnh sinh hoạt.-

Mỗi một Viện đại học, một trường đại học có một tổ chức riêng và một nét sinh hoạt đặc thù. Nhưng tựu trung ta có thể kể ra những đặc điểm chung của các viện đại học tư như sau :

1 - Mỗi một viện đại học tư đều do một hội tôn giáo đỡ đầu và điều hành. Về mặt tài chánh lại có sự bảo trợ của giáo hội nên tổ chức chu đáo hơn. Trường sở, phòng ốc rộng rãi và đủ tiện nghi hơn. Với một tổ chức chu đáo, lại có đầy đủ nhân viên lo về việc hành chánh các viện đại học tư đã nắm vững tình hình của viện về phương diện quản trị. Điều này không có ở đại học công lập.

2 - Trong khung cảnh trường sở như thế, với số sinh viên tương đối ít, sinh hoạt của các đại học tư có vẻ ấm cúng thân mật, và mối tương quan nhân sự giữa sinh viên với giáo sư, giữa sinh viên với viện đại học... trở nên chắc chắn và tốt đẹp hơn. Các sinh viên không có mặc cảm bị bỏ rơi hay quên lãng. Đây là một môi trường tốt đẹp cho việc học hỏi của sinh viên.

b.- Tình trạng giáo sư giảng huấn.-

Chúng ta phải nhìn nhận ngay rằng giáo sư đại học Việt Nam còn quá ít so với con số sinh viên vượt bực. Hầu hết các giáo sư đại -

học đều cộng tác với cùng một lúc 3, 4 đại học. Thật vậy, số giáo sư đại học, nhất là các giáo sư nổi tiếng, có uy tín, có kiến thức và bằng cấp cao chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Các vị này hôm nay dạy ở đại học Luật Khoa, ngày mai đã phải đạp phi cơ lên Đà Lạt để giảng cùng một môn học cho sinh viên trường Chính Trị Kinh Doanh, và mấy hôm sau lại phải bay xuống Cần Thơ trước sự mong đợi của các sinh viên Luật Cần Thơ. Một giáo sư vừa dạy chúng chỉ Xã hội ở Viện đại Học Vạn Hạnh tại Saigon lại vừa dạy Khoa học nhân văn ở Viện đại học Hoà Hảo tận Long Xuyên.

Tình trạng thiếu hụt giáo sư đại học đưa đến sự vấp vếu chương trình và thời gian học hỏi của sinh viên tại các đại học tư. Có khi cả tháng không học môn đó một giờ, cũng có khi liên tiếp học một tuần ngày nào cũng 6 hay 8 tiếng, bởi vì các Viện đại học cách nhau quá xa, cần phải có một thời gian cho các giáo sư di chuyển.

c.- Tình trạng sinh viên.-

Một đặc điểm có thể nhìn thấy ngay là đa số nam sinh viên tại các đại học tư theo đuổi việc học với mục đích hoãn dịch vì lý do học vấn. Đó là một thực tế mà ta phải công nhận. Lý do phần nào là ở một số đại học tư : Minh Đức, Hoà Hảo. Chẳng hạn số tuổi của một sinh viên được hoãn dịch vì lý do học vấn được tăng lên một tuổi.

Một đặc điểm khác là học lực của các sinh viên không đều đặn, có một thiếu số vượt bực, kiến thức và tinh thần học hỏi rất cao. Có một số khác lại rất kém. Và một điều lý thú là phần lớn sinh viên ở các đại học tư cuối năm đều đỗ cả. Vì vậy vấn đề giá trị bằng cấp của các đại học tư đã được đặt ra với bộ giáo dục và với cả mọi người.

Tóm lại, tuy có tổ chức và quản trị tốt đẹp cũng như có một khung cảnh sinh hoạt thích hợp nhưng nói chung tinh thần và học lực của đa số sinh viên tại các đại học tư tương đối yếu kém và bất đồng nhất.



CHƯƠNG BA

THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TỬ VIỆT NAM

MỤC I.- VẤN ĐỀ GIẢNG HUẤN

ĐOẠN I.- CHŨNG TRÌNH GIẢNG HUẤN

Trên nguyên tắc các trường tư thục Việt Nam bắt buộc hoàn toàn áp dụng chương trình học trong các trường công lập Việt Nam để học sinh có thể theo học đầy đủ các cấp bậc và dự được các cuộc thi công cộng, trừ trường hợp một số lớp dạy chuyên nghiệp (10). Có nghĩa là ở mọi cấp và mọi lớp các tư thục đều phải áp dụng đúng theo chương trình ấn định bởi Bộ Giáo dục chung cho cả hai ngành công, tư.

Nhưng trên thực tế, các tư thục đã không áp dụng đúng đắn điều này, và đó cũng là một sự kiện ngoài ý muốn của các giáo chức tư thục do khung cảnh của hoạt động bắt buộc. Ta có thể nêu lên mấy đặc điểm trong chương trình giảng huấn tại các tư thục như sau :

a.- Sự bất đồng nhất.-

Phải nói rằng các tư thục đều ít nhiều áp dụng chương trình của Bộ giáo dục đưa ra. Nhưng tùy theo quan niệm về sự phân phối chương trình, phân chia giờ dạy các môn học của các vị giám học, hiệu trưởng

(10) Biểu 12- dụ 57/4.

tại mỗi tư thực, và nhất là muốn nói lên uy tín cùng tính cách đặc thù của trường mình các tư thực đã tự ý làm sai lệch chương trình của bộ Giáo dục đưa ra. Ta có thể xét tính cách bất đồng nhất của các tư thực dựa trên mấy điểm sau :

1 - Một số tư thực tăng thêm giờ dạy sinh ngữ vì muốn đáp ứng sự đòi hỏi của phụ huynh học sinh khi muốn cho con em họ có một số vốn sinh ngữ khá. Nhiều tư thực đã bắt đầu dạy một sinh ngữ cho học sinh ở bậc tiểu học và cả hai sinh ngữ cho học sinh ở bậc Trung học đệ I cấp.

2 - Một số tư thực khác đã dạy một số giờ về tân toán học ngay từ bậc tiểu học. Ta có thể thấy trường hợp này tại các tư thực dạy chương trình Pháp hay Trung Hoa nay đã được Việt hoá.

3 - Một số tư thực tự ý tăng giảm số giờ dạy về những môn học trong chương trình. Ví dụ bớt số giờ về Việt Văn, tăng số giờ về môn Lý Hoá hay dành riêng một số giờ sinh hoạt để thay thế giờ hội họa hay nữ công...

4 - Ngoài ra ta cũng cần nêu một số trường có dạy thêm phần giáo lý tùy theo tôn giáo.

b.- Sự phân phối thiên lệch.-

Ở đây chúng ta không thể kể đến những tư thực chuyên nghiệp hay chuyên dạy sinh ngữ vì đó là những trường lập ra có mục đích dạy cho học sinh về một ngành rõ rệt. Cũng không kể đến những lớp thường; đặc biệt nhìn vào các lớp thi ta thấy ngay có sự phân phối thiên lệch về chương trình giảng huấn. Thật vậy, các tư thực chủ trương phải làm sao cho con số học sinh đậu ở các kỳ thi lên thật cao để còn tạo uy tín cho trường trong niên học kế tiếp. Và vì vậy, họ đã tự ý xếp bỏ số giờ dạy các môn phụ thuộc và chuyên chú vào những môn quan trọng có hệ số cao ở kỳ thi. Ví dụ dạy thật nhiều giờ toán ở các lớp thi Tú Tài ban B, chỉ chú trọng đến môn Lý Hoá - Vạn Vật ở lớp thi ban A....

Hậu quả là các học sinh tư thực không có một trình độ kiến thức rộng rãi. Và cái gọi là chương trình trung học phổ thông của bộ Giáo -

dục đưa ra áp dụng cho cả công, tư thực đã bị một số trường tư áp dụng lệch lạc làm sai ý muốn của các nhà hữu trách giáo dục là đào tạo cho học sinh một trình độ hiểu biết tổng quát về tất cả mọi phương diện vậy.

ĐOẠN II.- HIỆU NĂNG GIẢNG HUẤN

Khi bàn tới vấn đề hiệu năng giảng huấn ta phải xét trên hai khía cạnh : Khả năng giảng huấn của giáo chức và mức độ thu nhận của học sinh.

a.- Khả năng giảng huấn của giáo chức.-

Các giáo chức tư thực như đã nêu ở phần trước có nhiều loại và nhiều trình độ khác nhau. Vì thế khả năng giảng dạy cho học sinh cũng ở nhiều sự khác nhau. Ta có thể kể :

1 - Những giáo chức có khả năng giảng huấn rất cao, nhiều vị có uy tín còn hơn những giáo chức công lập. Những vị này thường được trả lương rất cao và đóng góp nhiều nhất trong công việc giáo dục con em.

2 - Đa số các giáo chức tư thực có một khả năng giảng dạy yếu kém, nhất là ở các lớp không thi. Điều này cũng dễ hiểu vì có thể tuy họ có kiến thức và bằng cấp cao, nhưng vì chưa qua một khoá sư phạm nào nên chưa biết cách truyền đạt sự hiểu biết cho học sinh được thấu đáo. Do đó vấn đề tu nghiệp cho các giáo chức tư thực được đặt ra mà ta sẽ có dịp bàn trong mục II kế tiếp.

3 - Một thiểu số giáo chức tư thực không biết cách giảng dạy cho học sinh thường thấy ở các lớp 6, 7, 8 của bậc Trung học. Thường họ là những người quen, bà con với giám học, hiệu trưởng được đưa vào khi giáo sư bị khiếm khuyết. Hậu quả dĩ nhiên là các em học sinh vô tình phải gánh chịu tình trạng có thể nói là bê bối đó.

b.- Mức độ thu nhận của học sinh.-

Mức độ này không đồng nhất vì lẽ từ bản chất học sinh tư thực đã ở nhiều thành phần khác nhau và nhiều trình độ khác nhau. Nhưng ta có thể nêu hai đặc điểm sau :

1 - Một thiếu số học sinh ưu tú, biết học hỏi và chịu khó chăm chỉ trong khi nghe giảng bài nên càng học giỏi hơn càng bỏ xa phần đông các bạn bè trong lớp. Đôi khi sự thu nhận các hiểu biết do thầy truyền đạt trở nên quá dễ dàng bởi lẽ giáo sư còn phải lôi kéo, hướng dẫn một đa số kém thông minh.

2 - Đa số học sinh vì sự kiểm soát lỏng lẻo, vì khung cảnh, tổ chức học tập rời rạc nên có sẵn một tâm lý lười biếng. Vì vậy sự thu nhận trở nên khó khăn, đến độ có người cho rằng các giáo chức tư thực kém khả năng và giảng dạy không bằng các giáo chức công lập.

MỤC II. VẤN ĐỀ TU NGHIỆP

ĐOẠN 1. - SU CẦN THIẾT CỦA VẤN ĐỀ TU NGHIỆP

Không cứ gì trong ngành giáo dục, ngày nay trong mọi hoạt động vấn đề tu nghiệp để gia tăng hiệu năng được coi là một trong những vấn đề quan trọng để thành công và đi đến một kết quả mỹ mãn. Cải sửa lề lối làm việc, trau dồi thêm khả năng chuyên môn là điều kiện cần thiết để có thể tiến bộ, việc này không ai chối cãi. Nhưng tại sao trong ngành giáo dục và nhất là ngành giáo dục tư vấn đề tu nghiệp các giáo chức lại cần thiết và đáng cho chúng ta lưu tâm đến thế? Những đặc điểm sau đây sẽ trả lời câu hỏi vừa nêu :

1)- Điều mà ta phải công nhận đầu tiên là các giáo chức tư thực trước khi hành nghề không qua một khoá sư phạm nào cả. Hiểu biết là một vấn đề, nhưng truyền đạt sự hiểu biết đó cho người lại là vấn đề khác. Muốn nắm được bí quyết của sự truyền đạt, ngoài khả năng thiên phú, phải học qua về phương pháp sư phạm. Không biết cách giảng dạy hay khả năng diễn tả yếu kém thì dù học lực có cao và thiện chí có nhiều đến đâu, các giáo chức cũng không thể thành công trong nhiệm vụ của mình. Do đó tổ chức những khoá tu nghiệp là điều không thể không có được.

2)- Thứ hai là thành phần các giáo chức tư thực gồm nhiều giới. Trình độ, khả năng, tinh thần, tâm lý có nhiều điểm khác biệt. Việc qui tụ họ trong những khoá tu nghiệp là một việc rất hay. Các khoá tu nghiệp này sẽ là môi trường tốt để họ có dịp gần nhau, hiểu nhau hơn và nhất là có một ý thức về trách nhiệm chung, trách nhiệm lớn lao và nặng nề là giáo dục con số khổng lồ học sinh tư thực hiện tại.

3)- Sau cùng các khoá tu nghiệp cần phải có cho giáo chức tư thực để xoá bỏ hàng rào ngăn cách công tư. Ngoài trừ một phần giáo chức công lập đi dạy thêm ở các tư thực, đa số giáo chức tư thực có mặt cách xa cách với giáo sư công lập. Sự kiện này ngấm ngấm chi phối lề lối làm việc, tác phong, tâm lý của các giáo chức tư thực và do đó ảnh hưởng không nhỏ trong việc giáo dục học sinh.

-DOAN II.- SU THIẾU SÓT TRONG VẤN ĐỀ TU NGHIỆP

a.- Vấn đề trách nhiệm :

Thật ra khó mà quy trách nhiệm phải tổ chức tu nghiệp cho một ai. Có thể nói Bộ giáo dục có phần nào trách nhiệm trong việc khuyến khích, đốc thúc và tổ chức tu nghiệp cho giáo giới tư thực. Nếu quan niệm rằng bộ giáo dục là cơ quan có quyền và có trách nhiệm trong việc giáo dục quần chúng thì một khi ngành giáo dục tư tiếp tay cho bộ một phần lớn trọng trách đó; bộ giáo dục có bốn phận phải đứng ra tổ chức tu nghiệp cho giáo chức tư thực vì đó cũng nhằm mục đích chung là tiến tới chỗ hoàn bị công tác giáo dục quần chúng.

Cũng có thể quan niệm rằng một khi các tư nhân đứng ra thiết lập các cơ sở giáo dục tư thì việc tu nghiệp cũng là một trong các vấn đề khác như tổ chức, trang bị, hoạt động... của cơ sở. Và muốn cho tổ chức có tốt đẹp, cơ sở có uy tín, hoạt động được hữu hiệu thì các tư nhân phải quan tâm và lãnh trách nhiệm tu nghiệp giáo chức vậy.

Thật ra vấn đề không phải là qui trách cho ai hay cho cơ quan nào mà vấn đề là ý thức trách nhiệm chung của mỗi giới trong khả năng của mình. Vậy trong vấn đề tu nghiệp bộ giáo dục cũng như các tư nhân đã làm những gì ?

b.- Việc tu nghiệp :

1 - Đối với Bộ giáo dục :

Như đã nói, Bộ giáo dục không mấy quan tâm đến vấn đề tu nghiệp cho giáo chức tư thục. Điều dễ hiểu là bộ còn phải giải quyết nhiều vấn đề khác cũng có một tầm quan trọng rộng lớn. Hơn nữa, ngân khoản dành cho bộ Giáo dục quá ít, nên không đủ để dành ra một khoản tiền kêm hầu tổ chức những khoá tu nghiệp cho các giáo chức tư thục. Nhưng gần đây ta cũng thấy Bộ giáo dục cho phép một số giáo chức tư thục tham dự các khoá hội thảo hay tu nghiệp được tổ chức cho các giáo sư công lập. Tuy nhiên kết quả cũng chưa có là bao vì không được quảng bá sâu rộng, nhất là đối với các giáo chức tại các tư thục ở Tỉnh, Quận.

2 - Đối với tư nhân :

Vấn đề tu nghiệp có thể đặt ra đối với các Hiệu trưởng, các chủ trường; nhưng cũng có thể đối với chính hàng ngũ giáo chức tức là đối với hiệp hội giáo sư tư thục. Rộng rãi hơn hội phụ huynh học sinh cũng có thể đứng ra tổ chức các khoá tu nghiệp cho giáo chức vì đó chính là giúp đỡ gián tiếp cho con em mình học hành được kết quả tốt hơn. Nhưng hình như ít người quan tâm đến hay nếu có nhưng rồi chưa ai đứng ra hô hào để đặt thành vấn đề rộng rãi.

Tuy nhiên ta có thể kể ra đây những khoá tu nghiệp thường xuyên của các giáo hội dành riêng cho các trường nằm trong hệ thống như Phật giáo, Tin Lành, Thiên Chúa Giáo - Các khoá tu nghiệp này mang lại một kết quả tốt đẹp nhưng rất tiếc là phạm vi hoạt động quá hạn hẹp.

...

MỤC III.- VẤN ĐỀ HỌC PHÍ VÀ THÙ LAO CHO GIÁO GIỚI

ĐOẠN 1.- VẤN ĐỀ HỌC PHÍ

a.- Thực trạng về vấn đề học phí.

Các tư thục khi ấn định giá học phí cho mỗi lớp không hề có một thỏa thuận chung nào. Tùy theo sự quản trị của trường sở mình về lương bổng cho nhân viên, thù lao cho giáo chức và nhất là tùy theo sĩ số trong lớp học, mỗi trường sẽ ấn định giá biểu về học phí. Vì không cùng ấn định một mức giá biểu nên nhìn chung ta thấy học phí không đồng đều. Ở Saigon - Gia đình giá biểu học phí cao hơn ở Tỉnh. Điều này cũng dễ hiểu vì giá sinh hoạt ở Tỉnh rẻ hơn. Ngay cả giá biểu học phí ở Saigon - Gia đình cũng chênh lệch nhau rất xa.

Tuy nhiên cũng cần nêu ra đây một đặc điểm là có sự chênh lệch rõ rệt giữa một số ít các trường tư lớn như Taberd, Régina Mundi, Régina Pacis, Saint Paul giá biểu học phí rất cao, dường như chỉ để dành cho học sinh con nhà giàu có. Còn hầu hết các tư thục khác ấn định một giá biểu học phí có thể nói là "bình dân" so với các trường kể trên.

Học phí thông thường phải trả từng tháng một cho nhà trường. Nhưng cũng có tư thục thu học phí từng ba tháng một. Đặc biệt những khoá luyện thi học phí có khi được thu trọn cả khoá.

Vấn đề học phí đặt trên căn bản uy tín và cơ sở của tư thục đó. Thường những tư thục lớn và có uy tín (ví dụ như quy tụ đa số giáo sư nổi tiếng, tỷ lệ học sinh đỗ nhiều trong các kỳ thi) dù ấn định giá biểu học phí tương đối cao hơn các trường kia, các học sinh vẫn đua nhau thích ghi tên học tại các trường này. Nhất là các tư thục dạy sinh ngữ đa số học sinh đều quy tụ tại một số trung tâm tư thục có uy tín nổi bật.

Ở đây cũng cần nói qua tác dụng tài chánh của học phí đối với các giới liên hệ.

- 1 - Đối với giới chủ trường, hiệu trưởng, ngoài công tác giáo dục học sinh, họ còn quan niệm tư thục như một xí nghiệp

và họ đứng ra quản trị với tư cách một doanh nhân. Làm sao để có lợi nhiều cho mình, có lợi tố đa mà không làm di hại hay ảnh hưởng đến những thành phần khác là một điều khó thực hiện. Vậy các vị Hiệu trưởng, Chủ trường phải thu học phí ở một mức giá nào đủ để điều hành chi phí như trả lương cho nhân viên hành chánh, thù lao cho giáo chức, chịu một số thuế cho chính phủ, lại vừa phải thu hoạch được một số lợi tức nào đó. Khó khăn ở chỗ là phải trả lương phần nào tương xứng cho giới cộng tác và làm sao để có lời mà lại phải thu học phí nhẹ và có uy tín đối với học sinh. Tất cả những khía cạnh đối kháng nhau như thế là một bài toán nan giải cho các vị Hiệu trưởng và chủ trường. Thông thường ta lại thấy họ giải quyết bằng đường lối đẩy phần chịu đựng cho phụ huynh học sinh, tức là phải đóng học phí cao cho con em.

2 - Đối với giáo chức hay nhân viên cộng tác với trường, với tư cách là một công nhân vấn đề học phí không mấy ảnh hưởng trực tiếp đến họ, và họ chỉ cộng tác với tư thực khi thù lao tương xứng và nhu cầu sinh kế đòi hỏi. Nhân viên nhà trường làm việc như một tư chức và được trả lương tháng. Họ không cần biết và không cần quan tâm đến học phí nhiều ít, tăng giảm như thế nào.

3 - Đối với học sinh, hay đúng hơn là đối với phụ huynh học sinh, học phí ảnh hưởng nhiều nhất vì họ là thành phần trực tiếp nhận chịu. Khả năng tài chánh của phụ huynh học sinh có một giới hạn nào đó. Nhiều khi ta thấy hiện tượng cố chen chân vào các trường công lập cũng vì khả năng tài chánh eo hẹp của phụ huynh học sinh. Nhiều gia đình đông con học tại các trường tư đã làm cho gia đình mang một gánh nặng to lớn về học phí.

Trong những năm gần đây, vì tình hình quốc gia, vì tình trạng chung của vật giá leo thang, học phí tại tư thực cũng leo thang mau chóng. Đến đây, nó đặt thành vấn đề cho các giới hữu trách liên hệ và là một vấn đề thời sự hết sức sôi nổi.

b.- Vấn đề tăng học phí.-

1 - Nguyên do : Có nhiều nguyên nhân đưa tới việc gia tăng học phí tại các tư thực.

- Trước hết phải kể đến tình trạng vật giá leo thang. Trong tình trạng chung học phí cũng gia tăng.
- Học phí gia tăng vì các giới liên hệ như chủ trường, hiệu trưởng cần có một lợi tức cao hơn trước để đáp ứng với đời sống đắt đỏ đang xảy ra.
- Học phí gia tăng vì chi phí điều hành, thù lao cho nhân viên gia tăng.
- Sau cùng là các tư thực áp dụng chỉ thị của Bộ giáo dục về sĩ số trong lớp là 80 thay vì trước kia 90, 100, 120 hay hơn nữa. Sĩ số giảm thì học phí phải tăng để nhà trường có đủ tiền chi phí và có lời tối thiểu.

2 - Trình bày diễn tiến.-

Từ trước tới nay trường nào lo liệu lấy sự quản trị của trường đó và tự ấn định lấy học phí cho từng cấp lớp. Chính quyền không can thiệp vào giá biểu học phí đồng thời chưa đặt vấn đề giúp đỡ về phương diện nào. Sau đây là mấy con số về học phí các trường trung học dành cho đại chúng (11).

Lớp	đến 1954 - 1955 1965 - 1966	1966 - 1967	1967 - 1968	1969 - 1970
6	160%	190%	320%	400%
7	180	220	360	450
8	200	250	400	500
9	250	350	500	550 - 600
10	320	360	550	650
11	420	450	650	750
12	480	560	780	850 - 900

(11) "Bản điều trần về vấn đề tăng học phí" - Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch hiệp hội tư thực. Trang 3. Tài liệu Roneo

Trong vấn đề tăng học phí có nhiều quan điểm đối chọi nhau và đã gây thành một vấn đề thời sự.

1)- Báo chí : Khai thác đề tài để thu hút độc giả nên rầm rộ đã phá việc gia tăng học phí. Một số báo chí (tổng số 7 tờ) đã có phản ứng trong việc các tư thục tự động tăng học phí. Họ cho rằng :

- Các chủ trường đã bóc lột học sinh và giáo sư. Giáo biểu học phí gia tăng làm nhiều gia đình phải vất vả và tạo khó khăn cho những gia đình đông con học tại tư thục. Trong khi đó thù lao giáo sư không gia tăng tương xứng.

- Các viên chức trách nhiệm của Bộ đã làm ngơ để các chủ trường tự do lộng hành và thao túng.

2)- Phụ huynh học sinh : Đây là giới có phản ứng mạnh mẽ nhất vì quyền lợi của họ bị va chạm hay nói đúng hơn họ là giới gánh phần thiệt thòi trong việc tăng học phí. Ta hãy nghe một đại diện phụ huynh học sinh Đô Thành phát biểu ý kiến :

"..... Từ ngày đồng bạc Việt Nam sứt giá, giá sinh hoạt mỗi ngày một gia tăng, đa số dân miền Nam nghèo. Trước ngày đồng bạc sứt giá, học phí Đệ Thất là 140 đồng. Sau lên 300 đồng. Vấn đề trả lương giáo sư thuộc ban quản trị. Bây giờ giới trường tư đòi tăng học phí. Ở đó thành hàng năm có 50 ngàn em thi vào đệ thất, chỉ có 10% đậu, còn 90% con em học trường tư. Đâu phải ai ai cũng có tiền. Dân không đủ tiền nuôi con đi học..... Bây giờ chúng tôi xin đặt vấn đề trách nhiệm. Nếu tăng 10% học phí, 300 ngàn con em học sinh có đủ phương tiện đi học không ? Xin quý vị Hiệu - trưởng tư thục tự vấn lương tâm. Làm giáo dục đâu phải như lập một xí nghiệp. Chính quyền và quốc dân cảm ơn quý vị ". (12)

(12) Trích biên bản phiên họp về vấn đề tăng học phí tư thục ngày 23-5-69 tại Trường Sĩ Phạm Saigon. Trang 4.

3)- Giới Hiệu trưởng, chủ trường : Cho rằng số dĩ học phí bắt buộc phải gia tăng vì mức sinh hoạt lên cao và theo chỉ thị của Bộ giáo dục sĩ số mỗi lớp phải giảm từ 90 xuống 80. Hơn nữa gia tăng học phí để có đủ tiền tăng lương giáo chức đồng thời để bù vào khoản tiền mất đi do việc giảm sĩ số từ 90 xuống 80 tại mỗi lớp. Thực sự Ban giám đốc không có lỗi trong việc gia tăng học phí (13).

4)- Nha Tư thực : Thực ra Nha tư thực chỉ đóng vai trò khuyến cáo, giải thích, hướng dẫn và đề nghị những biện pháp về vấn đề tăng học phí. Nha tư thực đã triệu tập nhiều buổi họp các vị Hiệu trưởng, Chủ trường, giáo sư, đại diện phụ huynh học sinh để tìm một lối thoát cho vấn đề. Nhưng thực ra vấn đề tăng học phí tự nó có một lối thoát dù rằng và là điều dĩ nhiên, không mấy ai bằng lòng, khi quyền lợi mình bị va chạm. Lối thoát ấy lại vẫn là mức độ gia tăng học phí theo đà gia giảm của giá trị đồng bạc.

ĐOẠN II.- VẤN ĐỀ THÙ LAO VÀ LƯƠNG BỔNG GIÁO CHỨC

Ngoại trừ một thiểu số dạy đệ nhị cấp được thù lao đáng kể còn phần đông lương bổng của giáo chức tư thực rất khiêm tốn. Vì thế các giáo sư tư thực phải dạy nhiều giờ trong một tuần tại nhiều tư thực khác nhau mới đủ sống.

Thù lao cho giáo chức được trả dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo sự thoả thuận với các tư thực cộng tác.

- 1 - Lương giờ
- 2 - Trả khoán từng lớp học
- 3 - Trả theo văn bằng và thâm niên công tác
- 4 - Trả trọn 12 tháng trong một niên học
- 5 - Trả có phụ cấp gia đình.

(13) Bản điều trần về vấn đề tăng học phí của Nguyễn Văn Phú - Chủ tịch Hiệp Hội Tư Thực, trang 7, bản roneo.

Ba tháng hè không dạy, giáo sư tư thục không được lãnh lương nên đời sống càng chật vật hơn. Ngoài ra ta cần kể thêm tình trạng giáo viên nghiêm, thiết quân lực làm cho số giờ dạy đêm tại các tư thục bị hạn chế.

Về tổ chức đoàn thể giáo chức tư thục hầu như không có. Tổng hội giáo giới đã giải tán sau 1963. Hiệp hội tư thục và nghiệp đoàn giáo chức tư thục cũng không có những hoạt động cụ thể giúp cho giáo chức có thể cải thiện đời sống của họ.

Thù lao cho giáo chức có gia tăng từ 1954 đến nay nhưng vẫn không đuổi kịp đà gia tăng của đời sống đất đỏ.

Ta có thể liệt kê sau đây mấy con số trung bình về thù lao cho giáo chức tư thục Trung học (giá thù lao 1 giờ dạy).

Lớp	1954 - 1955	1966 - 1967	1967 - 1968 và 1968 - 1969
6	65%	90%	140%
7	75%	90%	140%
8	90%	110%	160%
9	110%	140%	190%
10	140%	190%	230%
11	170%	220%	300%
12	250%	300%	450%

Nói chung thù lao mỗi giờ đã tăng vào khoảng từ 80% đến 100% từ 1954 đến 1969.

Một niên khoá dạy 10 tháng nhưng các giáo chức vẫn phải chi tiêu 12 tháng, vì thế phải dạy thêm giờ, sức khoẻ sút kém, thời giờ chăm bải và tu nghiệp thiết sót. Kết quả giáo dục do đó mà yếu kém.



Phần Thứ Hai

**tâm mức và giá trị
của ngành giáo dục tư
trong xã hội việt nam**

Sau khi đã tìm hiểu cận kề về cơ cấu tổ chức ngành giáo dục tư cũng như đã có cái nhìn xác thực về phương thức hoạt động của ngành này, chúng ta sẽ đi sâu vào vấn đề hơn nghĩa là nhìn nhận và thẩm định giá trị đích thực của hoạt động giáo dục tư cùng ảnh hưởng của hoạt động trong cộng đồng quốc gia. Sau cùng những nhận xét và một vài ý kiến cá nhân được đưa ra hầu bổ túc hoặc cải thiện những thiếu sót, những sai lầm để đưa hoạt động tư thực đến chỗ hoàn mỹ hơn.

Do đó phần thứ hai được trình bày như sau :

Chương một : Ảnh hưởng của sự bành trướng ngành giáo dục tư.

Mục I.- Nguyên nhân sự bành trướng

Mục II.- Tâm mức hoạt động và ảnh hưởng của ngành giáo dục tư

Chương hai : Giá trị của tư thực đối với quần chúng.

Mục I.- Mặt cảm kỳ thị công tư của quần chúng

Mục II.- Những tệ trạng trong tư thực

Mục III.- Sự đóng góp hữu ích của ngành giáo dục tư.

Chương ba .- Các yếu tố cần quan niệm lại để hữu hiệu hoá ngành tư thực Việt Nam.

Mục I.- Về phương diện tổ chức

Mục II.- Về phương diện hoạt động

Mục III.- Các yếu tố thuộc tinh thần và ý niệm.

CHƯƠNG MỘT

ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ BÀNH TRƯỚNG
NGÀNH GIÁO DỤC TỰ

MỤC I.- NGUYÊN NHÂN SỰ BÀNH TRƯỚNG

ĐOẠN I.- NGUYÊN NHÂN SÂU XA

a.- Tinh thần hiếu học của dân Việt.-

Phải công nhận rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc ham học. Bất cứ trong thời gian nào, trong hoàn cảnh nào, nếu có cơ hội để đi học là họ không bỏ lỡ dịp may để học hỏi. Vô số người Việt Nam ở ngoại quốc thường đổ đầu trong các kỳ thi có sự tham dự của các sinh viên nước khác. Tinh thần hiếu học của ta còn thể hiện rõ hơn khi ta nhìn trong phạm vi gia đình. Các đứa con lớn lên đều được ba mẹ khuyến khích lo lắng cho ăn học với tất cả cố gắng dù là những gia đình không mấy sung túc trong đời sống vật chất. Nhiều người cha quan niệm rằng gia tài quý giá nhất và bền vững nhất có thể để lại cho các con là sự học hỏi, sự hiểu biết. Và với sự học hỏi, sự hiểu biết đó người con đã có một số vốn liếng dồi dào vô tận để có thể sống trên đời.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, với chính sách ngu dân, người Pháp đã thi hành nhiều biện pháp nhằm ngăn trở và hạn chế sự học của người dân. Kết quả đó, dù một phần nào đạt được ý muốn, người Pháp cũng

không làm sao diệt được tinh thần hiếu học của dân ta mà điển hình là phong trào duy tân, phong trào Đông du của một số lớn thanh niên Việt Nam có ý chí bất khuất và lòng ham muốn hiểu biết khi đã ý thức được cái hại của tinh thần thủ cựu của dân tộc.

Từ khi dành lại độc lập, tinh thần hiếu học có cơ dịp phát triển mà bằng chứng hiển nhiên là con số học sinh gia tăng ngày càng vượt bậc so với đà gia tăng dân số. Đó cũng là một điểm son cho nền văn hoá nước nhà.

b.- Việc học gắn liền với khoa cử :

Lề lối học hành, thi cử của ta chưa thoát khỏi ảnh hưởng của nền văn học cũ. Thật vậy, giá trị con người đến nay vẫn được thẩm định trên những bằng cấp và ở các kỳ thi. Tờ giấy được gọi là bằng cấp vẫn còn có một hiệu lực tuyệt đối khi người ta muốn xét khả năng của một người khác. Và các kỳ thi hầu như là một trắc nghiệm duy nhất về sự hiểu biết của con người. Ở đây, chúng ta không đi sâu vào vấn đề phê bình quan niệm như vậy đúng hay sai, mà nhận xét để biết rằng chính vì thế mà mọi người cần phải học, cần phải bám vào các trường sở, cần phải giựt được mảnh bằng để ít nhất lấy đó là một tiêu chuẩn có thể có, hầu phân định hơn kém với nhau. Thành ra, học đường là chỗ người ta tranh đua nhau, khoa cử là lúc người ta chứng tỏ khả năng, tài lực. Giá trị con người được thẩm định ở bằng cấp, ở các kỳ thi nên người ta phải học, phải đến trường và trường công không đủ, người ta tìm đến trường tư. Đó cũng là một nguyên nhân gây nên sự bành trướng của ngành giáo dục tư vậy.

c.- Việc học là cứu cánh cho một tương lai tốt đẹp.-

Cho đến ngày nay quan niệm "nhất sĩ nhì nông" vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ trong xã hội nên luôn luôn người ta quan niệm phải cho con em học hành giỏi dần để sau này có một tương lai tốt đẹp. Giá trị của kẻ sĩ vẫn còn đứng vững cho dù mô thức xã hội Việt Nam ngày nay đã thay đổi khá nhiều. Người học giỏi dù sao vẫn được trọng dụng và kính nể hơn những người có trình độ học vấn kém cỏi. Và vì vậy, để có được một tương lai tốt đẹp, ngay từ nhỏ người ta phải đến trường,

phải đi học và đeo đuổi việc học. Nhà trường trở thành môi trường tốt và gần như duy nhất cho trẻ em muốn sau này lớn lên được trọng dụng, được đề cao. Và học đường (trong đó tư thục đảm trách một phần lớn) là sinh hoạt có hữu luôn luôn phát triển và gia tăng.

ĐOẠN II.- NGUYÊN NHÂN TRỰC TIẾP

a.- Số số ngày càng gia tăng trong nước.-

Đây là một vấn đề thực tế hết sức hiển nhiên. Qua các bảng thống kê về giáo dục, ta thấy số học sinh, sinh viên đã gia tăng thật mau lẹ so với đà gia tăng của dân số. Theo niên giám thống kê, dân số Việt Nam Cộng Hoà năm 1956 là 12.366.000 người đến năm 1970 đã gia tăng 17.333.000 người. Trong khi đó số từ 1956 là 665.104 người đến năm 1970 đã gia tăng lên đến 2.778.966 người (14).

Chính sách ngu dân của Pháp đã hạn chế rất nhiều con số người đi học và nạn mù chữ đã lên đến 90% dân số. Từ ngày thu hồi độc lập, chính quyền khuyến khích người dân đi học, thanh toán nạn mù chữ. Mặc dù cho đến nay (1970) tỷ lệ người đi học đối với dân số vẫn còn ít so với các nước văn minh Âu Mỹ, nhưng tỷ lệ gia tăng số người đi học lại rất cao so với tỷ lệ gia tăng dân số. Sự gia tăng vượt bực con số người đi học này có tính cách lũy tiến theo thời gian tạo nên một khoảng thiếu hụt trường sở cho sinh hoạt. Và vì vậy sự hiện diện của ngành giáo dục tư là một điều hiển nhiên, không những thế các tư thục còn bành trướng và phát triển mạnh đến nỗi hoạt động tư thục đã tạo nên một vấn đề đáng quan tâm trong sinh hoạt của cộng đồng.

b.- Sự khiếm khuyết của giáo dục công.-

Đứng trước đà gia tăng học sinh trong nước, không phải bộ giáo dục không quan tâm và không tìm cách giải quyết. Qua các tài liệu

(14) Trích niên giám Thống Kê 1970.

thống kê ta thấy rằng trong niên khoá 1956 - 1957 số trường Trung học công lập trên toàn lãnh thổ từ 47 đã gia tăng lên 287 trường và số học sinh từ 34.474 đã gia tăng lên tới 229.181 học sinh trong niên khoá 1969 - 1970. Chúng tỏ một cố gắng vượt bực của chính quyền và bộ giáo dục.

Tuy nhiên, dầu đã cố gắng ngành giáo dục công cũng không sao có thể thỏa mãn được nhu cầu trường sở ngày càng gia tăng mau chóng. Cho đến nay, ngành giáo dục công chỉ mới đảm trách giáo dục cho 82% học sinh tiểu học và 35% học sinh trung học mà thôi.

Hơn nữa, vì nhu cầu quốc phòng chiếm ưu tiên tuyệt đối, ngân sách khoản dành cho bộ giáo dục chiếm một phần quá khiêm nhường đối với ngân sách quốc gia (mỗi năm thường trên dưới 5% nên bộ Giáo dục cũng không thể nào thiết lập thêm các cơ sở giáo dục công lập để đón nhận con em học sinh một cách đầy đủ. Sự khiêm khuyết đó đưa đến hậu quả là ngành giáo dục tư phải bành trướng mạnh vậy.

c.- Là một ngành đầu tư của tư nhân.-

Tư thực ngoài mục đích giáo dục còn là phương tiện để đem về cho tư nhân một số lợi. Có thể nói một cách chắc chắn rằng tất cả các tư thực mở ra và đang hoạt động đều ít nhiều đem lại cho chủ nhân một mối lợi. Điều này cũng là lẽ dĩ nhiên vì không một hoạt động tư nhân nào được mở ra có tính cách bất vụ lợi trừ những đoàn thể từ thiện.

Nhiều người không có bằng cấp, không có khả năng sư phạm hay không có thiện chí giáo dục cũng có thể mở trường tư nhờ có khả năng tài chánh. Họ đứng ra xuất vốn thiết lập trường sở, cộng tác với một người khác hội đủ điều kiện văn bằng và một số điều kiện khác để có thể có đủ tư cách làm hiệu trưởng một tư thực. Những nhân viên khác như nhân viên giảng huấn, nhân viên hành chánh, ban giám đốc chỉ là những cộng sự viên với thù lao tương xứng. Lúc đó nhà trường như một xí nghiệp hoạt động có lời mà cũng có thể bị lỗ. Nếu các cộng sự viên giỏi : ban giám đốc có uy tín, giáo chức có khả năng giảng dạy, học - sinh học có kết quả, tiến bộ và đỗ đạt ở các kỳ thi; dĩ nhiên nhà trường sẽ có uy tín và số học sinh ghi tên học càng đông hơn. Hậu quả là đem về

cho chủ trường ấy một số lời nhiều hơn. Lúc đó kết quả của việc giáo dục chỉ là phương tiện, phương tiện này đưa tới cứu cánh là có lợi cho người đứng ra thiết lập xí nghiệp tư thực ấy.

Thấy rằng con số người đi học ngày càng gia tăng, thấy rằng ngành giáo dục công không đảm trách được vai trò giáo dục một cách hoàn bị cho con em tạo nên tình trạng một số đông người thiếu chỗ học, và nhất là thấy rằng thiết lập trường tư sẽ không sợ vắng học trò, một số tư nhân quan niệm tư thực là một ngành để đầu tư có thể có lợi cũng như bao ngành khác.

Sự bành trướng mạnh mẽ của các tư thực làm ta có thể nói một cách khôi hài nhưng đúng sự thật là Việt Nam hiện nay có một ngành kỹ nghệ đang trên đà phát triển mạnh đó là kỹ nghệ mở trường tư vậy.

MỤC II.- TẦM MỨC QUAN TRỌNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TƯ

ĐOẠN I.- VỀ PHƯƠNG DIỆN LƯỜNG : CHIA XẺ GÁNH NẶNG LỚN LAO CHO NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG

a.- Vấn đề trường sở, phòng ốc.

Cứ nhìn vào những con số thống kê chúng ta thấy rõ số trường tư hiện nay đã gia tăng vượt bậc. Con số trường sở này trội hơn cả ngành giáo dục công. Chỉ riêng tại đô thành ta thấy có tất cả 105 tư thực Trung học và gần 700 tư thực tiểu học và sơ cấp đang hoạt động.

Điều nhìn nhận đầu tiên là tư thực đã thực sự chia xẻ gánh nặng cho nền giáo dục công. Với đà bành trướng số tư thực tân lập mỗi lúc một nhiều đã giải quyết được tình trạng thiếu chỗ học trầm trọng do sự khiếm khuyết của Bộ giáo dục từ nhiều năm qua.

Hoạt động tư thực bành trướng mạnh mẽ đã lấn áp cả các trường công lập. Nhiều trường tư được xây cất với những kiến trúc tân tiến, những tiện nghi về phòng học, sân chơi, phòng thí nghiệm... nói lên sự hiện diện đáng kể của mình. Có những tư thực thu nhận con số học

sinh không lờ gập mấy lần con số học sinh tại các công lập lớn. Việc điều hành một tổ chức tư thục to lớn và quan trọng như vậy là cả một vấn đề.

Bên cạnh đó cũng có những tư thục nhỏ bé được ra đời, được thành hình trong những hoàn cảnh khó khăn về tài chính, về thể lực. Những tư thục này đã hoạt động và vẫn tiếp tục hoạt động. Trong sự chật vật, vá vữa đó, ta thấy trường có những phương tiện nghèo nàn : phòng ốc chật chội, bàn ghế hư cũ không được thay, cả giáo sư lẫn học sinh phải làm việc trong khung cảnh tối tăm kém thoải mái. Thường những tư thục nhỏ nhỏ này ở các khu phố bình dân, học phí thu với một giá tương đối thấp nên dù thế vẫn thu hút một số đông người đến học.

Như vậy, dù ở hoàn cảnh nào, dù trường sở lớn lao, tổ chức qui mô với những phương tiện đầy đủ, hay phòng ốc chật hẹp, thiếu nhiều điều kiện tốt đẹp để học hỏi, các tư thục vẫn tràn ngập học sinh, con số tư thục mới mỗi năm mỗi gia tăng cho ta thấy tư thục là một lượng đáng kể vậy.

b.- Vấn đề sĩ số trong lớp.-

Nghị định số 492 của Bộ giáo dục đã qui định rõ "Trong các tư thục số học sinh tối đa được thu nhận trong mỗi lớp ấn định là 60 dù lớp rộng rãi đến đâu cũng vậy" (15).

Nhưng trên thực tế ta thấy sĩ số tại các tư thục đã vượt quá con số này rất nhiều.

Rất khó khăn để có thể kiểm soát tất cả các tư thục xem có thu nhận số học sinh vừa phải tại mỗi lớp đúng như Bộ giáo dục đã ấn định hay không. Hơn nữa vấn đề sĩ số tại mỗi lớp lên cao ở các trường tư do nhiều nguyên nhân :

(15) Điều 8. Nghị định số 492/GD/ND ngày 25-10-1950 của
Bộ Giáo Dục

- 1 - Số học sinh gia tăng mau chóng nên trong một lúc không thể xây cất thêm phòng học đáp ứng.
- 2 - Thật ra số học sinh tại các tư thục trời sạt bất thường. Vì học sinh có thể giữa năm bỏ trường này sang học trường khác.
- 3 - Nguyên nhân quan trọng là vì các chủ trường, Hiệu trưởng muốn thu lợi nhiều. Cùng một số nhân viên điều hành, cùng một ban giáo sư, nếu sĩ số mỗi lớp càng cao thì chủ trường sẽ được lợi nhiều. Nhưng nếu chia lớp học đó thành hai lớp thì phải tăng nhân viên điều hành, muốn thêm giáo sư phụ trách. Tất nhiên mức lợi sẽ vì đó giảm đi.

Để chấp nhận thực tế đó, Nha Tư thục đã tạm thời ấn định lại mức tối đa để các tư thục có thể thu nhận là 80 học sinh mỗi lớp. Tuy nhiên con số mới này cũng ít được các tư thục nghiêm chỉnh thực hiện.

Số trường không ngớt gia tăng trong những năm gần đây, sĩ số tại mỗi lớp luôn luôn vượt quá giới hạn tối đa ấn định, các tư thục đã chứng tỏ được tầm quan trọng của mình trong trọng trách giáo dục. Quan trọng ở chỗ đã nắm trong tay số lượng học sinh quá lớn lao. Quan trọng ở chỗ có thể làm thay đổi cục diện thịnh suy của nền văn hoá nước nhà.

ĐOẠN 11.- VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÂM : LÀ MÔI ƯU TỬ CHO NỀN VĂN HÓA NƯỚC NHÀ.

Nhìn vào con số học sinh đang học tại các tư thục, nhất là ở bậc Trung học số học sinh trội hơn ở công lập rất nhiều, nhìn vào đà gia tăng cơ sở giáo dục tư cùng sự bành trướng rõ rệt của ngành này bằng những con số thống kê để kết luận và định cho nó một giá trị e-rằng việc làm có tính cách phiến diện. Bởi vì vấn đề quan trọng là ở phẩm chất của nó. Nghĩa là trình độ chung của học sinh tư thục ra sao ? kết quả giáo dục có đạt được như ý muốn không ? nghĩa là nó có góp phần vào sự tiến bộ chung của nền văn hoá nước nhà không ? Đó mới chính là vấn đề cần xét qua sự bành trướng của ngành giáo dục tư vậy -

a.- Nhận xét chung về trình độ học sinh tư thực.-

1 - Về phương diện trí dục.-

Ở đây, dĩ nhiên chúng ta không vợ đũa cả nắm, bởi vì một số ít tư thực có uy tín và tổ chức chu đáo, kết quả có phần trội hơn giáo dục công, nhưng nhìn chung, phải thành thật mà nhận rằng học lực của học sinh tư thực có kém hơn các học sinh công lập. Sự yếu kém về học lực của các học sinh tư thực có tính chất căn bản chứ không riêng một môn nào. Có nhiều lý do đưa đến tình trạng này :

- Trước hết phải kể rằng các tư thực thu nhận học sinh quá bừa bãi. Hồ đóng tiền là được vào học, nên có một số lớn học sinh học kém lại ghi tên học ở những lớp cao. Hậu quả tất nhiên là không theo kịp chương trình, không hiểu bài vở và mất căn bản ngay từ đầu, các học sinh này càng học càng lên lớp lại càng trở nên yếu kém.

- Mỗi năm trường công chỉ thu nhận vào khoảng 20 đến 30% trẻ em vào lớp 7. Dĩ nhiên số lọt được vào trường công phải là học sinh ưu tú, xuất sắc. Số đông còn lại phần nhiều học lực kém đã đổ dồn vào học tại các tư thực. Do đó so với công lập trình độ học sinh tư thực sút kém hơn là lẽ dĩ nhiên. Nếu còn sót một vài phần tử ưu tú thì cũng sẽ bị công lập thu hút ở các cấp lớp 10, 11, 12 khi các em này đỗ cao. Thành thử học sinh tại công lập học giỏi và thi đậu nhiều hơn học sinh tư thực là vậy.

- Ngoài trừ một số ít nổi tiếng, có uy tín và khả năng, đa số giáo sư tư thực đều chưa qua một khoá sư phạm nào, lại ít được tu nghiệp nên khả năng giảng huấn kém cỏi. Do đó học sinh tư thực không có hoàn cảnh học hỏi chu đáo.

- Sau hết, đa số các tư thực kiểm soát học sinh một cách lỏng lẻo vì tổ chức, điều hành không được chu đáo; hơn nữa sĩ số trong lớp quá đông nên việc hướng dẫn đồng đều và đầy đủ không thể thực hiện được và vì vậy học lực của học sinh không những yếu kém mà còn không được đồng nhất nữa.

2 - Về phương diện đức dục.

Không phải riêng ở tư thục, ở công lập cũng vậy, hình như vấn đề đức dục của học sinh không mấy được quan tâm. Nhưng tại các tư thục tình trạng này càng gia trọng vì nhiều nguyên nhân.

- Vì tính chất thương mại một số các trường tư chỉ cốt sao thu nhận được đông học sinh càng nhiều càng tốt. Do đó đã vô tình dung dưỡng một số học sinh có hạnh kiểm xấu, nêu gương không tốt làm ảnh hưởng lây đến những em khác.

- Chính tâm lý của các giáo sư tư thục, cho rằng chỉ có bốn phần đến lớp giảng dạy hết bài, hết giờ học, hết chương trình học để được nhận một số thù lao tương xứng. Còn ngoài ra, hạnh kiểm, hành vi của học sinh không thuộc phạm vi của họ. Có chăng là thuộc phạm vi trách nhiệm của các giám thị, nhưng các vị này chỉ có phận sự trông chừng, ngăn cản những hành vi làm xáo trộn trật tự trường sở hơn là huấn dụ, giảng dạy cho học sinh hiểu thế nào là tốt, thế nào là xấu, thế nào là những đức tánh cao đẹp, những tấn gương sáng cần phải noi theo.

b.- Ảnh hưởng trong xã hội.

Qua sự bành trướng của ngành giáo dục, với số lượng trường học ngày càng gia tăng, về phương diện số lượng đã đặt thành một vấn đề cần phải giải quyết cho bộ giáo dục và cho chính quyền. Nhưng đứng trên khía cạnh tìm hiểu ảnh hưởng sâu rộng của sự bành trướng đó ta cần đi sâu vào cái phẩm chất của hoạt động này. Những dữ kiện về phẩm chất của ngành giáo dục tư vừa kể cho ta nhận thấy và suy luận được gì về tầm ảnh hưởng của nó trong xã hội ?

Trên một bình diện tổng quát, chúng ta thử hỏi một phần lớn mầm non quốc gia đã được đào luyện sau này trở thành công dân tốt hay không trong một môi trường vừa xét ? Câu trả lời không mấy được lạc quan. Vì như đã nói đa số trình độ học sinh tư thục yếu kém thấy rõ. Sự yếu kém này là vì chưa được hấp thụ đúng mức những gì cần có. Ở đây, chúng ta không phải chỉ trích mà là nhận thực vấn đề. Thử hỏi số đông đảo học sinh tư thục sau khi đã hoàn tất chương trình trung học phổ thông đã thực sự có một kiến thức phổ thông hữu dụng hay chưa ? Khi mà ở tư thục

còn có những tình trạng học sinh không được kiểm soát, không được giảng dạy kỹ lưỡng tại các lớp không thi? Cũng như khi mà các học sinh tự thực chỉ chuyên chú học và các giáo sư chỉ chuyên chú dạy các môn quan trọng có hệ số cao để đi thi lấy cấp bằng (ở đây cũng cần mở một dấu ngoặc là quan niệm giáo dục của ta sai lầm từ căn bản khi công cũng như tư chỉ đào tạo ra một mô thanh niên có cấp bằng này, cấp bằng nọ chứ không đào tạo cho quốc gia những người có khả năng thực dụng và một sự hiểu biết tuy tương đối nhưng phổ thông và hữu ích).

Chính ở sự kết hợp lỏng lẻo và hoạt động rời rạc của ngành giáo dục tư đã đem đến hậu quả là sinh hoạt thật hỗn loạn của tập thể. Hỗn loạn ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh tới khía cạnh tinh thần nhiều hơn. Học sinh tự thực nhiều thành phần, nhiều trình độ, lại sống trong buồng thả, khối nhân dụng ấy có lợi ích chăng và sẽ có hậu quả gì? Không phải vô đoán, nhưng chúng ta phải cùng công nhận các em học sinh trường tư phần lớn có tánh hạnh không mấy tốt. Kỷ luật học đường không được áp dụng và hành xử đúng đắn nên không tạo được phẩm hạnh tốt cho con em. Phải chăng vì kiểm soát thiếu chắc chắn mà tình trạng cúp của tại các tư thực trở nên một căn bệnh trầm kha bất trị? Và hậu quả của những lần bỏ học, những lần có hành vi không tốt ngoài học đường thay vì phải giam mình trong lớp sẽ ra sao khi tình trạng này cứ tiếp diễn với con số đông đảo? Phải chăng vì việc thu nhận học sinh bừa bãi của một số tư thực đã lôi kéo những phần tử bất hảo (dù là học sinh) vào học đường, như vì trùng gieo mầm mống bệnh hoạn tinh thần cho bao học sinh khác? Câu trả lời sẽ được ngầm hiểu và ngầm công nhận vậy.

Tất cả những khía cạnh của vấn đề đã làm cho chúng ta phải nhìn nhận là sự bành trướng của ngành giáo dục tư với những tính chất như vậy quả đã trở thành mối ưu tư cho nền văn hoá nước nhà. Thật vậy, các tư thực càng bành trướng, con số trường sở ngày càng gia tăng trong khi phẩm chất chứa đựng những nét "đặc thù" như vậy đã trở thành một vấn đề quan ngại cho những ai thiết tha với nền giáo dục nước nhà nói riêng và tương lai của xứ sở nói chung. Vấn đề trách nhiệm về ai là một việc mà ta sẽ có dịp bàn sau. Ở đây chúng tôi muốn trình bày một thực trạng để có một ý thức rõ rệt hơn mà thôi. Ý thức là công tác giáo dục quan chúng nói chung và thanh thiếu niên nói riêng là một công tác khó khăn và lớn lao. Sự khó khăn và lớn lao ấy được minh chứng rõ ràng khi ngành giáo dục công đã không đủ khả năng bao biện chu toàn. Sự hiện diện của

ngành giáo dục tư là câu trả lời xác thực. Ý thức là vì nhiều lý do , trong đó chiến tranh là lý do chánh, làm ngân khoản dành cho bộ giáo dục quá khiêm nhượng để có thể thiết lập đầy đủ trường sở cho công việc giáo dục. Và vì vậy ngành giáo dục tư đã chia xẻ gánh nặng cho bộ giáo dục. Tuy nhiên chính ở chỗ bành trướng mạnh mà nó đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục con em nước nhà. Điểm sau cùng là ta ý thức được với vai trò quan trọng ấy, các tư thực không đồng trọn vẹn nên lại trở thành mối ưu tư cho nền văn hoá nước nhà vậy.

Nhìn nhận, để rồi giải quyết vấn đề ra sao, thật khiếm tốn , chúng tôi chỉ dám đưa ra một vài ý kiến cá nhân trong những chương sau.



CHƯƠNG HAI

GIÁ TRỊ CỦA TƯ THỰC ĐỐI VỚI QUẦN CHÚNG

MỤC I.- MẶC CẢM KỶ THI CÔNG TỬ CỦA QUẦN CHÚNG

ĐOẠN I.- CÁC LÝ DO PHÁT SINH NẠN KỶ THI

Nạn kỷ thi công tử là một cơn bệnh trầm trọng của quần chúng. Muốn xoá bỏ mặc cảm kỷ thi này là cả một vấn đề, vì những ấn tượng sâu xa đã thấm vào cội rễ của đầu óc phụ huynh cũng như học sinh. Sự cách biệt công tử càng ngày càng rõ rệt hơn vì những lý do ngoại tại cũng như vì tâm lý bên trong của mọi người. Có nhiều nguyên nhân phức tạp gây nên tình trạng này, phức tạp vì nó lấy nhân làm quả và ngược lại, nhưng ta có thể kể ra đây vài lý do chính phát sinh nạn kỷ thi công tử.

a.- Kết quả hiển nhiên ở các kỳ thi.

Đây là một bằng chứng rõ rệt nhất khiến mọi người thấy rõ sự cách biệt giữa công lập và tư thực. Cũng cần nói ra đây cái nhìn chung là người ta có thiện cảm và xem trọng hoạt động giáo dục công lập hơn các tư thực. Điều này có lý do và bằng chứng hiển nhiên.

Thật vậy, trong các kỳ thi, tỷ lệ học sinh đỗ cao và đỗ nhiều vẫn do các học sinh công lập chiếm trong khi số học sinh tư thực đỗ ở các kỳ thi mỗi năm chiếm một tỷ lệ thật khiêm nhường. Tại các trường trung học công lập tỷ lệ học sinh thi đỗ ở hai kỳ thi Tú Tài I và Tú

Tại II bao giờ cũng từ 70 - 80 - 85%, trong khi đó tỷ lệ ở các tư thục luôn luôn dưới 50%, tại những công lập nổi tiếng như Pétrus Ký, Chu văn An, Gia Long, Trưng Vương... tỷ lệ học sinh thi đỗ vẫn thường là trên 90%, nếu so sánh với một số tư thục nhỏ bé và kém cỏi mà số học sinh đỗ ở các kỳ thi quá ít thì sự chênh lệch càng nổi bật. Đó là ở Đô thành, còn tại các tỉnh sự cách biệt càng rõ rệt hơn.

Trước sự kiện này, có nên đổ lỗi cho các cơ sở tư thục không? Thật ra, tìm hiểu cặn kẽ hơn chúng ta sẽ thấy đó là một tình trạng hiển nhiên. Tại sao?

Phần lớn các học sinh phải đi học tại các trường tư sau khi thi rớt vào lớp 6 trong khi các em thi đỗ vào các trường công đều là những em học khá. Dĩ nhiên với điều căn bản này ta cũng thấy học sinh công lập giỏi hơn tư thục. Mỗi năm, các học sinh giỏi nhất tại các trường tư lại chạy chọt vào trường công để được miễn phí và dễ đỗ đạt, cho nên trường tư chỉ còn vớt vát những con em kém trí nhớ và kém thể thần.

Nhưng dù vì lý do gì đi nữa thì ta vẫn thấy có sự cách biệt công tư rõ rệt ở kết quả các kỳ thi, và sự cách biệt này lại càng đào sâu mặc cảm kỳ thị công tư của quần chúng vậy.

b.- Sự khác biệt giữa hai lề lối tổ chức và giảng huấn công tư.

Tại các công lập, hệ thống tổ chức cơ sở giáo dục đầy đủ, có qui mô và phương thức rõ rệt. Mỗi người giữ đúng phần vụ của mình và làm việc trong tinh thần tương đối kỷ luật cao. Trong khi tại các tư thục, việc tổ chức có phần lỏng lẻo hơn, vì thiếu nhân viên, thiếu phương tiện và thiếu sự hợp nhất nên khác biệt hẳn với các trường công.

Sinh hoạt trong hai môi trường khác biệt như vậy, các học sinh công lập và tư thục không những bị ngăn cách mà còn cảm thấy tự ngăn cách nhau nữa.

Thử nhìn một vài khía cạnh của tổ chức, ta thấy sĩ số mỗi lớp tại tư thục quá cao, việc kiểm soát có phần khó khăn, sự giảng huấn bị trở ngại và thiếu sót, tình trạng học lực của học sinh chênh lệch nhiều... nghĩa là khung cảnh sinh hoạt tại tư thục có vẻ hỗn tạp và

cách biệt nhau. Trong khi đó, tại các công lập, với số học sinh vừa phải, với phòng ốc đủ tiện nghi và nhất là với tổ chức, kiểm soát hành vi và học lực học sinh chắc chắn, khung cảnh sinh hoạt tại các công lập đồng nhất hơn, gần bó hơn và có tinh thần tập thể hơn.

Tứ đó, cứ nhìn tư cách, phong thái, học lực và cả lề lối làm việc cùng tinh thần, tâm lý hai ngành công tư là ta có thể thấy ngay sự cách biệt giữa các học sinh tư thục và công lập.

c.- Chính học lực và tư cách của học sinh.-

Ở đây, chúng tôi không dám vẽ đũa cả nắm, nhưng nhận xét vắn đề trên bình diện chung có tính cách tổng quát và bao biện trên nhiều lãnh vực. Bởi vì, vắn biết tại các tư thục, có những học sinh thật xuất sắc, vắn biết tại một số tư thục nổi tiếng và đứng đắn, việc đào tạo nhân tài đất nước trên một khía cạnh nào đó, các trường công lập không thể nào sánh kịp. Đó cũng là vấn đề mà ta sẽ có dịp bàn sau.

Nhưng dù sao, ta cũng phải công nhận rằng sự cách biệt công tư, nạn kỳ thi khó mà xoá nhòa này phần nào nằm ở chính học lực và tư cách của học sinh. Thật vậy, học sinh công lập phần đông có một học lực tương đối khá và đồng đều. Trái lại đa số học sinh tư thục học kém và mức độ hiểu biết hay thu thập không được đồng đều. Nếu để ý chúng ta sẽ thấy rằng vì được sinh hoạt trong một tổ chức chắc chắn, có khuôn khổ, có mục thức, các học sinh công lập được giáo dục tương đối đầy đủ trên mọi lãnh vực, kiến thức thu nhận được trên một bình diện rộng rãi. Trong khi đó học sinh tư thục lại thiếu hoàn cảnh thuận lợi để có thể có một kiến thức tổng quát. Điều này được minh chứng khi có một số tư thục dạy học chỉ cốt sao cho học sinh thi đỗ. Nghĩa là chỉ chú trọng dạy các môn quan trọng có hệ số cao ở các kỳ thi như Toán, Lý Hoá, Văn Vật... trong khi lại quên lãng những môn khác tuy không quyết định ở các kỳ thi nhưng lại rất quan trọng để đào luyện con người. Thành thử một học sinh công lập sau khi rời khỏi bậc trung học khác hẳn với một học sinh tư thục đậu xong tú tài II. Chắc chắn kiến thức và trình độ hiểu biết của học sinh công lập có một căn bản vững chãi và đầy đủ hơn của học sinh tư thục dù cả hai đều có cấp bằng ngang nhau.

Như vậy, ngay từ bản chất, sự chênh lệch, hay nói cách khác là sự khác biệt giữa học sinh công lập và tư thục đã có sẵn, mặt cảm kỳ thi công tư không những do những sự kiện vật chất bên ngoài, mà còn phát sinh do tâm lý của người trong cuộc. Muốn xoá bỏ tâm lý này cần tạo nhiều điều kiện cảm thông và nhất là gieo vào đầu óc các học sinh một tâm lý bình thường.

ĐOẠN II.- HẬU QUẢ

Thật ra nạn kỳ thi công tư trong tâm lý quần chúng là một tình trạng hiển nhiên mà ai cũng phải công nhận. Nhưng như trên đã nói, đi tìm căn nguyên của tình trạng là một việc khó khăn, bởi lẽ có nhiều ảnh hưởng phức tạp, lấy nhân làm quả, lấy quả làm nhân nối tiếp nhau tạo nên. Tuy nhiên ta có thể nêu ra đây hai hậu quả rõ rệt để nhận biết nhất do nạn kỳ thi trường công, trường tư mà có :

a.- Hiện tượng chen chân vào các công lập.-

Như đã trình bày, dù sao tại các trường công, việc giáo dục học sinh vẫn tốt đẹp hơn, vẫn có kết quả hơn các tư thục. Hơn nữa mọi người cảm thấy có một an toàn tối thiểu nào đó khi con em của họ được học trong các trường công lập. Vì vậy, hầu hết phụ huynh học sinh đều muốn các học sinh cố gắng thi đậu vào học các trường công lập. Việc theo đuổi học vấn tại các tư thục là một bất đắc dĩ. "Bất đắc dĩ cho các gia đình Việt Nam vì không thể nào đem con họ vào trường công miễn phí được nên ép buộc phải gửi chúng vào trường tư. Bất đắc dĩ cho xã hội Việt Nam vì nếu không có tư thục thì sẽ có cả phần nửa con em Việt Nam không có chỗ học" (16).

(16) Xem "Hiện Trạng Nền Giáo Dục VN", ronéo của Bộ Giáo Dục, 1969 và Bản phục trình của Nha Tư Thục. 1969.

Nhưng vấn đề là hệ thống giáo dục công không đủ khả năng cung cấp cơ sở và nhân sự để giáo dục cho con em học sinh. Vì vậy tình trạng cố gắng chen chân vào học trong các trường công lập là điều không thể tránh được. Bằng mọi cách các học sinh phải cố gắng thi đậu vào lớp 6 công lập. Bằng mọi cách, phụ huynh học sinh cố gắng xin xỏ, chạy chọt để đưa con em mình vào học trong các trường công lập, bằng mọi cách, các học sinh tư thục ưu tú, đỗ cao sau đó vẫn muốn được vào học tại trường công lập. Nhưng cuối cùng là vẫn 65% học sinh phải học tại các trường tư.

b.- Làm gia trọng sự cách biệt công tư.-

Hậu quả thứ hai của nạn kỳ thị công tư trong quần chúng đảo sâu thêm hố ngăn cách giữa trường công và trường tư. Sự khác biệt giữa hai hệ thống giáo dục đã có sẵn từ trong cách tổ chức, điều hành, cách giảng huấn và kết quả giáo dục. Nhưng nếu tâm lý quần chúng không quá khắt khe trong việc kỳ thị công tư thì sự cách biệt có thể xoa bớt hay san bằng một phần nào nếu các nhà hữu trách biết tạo sự hoà hợp, sự cảm thông và sửa đổi phương thức tổ chức để tiến tới một quân bình nào đó. Tuy nhiên cả học sinh trường công lẫn học sinh trường tư đã có một ấn tượng cách biệt khó xoa nhòa, đã nghĩ rằng học sinh trường tư thì không thể nào giống học sinh trường công và ngược lại. Và vì vậy sự cách biệt công tư đã cách biệt lại càng cách biệt hơn và liên hệ nhân quả này cứ nối tiếp mãi nếu không có một cái sửa nào trên phương diện hình thức hay một quan niệm mới trên phương diện tinh thần. Nhưng đó lại là vấn đề khác.

MỤC II.- NHỮNG TỆ TRẠNG TRONG TƯ THỰC

ĐOẠN I.- TÍNH CHẤT THƯỜNG MẠI CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TƯ

Ngoài một hy sinh lớn lao của một số tư nhân mở trường vì lý tưởng phục vụ xã hội và tôn giáo - nhưng đứng về địa vị người hưởng thụ thì đây cũng là một sự bất đắc dĩ cho học sinh tìm đến các tư thục tôn giáo vì họ không có lý tưởng tôn giáo - đa số các tư thục khác mở

với tính cách thương mại. Việc mở các tư thục, tư nhân quan niệm như một cuộc đầu tư tài chánh, cuộc đầu tư có nhiều, rất nhiều hy vọng mang về cho họ một số lợi tức, chứ không phải có nhiều bất trắc rủi ro như khi đầu tư trong các lãnh vực khác. Bởi lẽ tình trạng khan hiếm chỗ học trầm trọng vì số học sinh gia tăng mau chóng trong những năm gần đây trong khi Bộ Giáo dục bất lực, trong việc giải quyết vấn đề, nên mở trường tư là đáp ứng được nhu cầu, mở trường tư là một đầu tư tài chánh thích ứng hoàn cảnh.

Không phải chúng ta bỏ qua, không nói đến khía cạnh giáo dục của ngành tư thục, bởi vì dù sao khi đã mở trường dạy học, kết quả của việc giáo dục, kết quả của việc học vấn là điều phải có. Nhưng vấn đề là ta thử tìm hiểu ý định của tư nhân khi lập trường là có lý tưởng giáo dục hay có ý định doanh lợi? Câu trả lời vẫn là phần lớn hoạt động giáo dục tư được coi như một cuộc đầu tư tài chánh.

Và khi đã có sự đầu tư tài chánh thì khó có thể có sự tiến bộ về tổ chức và phương pháp giáo dục được. Nhiều lắm là có được một tổ chức hành chánh trơn tru để điều hoà sinh hoạt đã là một điểm đáng khen. Bởi vì mục đích của tư nhân khi thành lập các tư thục là cốt sao đem về cho họ một số lợi. Số lợi này nhiều hay ít là do sự chênh lệch giữa mức học phí thu được và mức thù lao trang trải mọi chi phí về trang bị, về nhân viên, về giáo chức cao hay thấp. Dĩ nhiên để muốn có lợi nhiều tư thục phải thu nhận học sinh đông. Do đó sĩ số tại mỗi lớp phần nhiều vượt quá giới hạn tối đa do Bộ Giáo dục ấn định. Mặt khác muốn lợi nhiều phải giảm chi phí điều hành, giảm chi phí trang bị trường sở. Và sự nguy hại còn nhiều hơn nữa khi một số tư thục quá vụ lợi không có trách nhiệm giáo dục với một ban giáo sư kém khả năng nhưng có vẻ hấp dẫn và giàu thủ đoạn mị trẻ, dạy tử để thi đậu chứ không có tinh thần trách nhiệm thật sự. Thực trạng thương mại này là một trở ngại lớn cho sự tiến bộ của nền giáo dục nước nhà vậy.

ĐOẠN II.- VẤN ĐỀ KỶ LUẬT TRONG TƯ THỤC

a.- Việc thu nạp học sinh :

Như đã trình bày đối với các tư thục, giáo dục chỉ là phương tiện, trường tư được mở ra với mục đích thu về một số lợi tức. Trong

chiều hướng đó, phải làm sao để số học phí thu vào được nhiều? Học phí thì không thể gia tăng quá một giới hạn nào đó. Con đường duy nhất là nhận càng nhiều học sinh càng tốt. Vậy trong khi thu nhận học sinh, các tư thục có đặt vấn đề tuyển chọn hay ít ra hội đủ một số điều kiện nào đó không? Ngoài trừ một số rất ít tư thục có uy tín việc thu nhận học sinh phải qua một kỳ khảo hạch, đa số các tư thục khác thu nhận học sinh một cách bừa bãi và dễ dãi.

Nhiều tư thục không cần biết trình độ học sinh đến đâu, hễ cứ có đủ tiền đóng học phí là được ghi tên học. Tình trạng này đã làm cho học sinh mất căn bản vì nhiều khi chưa am tường bài vở lớp dưới mà đã ghi tên học ở những lớp trên. Mất căn bản, việc học vẫn trở nên khó khăn và vô bổ, công tác giáo dục tại các tư thục không có hiệu quả cho mấy.

Việc thu nhận học sinh một cách bừa bãi còn đưa đến hậu quả học sinh tư thục là một tập thể hỗn tạp. Thật vậy, hỗn tạp từ thành phần, đến học lực, đến tính tình và hạnh kiểm. Khó thay, tật xấu lại dễ truyền nhiễm, thói hư lại dễ lan tràn. Một con sâu còn làm sâu nơi canh hướng chỉ trong lớp có nhiều sâu: sâu lười biếng, sâu trốn học, sâu mất hạnh kiểm, thậm chí có cả sâu cao bồi du đảng nữa! thì nơi canh có lẽ đến khó nuốt!

b.- Tư thục với vấn đề hạnh kiểm học sinh.-

Có lẽ vì mục đích thương mại quá nặng, một số ít đã dung dưỡng, chứa chấp những phần tử xấu trong tập thể học sinh. Thu nạp bừa bãi đã là một lỗi lầm, dung dưỡng chấp nhận những hậu quả do lỗi lầm ấy gây nên lại là một lỗi lầm tai hại... Các tư thục đã xem nhẹ vấn đề hạnh kiểm, tư cách của học sinh vô tình là một nguy cơ cho nền giáo dục nước nhà.

Giáo sư, với tư cách đến trường để đổi kiến thức của mình lấy một thù lao tương xứng đã quá thờ ơ trong việc kiểm soát tánh hạnh học sinh. Thật vậy, đến giờ giáo sư vào lớp giảng bài, hết giờ là ra về và tự xem như mình hết có bổn phận, hết có trách nhiệm gì với đám trẻ nữa. Với tâm lý là một lao động, dù lao động trí óc, các giáo sư đã quên đi

nhiệm vụ, đúng hơn là nghĩa vụ cao cả của một "ông thầy" đúng nghĩa. (Ở đây cũng cần mở một dấu ngoặc là ngay cả tại các trường công lập tâm lý chung của giáo chức vẫn như vậy. Đó là một điểm cần cho những người có trách nhiệm suy gẫm).

Mặt khác, đối với ban giám đốc và nhân viên kiểm soát như Tổng giám thị, giám thị... Thực ra tổ chức cho có những hoạt động không đúng nhiệm vụ, cương vị của mình. Họ đã tỏ ra quá thụ động trong việc kiểm soát hành vi, tánh hạnh của học sinh và đôi lúc còn bất lực không ngăn cản một vài phần tử xấu xa mệnh danh là cao bồi, du đảng hoành hành trong tư thục. Tâm lý các học sinh này là có tiền học ở trường nào cũng có thể được. Trong khi nhà trường lại vụ lợi không hy sinh loại bỏ những phần tử xấu cũng như không tích cực áp dụng kỷ luật học đường.

ĐOẠN III.- VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT VÀ THANH TRA TƯ THỤC

a.- Việc cấp giấy phép mở trường.-

Theo nguyên tắc, Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục cấp giấy phép mở tư thục bậc tiểu học, trung học và đại học. Tuy nhiên, Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục có thể ủy quyền cho Giám Đốc Học Chánh Địa phương để cấp giấy phép mở tư thục bậc Tiểu học và mẫu giáo, và cho các Tỉnh trưởng để cấp giấy phép mở những lớp tư thục bậc Sơ học tức là lớp Năm, Lớp Tư và lớp Ba trường tiểu học (17).

Trong hai văn kiện pháp lý là dụ 57/4 ngày 23.10.1956 và nghị định số 942-GD/NĐ ngày 25.10.1956 có qui định rõ thể thức và điều kiện xin phép mở trường, điều kiện về tư cách để làm Hiệu trưởng, Giám học, Giám thị, Giáo sư tư thục ở các cấp mà ta đã khảo sát ở chương trước.

(17) Điều 3, dụ 57/4 ngày 23-10 năm 1956 ấn định qui chế các trường tư thục tại Việt Nam.

Trên thực tế việc cấp giấy phép không đúng với những nguyên tắc pháp lý trên. Thông thường, khó có tư thục nào hội đủ hoàn toàn những điều kiện và tiêu chuẩn của bộ Giáo dục đưa ra. Thành thử việc cấp giấy phép cho các tư thục uyển chuyển và có phần nào dễ dãi. Nhưng cũng chính tính cách uyển chuyển trong việc cấp giấy phép mở trường tư mà xảy ra tình trạng lạm dụng. Vì quen lớn, vì thế thân hay vì một lý do nào đó, có nhiều tư nhân không hội đủ một số những điều kiện căn bản qui định vẫn được cấp giấy phép mở trường hoạt động. Dĩ nhiên trong hoàn cảnh thiếu những yếu tố căn bản để hoạt động kết quả giáo dục tại các tư thục này không được tốt đẹp. Những tư nhân đó, bằng cách này hay bằng cách khác, xin được giấy phép mở trường hoàn toàn với tính cách là một cuộc đầu tư tài chánh.

b.- Vấn đề cấp chứng chỉ, học bạ cho học sinh.-

Một số tư thục thiếu đúng đắn đã tổ chức buôn bán chứng chỉ học trình và thành tích biểu 5.000\$, 10.000\$ hoặc 20.000\$ cho học sinh nhảy lớp dự thi. Đây là một tệ trạng cần được bài trừ. Những Hiệu trưởng này không những không có trách nhiệm giáo dục mà còn làm xáo trộn nền học vấn nước nhà, vì giá trị của những chứng chỉ Học trình hay Thành tích biểu bị nghi ngờ. Không những thế, học sinh học dở, mất căn bản dù được cấp chứng chỉ cho lên lớp rồi cuộc văn thi rớt để cuối cùng chẳng thu thập được gì cả.

Mặt khác, học bạ hay Thành tích biểu tại tư thục hàng năm đều phải gửi về Nha Tư Thục để kiểm nhận. Nhưng các nhân viên tại Nha Tư khi kiểm nhận học bạ chỉ làm công việc có tính cách hành chánh. Hơn nữa, với con số quá nhiều học bạ việc kiểm soát thật khó khăn. Lợi dụng điểm này, nhiều Hiệu trưởng tư thục lập những thành tích biểu giả, học bạ giả bán lại cho học sinh để học nhảy lớp hay đi lính. Nhiều khi không học tại trường nữa buổi, nhưng chịu bỏ tiền ra mua và biết dò hỏi người ta vẫn có thể tìm mua được dễ dàng những học bạ giả ấy.

c.- Vấn đề thanh tra tư thục.-

Có phận sự kiểm soát và khám xét các tư thục :

- Các vị đại diện của bộ Giáo dục
- Các giám đốc học chánh địa phương
- Các vị Đô Trưởng, Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng, Quận Trưởng
- Các Thanh tra Học Chánh
- Các Y sĩ Nha Y tế
- Các nhân viên chuyên trách Bộ Kiến Thiết và Thiết Kế đô thị.

"Các Hiệu trưởng, giáo sư và giám thị các tư thực phải tiếp nhận các vị đến xét trường và giúp các vị này tất cả các phương tiện để thi hành phận sự khám trường, bằng không sẽ bị trừng phạt" (18)

Nhưng sự thực, việc kiểm soát và thanh tra không được các nhà hữu trách thi hành đúng đắn nhiệm vụ của mình. Thực tế là các vị này đều xao lãng trách nhiệm được giao phó. Cuối cùng ta thấy thực hiện việc kiểm soát và thanh tra các trường tư chỉ có vị thanh tra tại Nha Tư thực đảm trách. Nhưng con số này quá ít ỏi, thử hỏi tại Nha Tư Thực chỉ có 8 vị Thanh tra phải kiểm soát cả trên 200 trường trung học Tư thụ thì làm sao có thể hoàn tất trách vụ của mình. Hơn nữa phương tiện di chuyển lại thiếu thốn, theo sự dò hỏi thí tại Nha Tư Thực chỉ có một công xa dành cho 8 vị Thanh tra, từ đó công vụ bị bê trễ và làm cho chính những người có trách nhiệm chệnh mảng.

Tại tỉnh, các tư thực được đặt dưới quyền kiểm soát của vị Hiệu Trưởng công lập Tỉnh với tư cách Thanh tra tư thực. Nhưng các vị này còn quá bận rộn với nhiệm vụ của họ tại trường nên ít có thời giờ kiểm soát và thanh tra các tư thực thuộc quyền trong tỉnh. Lắm khi, vị Thanh tra này quá trẻ tuổi, thiếu sự am tường nên không đủ uy tín đối với các trường tư lại tạo nên tình trạng kỷ thị công tư và sự cách biệt ngày càng lớn.

(18) Điều 20, Du 57/4 ngày 23-10-1956 ấn định qui chế các trường tư thực tại Việt Nam.

ĐOẠN IV.- BÀN VỀ LẠM PHÁT ĐẠI HỌC TƯ

Tại sao chúng ta lại cho rằng có sự lạm phát đại học tư trong khi con số sinh viên ngày một gia tăng, trong khi các đại học công đày nghẹt sinh viên trong những giảng đường nhỏ bé, trong khi có nhiều sinh viên phải nghe giảng bài ở dọc hành lang, phải tranh nhau từng chiếc ghế để ngồi? Các đại học tư được thành lập là tiếp tay cho chính quyền, là giải quyết sự bất lực của bộ giáo dục đã không lo lắng đày đủ để phát triển nền đại học nước nhà. Vậy thì sự bành trướng các đại học tư là một điều đáng mừng chứ sao lại cho rằng lạm phát.

Thật ra, cả hai khía cạnh đều đúng. Phát triển đại học tư : một điều đáng mừng. Nhưng phát triển đại học tư : một điều đáng lo vì đó là một sự lạm phát.

a.- Thứ nhất, đại học tư đã tiếp tay với chính quyền thu nhận một số không ít sinh viên các ngành. Thật vậy, đối với hệ thống công lập, các đại học chuyên nghiệp tuyển vào quá ít sinh viên. Mỗi năm các học sinh đỗ xong Tú Tài II đã phải chật vật, chen lấn nhau để được trúng tuyển vào một đại học chuyên nghiệp nào đó. Số còn lại thật đông, quá đông để ghi danh vào học tại các phân khoa tự do như : Khoa Học, Văn Khoa và Luật Khoa. Con số đông sinh viên này vẫn theo đuổi việc học, nhưng cơ hồ không có một ý niệm gì rõ rệt về tương lai của mình, về con đường tiến thân hay việc khai thông trí tuệ đúng với năng khiếu của mình. Các sinh viên đã phải chen chúc học trong một tình trạng bất ổn và thiếu thốn cơ sở trường ốc. Và sự hiện diện của các đại học tư đã giải quyết được phần nào vấn đề.

Thật vậy, các đại học tư cũng có những ngành Chuyên Khoa như bên đại học công với điều kiện nhập học tương đối dễ dàng hơn. Tới đây cần nêu một sai lầm lớn của ngành đại học công lập trong vấn đề tuyển sinh viên vào các trường chuyên khoa. Vì con số dự tuyển quá ít so với số dự thi nên các đại học này thường tổ chức một kỳ thi. Nhưng trong cuộc khảo hạch lại chỉ tuyển lấy những sinh viên học giỏi nhất chứ không phải là những sinh viên có năng khiếu và sáng kiến về ngành chuyên khoa này. Các đại học tư với điều kiện ghi danh dễ dàng hơn sẽ là cơ dịp cho các sinh viên phát triển đồng đều mà không lo bị mai một tài năng. Hơn

nữa, các đại học tư với phòng ốc rộng rãi, đầy đủ tiện nghi hơn, đã san sẻ bớt một phần trách nhiệm giáo dục nặng nề của nền đại học công vì lý do này hay lý do khác đã không đảm trách nổi.

b.- Đại học tư phát triển lại là một sự lạm phát. Tại sao ? Vì giá trị thực sự của hoạt động không đủ để bảo đảm cho đà bành trướng về con số các đại học tư. Thực vậy, vấn đề đầu tiên là đại học tư mở ra nhiều, nhưng thật thiếu thốn giáo sư chuyên môn. Thực tế là các giáo sư (đa số lại ở các đại học công) đã phải cùng một lúc giảng dạy ở hai, ba đại học khác nhau. Hôm nay ở Đại học Vạn Hạnh, ngày mai đã phải đáp phi cơ vì có giờ ở Đại Học Đà Lạt. Tại Việt Nam, con số 5, 6 đại học tư như thế là còn ít, nhưng lại quá nhiều so với số giáo sư có thể đảm trách việc giảng huấn cho sinh viên.

Lại nữa, các đại học tư có thật sự tạo được uy tín trong quần chúng chưa ? Các sinh viên tốt nghiệp tại các đại học tư đã có một giá trị thật sự chưa ? Câu trả lời đã rõ rệt khi các sinh viên vẫn thích muốn học tại một đại học công. Cấp bằng, chứng chỉ của các đại học tư chưa được bộ giáo dục công nhận và nhất là chưa có giá trị trong công, tư sở. Giá trị thực sự chưa tạo được trong khi việc thành lập nhiều những cơ sở đại học tư này làm ta phải nghĩ đến có một sự lạm phát.

Nhìn kỹ vấn đề hơn ta thấy tình trạng lạm phát đại học tư lại do một sự kiện chính trị. Các đại học tư đều được thành lập dưới sự bảo trợ tinh thần lẫn vật chất của một giáo hội : Đại học Vạn Hạnh (Phật giáo), Đại học Hoà Hảo, Đại học Cao Đài... Chính tên của viện đại học cũng mang ngay bản chất của tôn giáo đó rồi. Ta cũng biết trong tình trạng hiện tại tôn giáo là một trong những đoàn thể áp lực mạnh nhất. Vì thế chính quyền không thể cho phép giáo hội này thiết lập một viện đại học mà từ chối cấp giấy phép cho một giáo hội khác mở trường. Thành thử có bao nhiêu tôn giáo có hậu thuẫn là có bao nhiêu viện đại học tư tại Việt Nam chính quyền vẫn phải cấp giấy phép mở đại học để quân bình các áp lực chính trị. Còn vấn đề những đại học đó hoạt động thế nào, tình trạng giáo dục giảng huấn ra sao và nhất là nó có tạo được giá trị, uy tín giáo dục đối với quần chúng hay không lại là chuyện khác. Sự kiện các yếu nhân trong chính phủ đến dự lễ khai giảng những đại học tân lập, sự kiện Tổng Thống ký ngân phiếu 10 triệu đồng trợ cấp đồng đều cho mỗi đại học là một hành vi có mục đích chính trị hơn là quan

tâm đến khía cạnh giáo dục. Ở đây chúng ta chỉ nêu và nhận xét các sự kiện cải thiện hay đặt lại vấn đề cần có sự hoà hợp những liên hệ của quốc gia về chính trị, xã hội, giáo dục, kinh tế, quân sự... và những ảnh hưởng hỗ tương chứ không thể qui trách cho một ai.

MỤC III.- SỰ ĐÓNG GÓP ỨU ÍCH

CỦA NGÀNH GIÁO DỤC TƯ

ĐOẠN 1.- GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CHỖ HỌC CHO THANH THIẾU NIÊN

Đây là một đóng góp thiết thực nhất và rõ ràng nhất của các tu học đối với nền giáo dục nước nhà. Chúng ta đã nêu lên đặc điểm này trong đoạn trước. Trình bày ở đây chỉ là một dịp nhấn mạnh thêm khía cạnh hữu ích của sự hiện diện ngành giáo dục tư mà thôi.

Có hai nguyên nhân chánh làm cho nền giáo dục công bị khiếm khuyết không đảm trách nổi vai trò của mình trong công tác giáo dục con em quần chúng.

Thứ nhất là sự gia tăng quá mau lẹ về con số học sinh, sinh viên toàn quốc. Chính sách ngu dân của người Pháp khiến cho 90% dân số ở trong tình trạng mù chữ. Từ khi thu hồi được độc lập, một trong những quan tâm nhất của chính phủ là thanh toán nạn mù chữ, khuyến khích con em đi học, cưỡng bách giáo dục đến hết bậc tiểu học. Sang đến thời đệ II Cộng hoà, số học sinh đi học càng gia tăng hơn trước tạo nên tình trạng thiếu thốn trường sở.

Nguyên nhân thứ hai, khiến bộ giáo dục không chu toàn được trách nhiệm giáo dục của mình vì tình trạng chiến tranh. Tuy vấn đề giáo dục vẫn được chính quyền quan tâm đến, nhưng lại có những vấn đề cấp bách và trọng đại hơn, liên quan tới sự mất còn của dân tộc : đó là việc chiến đấu chống làn sóng đỏ Cộng sản ngày càng xâm lan ồ ạt. Vì vậy tất cả mọi tiềm năng quốc gia đều được đổ dồn vào chiến tranh. Xao lãng phần nào về phương diện giáo dục là một điều không thể tránh. Chính quyền không đủ ngân khoản dùng vào việc thiết lập thêm những cơ sở giáo dục, đào tạo thêm nhân sự trong công tác dạy dỗ con em.

Sự hiện diện của ngành giáo dục tư thục cần thiết và hữu ích. Dù được lập ra dưới mục đích gì (một cuộc đầu tư tài chính, vì lý tưởng giáo dục, vì muốn phát huy lý tưởng tôn giáo...) các tư thục vẫn có một đóng góp hữu ích vào nền giáo dục nước nhà mà cái dễ nhìn thấy ngay là giải quyết được vấn đề nhu cầu trường sở cho thanh thiếu niên có chỗ học hành.

Các thống kê về sĩ số tư thục và sĩ số công lập trong những năm qua là một bằng chứng cụ thể nhất. Trong tình trạng đất nước hiện tại, mọi nỗ lực đều được dồn vào cuộc chiến tranh với Cộng sản xâm lược, dù đã cố gắng trong phạm vi có thể làm được và với ngân khoản quá ít ỏi, bộ giáo dục chỉ mới lo lắng được cho 82% học sinh tiểu học và 35% học sinh trung học mà thôi. Vì thế, ta có thể nói rằng trong hiện tình của nước nhà, sự hiện diện của ngành giáo dục tư đã giúp chánh quyền giải quyết việc học hành cho con em, hay đúng hơn là đã tiếp tay với ngành giáo dục công trong trách vụ dạy dỗ, đào tạo những thanh thiếu niên là mầm non của quốc gia vậy.

ĐOẠN II.- SỰ TÍN NHIỆM CỦA PHỤ HUYNH HỌC SINH ĐỐI VỚI MỘT SỐ TƯ THỤC TIỂU HỌC

Trên phương diện lượng số, ngành giáo dục tư đã chiếm một địa vị quan trọng. Chúng ta cũng đã bàn qua về phẩm chất của hoạt động tư thục này. Với cái nhìn đó các trường tư thục mô tả dưới khía cạnh khiếm khuyết về phẩm chất. Nhưng xét kỹ các dữ kiện hơn, chúng ta phải thành thật công nhận, các tư thục vẫn có một giá trị về phẩm ngoài sự quan trọng về lượng số.

Thật vậy, ở bậc tiểu học nhiều tư thục giáo dục con em có kết quả hơn công lập. Sự kiện này được chứng minh bởi lòng tín nhiệm của phụ huynh học sinh khi họ quyết định gửi con em vào học tại tư thục thay vì công lập. Do đó một điểm cần nêu ra là nhiều trường hợp các con em được trao cho tư thục giáo dục không có nghĩa là vì trường công thiếu chỗ học mà vì kết quả giáo dục tại các tư thục khả quan hơn. Đại khái ta có thể kể ra một vài tư thục mà hiệu năng giáo dục ở bậc tiểu học trội hẳn các trường công như : Aurore, Bắc Ái, Taberd, Régina Pacis...

Cũng cần nêu ra đây một nhận xét là đa số các tư thục này là của Pháp và Trung Hoa, việc giáo dục được tổ chức theo phương pháp mới và chương trình linh động.

Các tư thục kể trên tổ chức có khoa học, việc điều hành, kiểm soát học sinh chắc chắn hơn. Ngay cả việc thu nhận học sinh cũng thận trọng và hạn chế. Cộng thêm vào đó với điều kiện trường sở, phòng ốc rộng rãi, với những phương pháp giáo dục tân tiến, thích hợp hoàn cảnh, kết quả trội hẳn các tiểu học công lập. Nền giáo dục công vì phải công đảng hoạt động trong một phạm vi quá rộng rãi, mỗi lần có một cải sửa, mỗi lần muốn chuyển hướng một quan niệm giáo dục hay một phương pháp sư phạm, bộ giáo dục đã mất nhiều thì giờ, mất nhiều năng lực để điều hướng cả một hoạt động qua nhiều hệ thống và thủ tục rườm rà có tính cách công sở. Vì thế việc cải tiến gặp nhiều khó khăn, hoặc trở ngại, hoặc mất tính cách liên tục và có khi sai lệch chiều hướng hoạch định. Sự chuyển mình chậm chạp của ngành giáo dục công với những khó khăn vì phương diện tài chánh, thiếu thốn về phương diện nhân sự, yếu kém về phương diện ý thức giáo dục ở giai cấp thừa hành đã đi đến hậu quả là công tác giáo dục không đạt được mức độ như ý. Trong khi đó, một số các tư thục vừa kể, với khả năng tài chánh dồi dào, với mối quan tâm trong trách nhiệm giáo dục và nhất là với một cơ sở giáo dục tư lập dễ điều hành, dễ canh tân, dễ thay đổi để thích hợp với hoàn cảnh; kết quả giáo dục đạt được hơn hẳn các tiểu học công lập. Và vì vậy, thay vì cho con em vào học trường công đỡ tốn kém, phụ huynh học sinh đã sẵn sàng cho con em họ theo học tại các tư thục này để có một trình độ học vấn khá hơn.

Sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh đối với những tư thục tiểu học này là một khích lệ lớn lao cho các vị hiệu trưởng tư thục có lý tưởng giáo dục, có thực tâm góp phần vào việc đào tạo mầm non đất nước và cũng là một điểm son cho ngành giáo dục tư vậy.

ĐOẠN III.- GIÁ TRỊ GIÁO DỤC CỦA CÁC TƯ THỤC

a.- Kết quả giáo dục tốt đẹp ở một số tư thục Trung học có tổ chức và nhiều phương diện.

Trong ngành giáo dục công lập, vì phải tổ chức hoạt động quá rộng rãi với vô số cơ quan vô số trường sở, dù có tài giỏi đến đâu, dù

có tài giỏi đến đâu, dù có thiên chí đến bậc nào và có trang bị đầy đủ phương tiện đi nữa cũng không thể kiện toàn được sinh hoạt như ý. Hướng chỉ mọi năng lực lại phải chia chác, rải ra đồng đều cho mọi nơi, mọi chỗ thì làm sao không có sự sơ sót hoặc yếu kém? Trong khi đó một số tư thục Trung học có tổ chức và nhiều phương tiện lại có kết quả giáo dục tốt đẹp hơn. Các tư thục này đầy đủ tài chánh, dồi dào nhân sự hoạt động trong một khung cảnh hạn hẹp, thu gọn trong phạm vi một trường học thật dễ dàng để thực hiện mục đích dạy dỗ con em. Các tư thục này chỉ cốt sao tổ chức thật chu đáo điều hành thật trôi chảy và giảng huấn có hiệu năng thật cao. Ngoài ra không cần phải bận tâm tới đường hướng giáo dục chung, kế hoạch cần phải thực hiện cho sự tiến bộ, phát triển văn hoá nước nhà hay phải hoạch định chính sách giáo dục... như là bên hệ thống giáo dục công lập. Có nghĩa là các tư thục này dễ dàng tự tạo uy tín và hoạt động có kết quả với những phương tiện tự túc dồi dào, vì vậy kết quả giáo dục đạt được trội hẳn các trường công lập. Và dù con số tư thục này tương đối ít nhưng cũng đã đóng góp một phần hữu ích cho nền giáo dục nước nhà.

b.- Sự đóng góp âm thầm của tư thục cho công lập.-

Điều nhận thấy đầu tiên là các tư thục gánh vác cho công lập trọng trách giáo dục những phần tử yếu kém. Thật vậy, phải nói rằng bất đắc dĩ phụ huynh mới cho con em họ học tại các trường tư. Bất đắc dĩ vì công lập có nề nếp, có tổ chức hơn và giáo dục có đảm bảo hơn, nhưng khốn nỗi là chen chân không lọt vào số trường công ít ỏi nên họ đành để con em theo học tại các tư thục. Trải qua sự lựa lọc, trải qua kỳ thi vào lớp 6, các phần tử ưu tú mới đủ sức, tranh đua lọt vào học tại trường công. Còn rơi rớt lại con số đông thành phần vừa ít may mắn vừa yếu kém về sức học thì các tư thục lãnh lấy và vô tình bị trao cho trọng trách giáo dục, uốn nắn, đào tạo các mầm non yếu ớt này. Không phải do ý muốn của các tư thục, nhưng dù sao tư thục cũng đã can đảm tiếp tay với ngành giáo dục công trong việc huấn luyện đào tạo tương lai xứ sở. Đó há chẳng phải là một đóng góp quan trọng của tư thục sao?

Một nhận xét nữa là có nhiều học sinh tại công lập còn kém, nên học tư kèm thêm song song với chương trình bên công lập. Như vậy có phải chăng tư thục đã âm thầm đi bên cạnh để trợ giúp công lập trong công tác giáo dục? Nếu nhìn vấn đề sau xa như vậy chúng ta sẽ công nhận sự đóng góp hữu ích của ngành giáo dục tư vậy.

Tại tư thục nhiều vị giáo sư thật giỏi, thật nổi tiếng và có hiệu năng giảng huấn thật cao. Nhất là ở các lớp luyện thi : một số giáo sư tư thục dạy môn toán, lý hoá thật xuất sắc để có thể giúp học sinh thi đỗ. Uy tín những cá nhân giáo chức tư thục đó thật vững chãi để có thể thu hút lôi kéo các học sinh công lập theo học tư các lớp luyện thi. Kết quả thật khả quan khi tỷ lệ học sinh đỗ cao. Nhưng trên phương diện... tạm gọi là "pháp lý" thì đó lại là công lao của các trường công. Nghĩa là trên bình diện nào đó kết quả giáo dục là do tư thục bón phân, chăm sóc để công lập với tay hái lấy mà hưởng vì cây học sinh được trồng trên đất công lập ! Phải nhìn vấn đề rõ ràng như vậy để công nhận và ca ngợi sự đóng góp âm thầm của ngành giáo dục tư mà bây nay nhiều người đã vô tình xem thường sự có mặt và những hoạt động của cái mà người ta thường mỉa mai là "cơ quan buôn chữ".

ĐOẠN IV.- SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NHỮNG TƯ THỤC ĐẶC BIỆT

Nếu các trường công lập chỉ lo việc giáo dục tổng quát mà thôi thì cũng sẽ chưa thấm thía vào đâu, huống chi còn nghĩ đến giáo dục đặc biệt. Công việc giáo dục đặc biệt này là khía cạnh đóng góp độc đáo của giới tư thục. Có nhiều tư thục lo lắng giúp đỡ tới những giới trẻ mà không ai nghĩ tới. Điển hình là trường Trung học La San Mù của các sư huynh ở Hiền Vương Saigon đã nhận lãnh trách vụ giáo dục những con em bất túc về cơ thể. Công tác giáo dục những trẻ em khiếm thị này chưa có một cơ quan công lập nào lo lắng đến. Một thí dụ khác như trường câm điếc của các nữ Tu Thánh Phao Lồ ở Lái Thiêu.

Đây là thiện chí và lòng hy sinh của giới tư thục cần được đề cao và cần sự nâng đỡ tích cực của chính quyền về phương diện tài - chánh.

Ngoài ra với những đứa trẻ thông minh xuất sắc với trí suất IQ cao hơn 130 hay với những đứa trẻ chậm tiến với trí suất IQ dưới 70 là những trường hợp đặc biệt cần phải có một sự giáo dục riêng thích ứng. Các công lập không thể tổ chức được những cơ sở giáo dục đặc biệt này. Và dù hiện nay tại Việt Nam chưa hề có trường nào lo cho, nhưng ta có thể nghĩ chỉ có các tư thục mới đủ yếu tố và thời giờ lo lắng đến sự chăm sóc các con em đặc biệt này. Trong tương lai đó là một vinh dự cho giới tư thục.

"... Tính cách mềm dẻo (flexibilité) của trường tư sẽ giúp họ nhiều khả năng hơn giới công lập để phát minh, sáng tạo và tiên phong thí nghiệm, nghiên cứu những chương trình tác bạo và những phương pháp giáo dục mới, đang khi giới trường công phải bó buộc vào nhiều thủ tục hành chánh phức tạp và chậm trễ mất hết tự do và ngẫu phát để sáng chế và tiến bộ..." (19).

ĐOẠN V.- VAI TRÒ VÀ GIÁ TRỊ CỦA CÁC ĐẠI HỌC TƯ

Dù muốn, dù không, dù ít hay nhiều hoạt động của các đại học tư cũng đã đang và sẽ giữ một vai trò độc đáo và đóng góp rất mật thiết với sinh hoạt chung của quốc gia. Giáo dục là căn bản cho sự tồn vong và phát triển con người. Giáo dục ở bậc đại học còn cần thiết hơn trong việc phát huy những tinh hoa của dân tộc, trong việc biểu lộ những sắc thái riêng biệt của dân tộc này với dân tộc khác, nghĩa là đưa quốc gia đi theo đà tiến hoá chung của nhân loại.

Nhìn lại tình trạng giáo dục nước nhà, ở đây chúng ta không đi sâu vào việc phê phán cũng như tìm hiểu căn nguyên của thực tại mà chỉ nhận định để trình bày những dữ kiện, trong sinh hoạt chung của quốc gia, hay hạn hẹp hơn trong lãnh vực văn hoá giáo dục, nền đại học tư đã đóng một vai trò như thế nào ?

Trước hết, muốn phát triển đại học cần phải có sự hợp tác giữa nhân dân và chính quyền. Sự hợp tác này có thể là thuận tình, tự nguyện, mà cũng có thể là một ngẫu nhiên vì nhiều khi tư nhân thành lập viện đại học ngoài mục đích giáo dục còn có những lý do và áp lực khác nữa. Nhưng dù trong chiều hướng nào thì sự đóng góp của tư nhân trong công tác giáo dục cũng là một điều hay. Đại học tư đã đóng góp khá nhiều trong việc đào tạo con người cho quốc gia cho xứ sở.

(19) "Thử tìm một hướng đi cho ngành giáo dục tư thục VN"
Ban ronéo của giáo sư Mai Tâm thuyết trình, trong
khóa hội thảo Hiệu Trường tư thục toàn quốc 1969.

Không phải chỉ ở bậc Trung học và Tiểu học; ngay cả trên bậc Đại học con số sinh viên ngày càng gia tăng rõ rệt. Trước Pháp thuộc, dưới thời quân chủ, nền giáo dục Việt Nam mang một sắc thái riêng biệt và có hủ với chế độ Khoa cử, với lối học từ chương. Những ý niệm khai phóng và nhân bản và phát triển để tiến bộ của các ngành đại học hầu như không có. Sang đến thời Pháp thuộc, với chính sách ngu dân, người Pháp chỉ đào tạo một mớ nhà trí thức nô bộc có một học lực trung bình và đồng đều để dễ bề sai khiến. Còn lại đa số dân Việt Nam phải chịu ngu dốt. Từ thu hồi độc lập, phát triển giáo dục là một trong những công tác được chính quyền quan tâm nhất. Phát triển đại học, tự do học đường được phổ biến trong ý thức quần chúng và trong chiều hướng đó nền đại học được phát triển mạnh với con số sinh viên ngày càng gia tăng. Nhưng như đã nhiều lần bàn đến là nền đại học công hiện nay đang vấp phải vấn đề thiếu trường sở. Sự cộng tác của các viện đại học tư đã đem lại một ích lợi thiết thực là giải tỏa áp lực của sự gia tăng sĩ số sinh viên quá quy tụ ở Saigon.

Không những thế, mỗi viện đại học tư Việt Nam lại được sự giúp đỡ về tinh thần lẫn vật chất của một giáo hội lớn trong nước. Dù phải vất vả, dù phải tốn kém các viện đại học tư vẫn phải và vẫn muốn sinh hoạt vì ngoài mục đích giáo dục còn có mục đích chính trị hay phát triển tôn giáo nữa. Sự kiện này làm bớt đi gánh nặng của chính quyền về phương diện tài trợ, chi phí điều hành và xây cất những cơ sở đại học khác.

Ngoài ra các viện đại học tư không phải chỉ quy tụ ở Saigon mà rải rác ở khác các địa phương. Các đại học tư này giữ một vai trò quan trọng trong việc phát triển những sắc thái và trình bày những nhu cầu địa phương, đem đại học đến gần người dân, người thanh niên, để cho họ có ý thức là nền đại học cần có sự tham dự chung của tư nhân để mình có thể tự tiến bộ trong sinh hoạt quốc gia.

Các đại học tư, vừa là sinh hoạt đối kháng và là một sinh hoạt hoà hợp với nền đại học công trong tiến trình phát huy văn hoá nước nhà và tiến bộ dân tộc. Thật vậy, các đại học tư tự mình đứng trong một lập trường giáo dục, một quan niệm tiến bộ tự ganh đua và ganh đua với nền đại học công. Sự cạnh tranh về ý thức này là cơ dịp để phát triển và tiến bộ mau chóng. Do đó trong cộng đồng quốc gia hoạt động giữa nền đại học tư đã gây nên một sự ganh đua chân chính giữa các tập thể thiết tha

với việc giảng huấn và khảo cứu văn hoá và khoa học, giữa các khu vực địa phương với các tiến bộ chung của quốc gia làm phát huy văn hoá dân tộc nâng cao dân sinh dân trí. Hơn nữa vì tính chất khai phóng của đại học, các đại học tư có mở thêm nhiều ngành mới lạ. Khác hẳn với nền đại học công cố về trị trệ và nệ thức. Phân khoa Chính Trị Kinh doanh của Viện Đại học Đà Lạt, phân khoa báo chí của Viện Vạn Hạnh; phân khoa Y học với việc du nhập y lý Đông phương của Viện đại học Minh Đức..... là những minh chứng hùng hồn cho thấy nền đại học tư có nhiều sáng kiến, tác tạo được những tài năng mới và góp phần vào việc vun đắp cho sự tiến bộ của quốc gia.



CHƯƠNG BA

CÁC YẾU TỐ CẦN QUAN NIỆM LẠI ĐỂ HỮU HIỆU HOÁ NGÀNH GIÁO DỤC TƯ VIỆT NAM

MỤC I.- VỀ PHƯỜNG ĐIỆN TỔ CHỨC

ĐOẠN I.- TRÊN PHƯỜNG ĐIỆN PHÁP LÝ

Dự 57/4 ấn định qui chế các trường tư thục tại Việt Nam và nghị định số 942 ấn định thể thức áp dụng dự này thật ra là hai văn kiện có tính cách căn bản và quá lý tưởng. Có thể xem những điều khoản trong hai văn kiện này là đã qui định một chế độ giáo dục tư thật hoàn hảo; và chính quyền cũng như tư nhân có bốn phần phải xem đó là mục đích vạch ra để noi theo trong sinh hoạt của ngành tư thục. Tất cả phải cố gắng tuân tụy và liên tục thực hiện để cho ngành giáo dục tư đi đến chỗ hoàn hảo.

Thật ra, dù quá lâu (từ 1956) nhưng dự 57/4 và nghị định 942 vẫn có thể là tiêu chuẩn mực thước để hoạt động. Nhưng chính vì là tiêu chuẩn mực thước nên nó thiếu mềm dẻo, linh động và thật khó áp dụng trên thực tế, nhất là trong tình trạng nước nhà hiện tại. Với đà gia tăng học sinh phi mã tưởng cũng nên qui định lại tiêu chuẩn sĩ số trong lớp, hay điều kiện về vệ sinh trường sở. Với tình trạng chiến tranh, với sự khó khăn về kinh tế của mọi giới cần có những điều khoản về những sắc thuế dành cho tư thục, những can thiệp về học phí hay thù lao và lương bổng cho nhân viên, giáo chức...

Ngoài ra cũng nên bổ túc hay minh định rõ ràng hơn về thành phần ban giám đốc về việc tổ chức những lớp tu... Nhất là đối với các giáo sư tu thực cần có văn kiện qui định rõ ràng về những tiêu chuẩn phải có để được công nhận là một giáo sư tu thực. Việc này cần thiết để nâng cao giá trị của các giáo sư tu thực đồng thời làm tăng hiệu năng cho ngành giáo dục tu.

Nhưng dù trên lý thuyết, những qui định về tổ chức có hoàn hảo và đầy đủ đến đâu việc áp dụng không đúng mức hay sai lệch cũng không đem lại kết quả như ý. Thực tế phải tổ chức như thế nào để hữu hiệu hoá ngành giáo dục tu mới là vấn đề.

ĐOẠN II.- TRÊN PHƯỜNG ĐIỆN THỰC TẾ

a.- Cải tiến cơ sở và trang bị.

Trừ một số ít tu thực nổi tiếng có trang bị đầy đủ trong việc dạy học, đa số các trường tu thường có khuyết điểm trong việc thiết lập phòng ốc cũng như những điều kiện vật chất khác. Thường thì phòng học tại các tu thực quá nhỏ hẹp so với số sinh viên trong lớp. Hơn nữa bàn ghế lại kê sát nhau, chật hẹp và thiếu vệ sinh. Điều này cần phải cải thiện cho rộng rãi hơn và kang trang hơn để lớp học là khung cảnh thích hợp cho việc mở mang trí tuệ.

Ngoài ra các tu thực cũng cần phải có sân chơi, sân thể thao giúp học sinh phát triển về thể dục cũng như cần xây lập thư viện, phòng thí nghiệm để việc học được kết quả hơn. Điều này vấp phải một trở ngại là liệu các tu thực có đủ tư lực cải thiện tình trạng vật chất của trường cho khả quan hơn không? Thực ra phải nói rằng chính những điều kiện tốt đẹp về phòng ốc trang bị này sẽ làm cho hiệu năng giáo dục nâng cao, tạo uy tín cho tu thực đối với quần chúng. Sự kiện này thu hút số đông học sinh theo học và dù học phí có phần nào tăng cao vẫn được sự chấp nhận của phụ huynh học sinh. Vả chăng, điều quan trọng là ở kết quả của việc giảng dạy của tu thực cũng như việc học của học sinh thì dù phải thiệt thòi, phải chịu hy sinh phần nhỏ nào về vật chất cũng không đến nỗi khiến ta đặt thành vấn đề.

b.- Chọn lọc nhân sự.-

Yếu tố nhân sự bao giờ cũng cần thiết và là điểm chính yếu trong mọi sinh hoạt. Ngành giáo dục tư cũng không thoát khỏi điều ấy, nghĩa là muốn hiệu năng giáo dục nâng cao phải tổ chức nhân sự chu đáo hơn. Ban giám đốc phải có đầy đủ uy tín, làm việc hăng say, không thể có tình trạng phó mặc học sinh. Giáo sư phải tuyển chọn những người có khả năng thật sự, có nhiệt tâm giáo dục và khả năng sư phạm thì kết quả giáo dục mới được khả quan.

Trong hiện tình, học sinh rất đông, nhưng giáo sư rất ít, chúng tôi muốn nói đến giáo sư chân chính, sống chết với nghề, đầy đủ nhân cách và nhiệt thành. Cần loại bỏ những "giáo sư tài tử". Ai cũng có thể là giáo sư được dù trước kia họ là thương gia, là nghiệp chủ, là mại bản hay sao ?

Nhưng giả sử có loại được một số con buôn thật ra muốn tuyển giáo sư có đủ giá trị cũng là vấn đề nan giải. Tuy nhiên các tư thực phải khắc phục khó khăn này.

Thật ra giáo giới tư thực cũng đã xúc tiến việc thành lập "Đoàn giáo chức tư thực", đồng thời soạn một "dự thảo qui chế đoàn giáo sư trung học tư thực" đệ trình Bộ Quốc gia giáo dục. Bản dự thảo này rất công phu và đầy đủ nói về mục đích và hoạt động của đoàn. Ngoài ra trong những buổi hội nghị Tư Thực các giáo chức cũng đưa ra một bản "dự thảo nghĩa vụ luận" của giáo sư tư thực nói về nhiệm vụ chung, trách nhiệm và vai trò của giáo sư đối với ban giám đốc và đối với học sinh v.v... Nhưng cho tới nay cũng chưa thấy Bộ giáo dục quyết định ra sao về việc thành lập "Đoàn giáo chức tư thực" cũng như chưa thấy hàng ngũ giáo chức tư thực ban hành bản "nghĩa vụ luận" của mình cùng thi hành đúng đắn tôn chỉ tự vạch. Nói như thế có nghĩa là chúng ta đặt vấn đề cho Bộ giáo dục và cho chính sự ý thức của giáo giới tư thực vậy.

MỤC II.- VỀ PHƯỜNG ĐIỆN HOẠT ĐỘNG

ĐOẠN 1.- ĐẶT LẠI TẦM QUAN TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ TU NGHIỆP

"Về tình trạng giáo sư thi đại đa số giáo chức tư thục không có một chút huấn luyện chuyên nghiệp gì cả. Làm nghề thầy cái ở xứ này phải mất 5 năm học tập sau Tú Tài II, làm nghề trồng rừng phải được huấn luyện 5 năm, làm nghề thầy thuốc phải mất 7 năm... Còn làm nghề giáo dục "tác tạo tâm hồn" ở xứ này chẳng buộc phải học tập gì, miễn là có một mảnh bằng Tú Tài hay Cử nhân nào đó là đủ, là xong, là trở thành giáo sư ngay. Chính quyền và xã hội này không hề bắt buộc gì về khả năng sư phạm cho nhà giáo" (20).

Đưa ra nhận xét của giáo sư Mai Tâm, chúng tôi muốn đặt lại tầm quan trọng của vấn đề tu nghiệp. Các giáo sư tư thục chưa qua một khoá sư phạm nào cả để có đủ căn bản về những yếu tố giảng huấn phải có. Và thực tế là hiện nay chúng ta không thể bắt đầu bằng cách buộc các giáo chức phải học một khoá sư phạm rồi mới đi dạy. Huấn luyện khả năng sư phạm cho giáo chức công lập đã là một vấn đề; hơn nữa dò sao hoạt động tư thục cũng có tính cách độc lập của nó. Chỉ còn biện pháp duy nhất là tổ chức những khoá tu nghiệp thường xuyên cho giáo chức tư thục.

a.- Trách nhiệm của bộ Giáo dục :

Là cơ quan có quyền và có bổn phận trong việc giáo dục quần chúng thì dù là đối với ngành giáo dục công hay tư bộ giáo dục cũng phải có trách nhiệm lo lắng cải tổ để nhằm mục đích tiến tới chỗ hoàn bị công tác. Bộ giáo dục phải tổ chức những khoá tu nghiệp cho giáo sư tư thục. Tuân tự và thường xuyên, điều hoà, bắt buộc mọi giáo chức tư thục phải qua một khoá tu nghiệp do bộ tổ chức vào kỳ hè mỗi

(20) "Thủ tìm một hướng đi cho ngành giáo dục tư thục VN".
Bản Ronéo của giáo sư Mai Tâm thuyết trình trong khoá
hội thảo Hiệu Trưởng tư thục toàn quốc năm 1969. trang 6.

năm. Có thể coi như chúng chỉ đã qua một khoá tu nghiệp là một chứng minh thực hành nghề của giáo sư tư thực. Tính cách bó buộc nghiêm khắc này dù sao vẫn có lợi là giúp cho hiệu năng giảng huấn được nâng cao.

Một vài khoá hội thảo, tu nghiệp của giáo sư công lập được Bộ Giáo dục cho phép các giáo chức tư thực tham dự tại Saigon vẫn chưa đủ, Bộ Giáo dục cần tổ chức nhiều khoá tu nghiệp hơn một cách thường xuyên và sâu rộng trong giáo giới tư thực để nâng cao khả năng của họ.

b.- Trách nhiệm của các vị Hiệu trưởng, chủ trường.-

Các vị này không những có trách nhiệm mà còn có bổn phận phải tổ chức những khoá tu nghiệp cho giáo chức tư thực. Vì chính như thế là để bảo đảm uy tín của trường tư đối với quần chúng và cả đối với nền giáo dục công. Thực tế, từ trước đến nay các vị này đã quá thờ ơ với vấn đề, hay họ chưa ý thức được tầm quan trọng của nó ?

ĐOẠN II.- QUAN NIỆM VÀ THI HÀNH ĐÚNG ĐẮN
VIỆC KIỂM SOÁT VÀ THANH TRA NHÀ TƯ THỰC

Trong phần trước chúng ta đã đề cập đến những điểm không tốt đẹp trong vấn đề thanh tra tư thực. Thật ra, dụ 57/4 qui định rất chắc chắn và đầy đủ việc kiểm soát và thanh tra này. Nhưng khi thi hành các viên chức đã không áp dụng đúng mức, đã quan niệm lệch lạc hay hạn hẹp vấn đề. Thành thử những bê bối xảy ra trong sinh hoạt tư thực hơn độn là điều không thể tránh được.

a.- Trước hết, các viên chức hữu trách phải ý thức được vai trò của mình cũng như tầm quan trọng của việc kiểm soát và thanh tra. Trong ý thức đó, họ mới có thể thiết tha tới công vụ và hoàn tất được trách vụ giao phó.

b.- Chính bộ giáo dục phải biết kích thích hiệu năng của thuộc cấp bằng những thông tư, những chỉ thị thường xuyên quảng bá đến tận địa phương chứ không phải chỉ hoạt động khái lược tại trung ương.

c.- Sau cùng phải cung ứng dồi dào nhân sự và phương tiện cho công tác thanh tra và kiểm soát tư thục. Như phần trước đã trình bày, việc kiểm soát và thanh tra đã gặp một trở ngại lớn lao là thiếu người và thiếu phương tiện, và vì vậy những tệ trạng, những thiếu sót trong hoạt động tư thục mới tiếp diễn trong cái nhìn bất lực của nhà quan sát.

ĐOẠN III.- SỰ NÂNG ĐỠ CỦA CHÍNH QUYỀN : TRỢ CẤP

Phải thành thật nhìn nhận rằng tư thục đã đóng góp một phần quan trọng vào việc giáo dục quần chúng. Tuy nhiên trên thực tế vẫn có sự bất bình đẳng do sự phân chia kỳ thị trường công, trường tư. Chính quyền quan niệm tư thục là những xí nghiệp thương mại hoạt động lời ăn lỗ chịu chứ không coi tư thục là những cơ quan văn hoá giống như trường công. Trong khi đó tư nhân khi mở trường dạy học phải đem về cho mình một số lợi tức, hay ít ra đó là một sinh kế. Và trong tình trạng hiện tại, mọi vật giá tăng, dĩ nhiên học phí cũng theo đà đó gia tăng. Phần gánh chịu vẫn là phụ huynh học sinh, nhà nghèo, lại có đông con em học tại các tư thục. Đó là một gánh lo nặng nề nhiều khi không dám nói khiến con em bị bỏ dở việc học hành.

Muốn hữu hiệu hoá ngành giáo dục tư chính quyền phải trợ cấp. Chính quyền có bốn phận giúp đỡ tư thục, ví dụ như trong việc xây trường ốc, trang bị phòng thí nghiệm, sân thể thao... như thế vì không phải dành quá nhiều ngân khoản cho việc trang bị, tư thục có thể giảm học phí và trả lương cao cho giáo sư làm gia tăng hiệu năng giảng huấn.

Trong tình trạng hiện tại, mọi ưu tiên của quốc gia đều dành cho lãnh vực quốc phòng, giáo dục tuy không bị quên lãng, nhưng đã thiếu sót. Chính quyền không thể một mình đảm trách trọn vẹn vấn đề giáo dục quá rộng lớn và ngành giáo dục tư đã chia sẻ trách nhiệm đó. Tư nhân đã tiếp tay với chính quyền thì chính quyền phải nâng đỡ. Trợ cấp cho tư thục là một điều hết sức hợp lý, không những hợp lá mà còn rất ích lợi cho nền giáo dục chung.

"Trong qui chế hiện hành thì chánh quyền hoàn toàn ban bố mọi quyết định trong vấn đề giáo dục, nhưng lại không giúp đỡ tài chánh, cũng không nâng đỡ tinh thần, không giúp các nhà giáo tu thực được huấn luyện trong nghề nghiệp của họ. Chính quyền chỉ đòi hỏi mà không nâng đỡ tu thực.

Chính quyền lấy ngân quỹ quốc gia của toàn dân để lo giáo dục cho chỉ có một thiểu số con em người dân, bắt đa số còn lại phải xây lấy trường học, thuê lấy giáo sư và trả lấy học phí cho con được đi học, rồi lại còn phải đóng thuế nhà trường cho chính phủ nữa. Như vậy không phải là bất công sao ?" (21)

Vậy thì một khi chính quyền không chu toàn nổi trách vụ giáo dục của mình thì ít ra cũng khuyến khích giúp đỡ tu thực để đứng ra chia xẻ gánh nặng ấy mới hợp lý. Việc trợ cấp, nâng đỡ vật chất lẫn tinh thần cho giới tu thực là một khích lệ cần thiết và quý báu để những người có nhiệt tâm và thiện chí hoạt động hữu hiệu và khỏi bị tủi thân vì mặc cảm bị bỏ quên trong khi giáo dục là trách nhiệm chung không phân biệt công tư.

MỤC III.- CÁC YẾU TỐ THUỘC TINH THẦN VÀ Ý NIỆM

ĐOẠN I.- SAN BẰNG MỌI CÁCH BIỆT CÔNG TƯ

Từ trước đến nay hai ngành giáo dục công tư hình như chưa bao giờ chịu ngồi gần nhau, chưa bao giờ thật sự coi nhau như một. Văn phía chính quyền quan niệm tu thực là những xí nghiệp thương mại cần phải kiểm soát hơn là tán trợ. Văn phía các tu thực bê bối và bất mãn vì tự cho mình là những cơ quan văn hoá mà bị coi rẻ hoặc bị bỏ rơi. Văn những phụ huynh học sinh phân chia công tư và cố cho con em học trường công,

(21) "Thử tìm một hướng đi cho ngành giáo dục tư Việt Nam".
Bản Rozéo của giáo sư Mai Tâm, thuyết trình viên khóa
hội thao tu thực toàn quốc 1969. Trang 9.

học tại tư thục chỉ là một bất đắc dĩ. Văn cái nhìn xa lạ ngăn cách giữa giới học sinh công tư... Ngày ấy thứ không làm nên giáo dục nước nhà tiến bộ vì đây không phải là một ganh đua mà là một tình trạng phân hoá rõ rệt trong mô thức xã hội. Vậy trước sự kiện đó chúng ta cần quan niệm lại như thế nào ?

a.- Trước hết cần gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người biết giá trị và tầm quan trọng lớn lao của ngành giáo dục tư. Tầm quan trọng ấy được đo lường khi ta đặt giả thuyết nếu không có các tư thục thì hậu quả sẽ như thế nào ? Khi mà bộ giáo dục chỉ đảm trách được việc hướng dẫn 82% học sinh tiểu học và 35% học sinh trung học thì tương lai của đa số thanh thiếu niên còn lại sẽ đi về đâu và nền văn hoá nước nhà sẽ như thế nào ? Hỏi tức là đã trả lời rồi vậy.

Nhưng chính giới tư thục cũng phải ý thức được vai trò quan trọng của mình, phải tỏ ra xứng đáng và can đảm nhận lãnh trách nhiệm cao quý ấy, Phải tự tạo cho mình một uy tín lôi kéo sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh cũng như tạo được lòng tin cậy của học sinh khi họ bước chân vào ngưỡng cửa tư thục.

b.- Phụ huynh lẫn học sinh phải loại bỏ mặc cảm kỳ thị công tư.

Phải ý thức rằng dù tư thục hay công lập, điều quan trọng là ở chính cá nhân học sinh. Điều quan trọng là ở sự cố gắng của chính mình và ở kết quả đạt được sau một thời gian học tập chứ không phải ở trường công hay trường tư, cũng không phải ở giáo sư này hay giáo sư khác. Tổ chức nào, hoạt động nào, và ở môi trường nào cũng có những kẻ tốt người xấu, cũng có những phần tử tài giỏi đáng khen và những phần tử kém cỏi đáng chê. Dù học ở trường công hay trường tư, học sinh nên nghĩ rằng mình học giỏi hay học dở chứ đừng nên nghĩ mình giỏi hay dở là do mình học tại công lập hay tư thục.

c.- Sau cùng chính quyền hay bộ giáo dục phải thực sự nâng đỡ tư thục về tinh thần lẫn vật chất. Phải có một chương trình trợ cấp đồng đều và hợp lý cho các tư thục. Phải tránh mọi trường hợp gây chia cách công tư như cấp học bổng đồng đều cho học sinh ưu tú công cũng như tư; chia thang điểm và vớt điểm đồng đều cho tất cả hội đồng thi công cũng như tư; kiểm nhận và công nhận học bạ, chứng chỉ của học sinh thật kỹ lưỡng và công bằng...

ĐOẠN II. - Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VÀ TINH THẦN TỰ TRỌNG CỦA HIỆU TRƯỞNG VÀ GIÁO GIỚI

Châm ngôn Tây phương có câu : "Anh hãy tự giúp, rồi Trời sẽ giúp anh". Dem áp dụng vào đây chúng tôi muốn nói giới tự thực muốn nâng cao uy tín của mình, muốn công tác giáo dục của mình có hiệu quả thì trước khi trách tại sao quần chúng quá mang nặng mặc cảm kỳ thị công tư ? Tại sao kết quả giáo dục của mình yếu kém ? Tại sao chính quyền không nâng đỡ, trợ cấp đồng đều cho giới tự thực ? Tại sao bao chỉ trích, phê bình lại ném cái nhìn ít thiện cảm cho hoạt động tự thực ? ... Ngăn ấy câu hỏi sẽ được giải tỏa nếu chính giới tự thực tích cực hơn trong hoạt động, tự vấn và tự sửa sai trước khi hành động và tự khắc phục được những khó khăn vật chất lẫn tinh thần của mình. Chúng tôi nhấn mạnh là các vị Hiệu Trưởng tự thực và giáo giới tự thực phải ý thức được trách nhiệm giáo dục của mình và phải nêu cao tinh thần tự trọng để tạo uy tín và tín nhiệm đối với quần chúng. Trong chiều hướng đó những điểm sau đây cần được nêu ra :

a.- Khi thiết lập một tự thực, các vị chủ trường, Hiệu trưởng phải quan niệm đây là một cơ sở giáo dục chứ không phải một công ty thương mại. Có nghĩa là một khi lý tưởng văn hoá giáo dục được đề cao thì ý nghĩa thương mại của tự thực không còn lý do tồn tại. Phần thưởng tinh thần là giá trị và uy tín của trường sở, bất vụ lợi khi lập trường thì kết quả giáo dục sẽ tốt đẹp hơn. Bởi vì khi đó, chủ trường hay Hiệu trưởng sẽ xây lập trường sở tốt đẹp, rộng rãi hơn, sẽ trang bị đầy đủ hơn bàn ghế, thư viện, phòng thí nghiệm, sân thể thao... và nhất là tuyển chọn ban giáo sư tài giỏi có khả năng thực sự. Khi đó kết quả giáo dục sẽ là câu trả lời hùng hồn nhất cho những ai xem thường hoặc đánh thấp giá trị của ngành giáo dục tự. Và một khi quan niệm được như vậy, thực hiện đúng như vậy thì tính chất thương mại trong tự thực không còn nữa. Lúc đó tự thực mới đòi hỏi chính quyền bãi bỏ những sắc thuế, mới đòi hỏi chính quyền trợ cấp. Sự đòi hỏi đó, lúc này hết sức hợp lý.

b.- Giới tự thực cũng phải ý thức được trách nhiệm của mình trong việc phê cấp chúng chỉ học trình hay học bạ. Tại sao học bạ của học sinh tự thực bị xem nhẹ ? Tại sao chúng chỉ của tự thực cấp lại phải có sự kiểm nhận của Bộ giáo dục ? Mà rồi giá trị của chúng vẫn thấp kém so với học bạ công lập. Nghĩa là vẫn có sự kỳ thị công tư. Xét

nguyên ủy của vấn đề ta thấy có một số tư thực phê cấp chứng chỉ, học bạ quá bừa bãi vô trách nhiệm. Một số Hiệu trưởng buôn bán chứng chỉ học trình và thành tích biểu 5.000%, 10.000% hoặc 20.000% cho học sinh nhảy lớp dự thi. Ngăn ấy việc làm của một thiếu số tư thực vô trách nhiệm đã gây một ấn tượng không tốt cho quần chúng và cả chính quyền đối với giới tư thực. Vấn đề đặt ra ở đây là giới tư thực phải tái tạo lại uy tín của mình và giá trị của những giấy tờ phê cấp. Trong những phiên họp giới tư thực đề nghị Nha Tư thực bãi bỏ kiểm nhận học bạ, bãi bỏ kiểm nhận chứng chỉ học trình và xem chữ ký của Hiệu trưởng tư thực có giá trị như chữ ký Hiệu trưởng công lập (22). Nhưng muốn thế các Hiệu trưởng tư thực phải tự tạo uy tín và giá trị cho chữ ký của mình đối với quần chúng trước đã.

c.- Điểm sau cùng là các giáo chức tư thực phải ý thức được vai trò giáo dục, dạy dỗ học sinh bằng tất cả thiện chí và lòng hy sinh. Giáo sư tư thực không phải chỉ là một tư chức đến trường làm việc hết giờ giảng dạy hết bài mà còn mang danh nghĩa của một "ông thầy". Cái danh từ "sư" là thầy ngày xưa nó mang một ý nghĩa cao quý. Ngày nay, khó có thể tìm được một vị "sư" chân chính với đầy đủ ý nghĩa cao đẹp của nó bởi mô thức và quan niệm xã hội thay đổi. Nhưng ít ra đã là "ông thầy", phải ý thức rằng mình đang mang một trách nhiệm cao quý là giáo dục mầm non của đất nước. Giáo chức tư thực cũng nên quan tâm và nhận lãnh trách nhiệm giáo dục của mình trên một bình diện tương đối. Không thể có thái độ bỏ mặc, buông xuôi cái tương lai của đám trẻ vô tội đang nằm gọn trong bàn tay của mình.

Một khi đã ý thức được như vậy, giáo chức tư thực ngoài việc tận tâm giảng dạy bài vở một cách tháo dỡ cho học sinh, còn phải để tâm chăm sóc đời sống tinh thần của học sinh, nghĩa là phải kiểm soát tánh hạnh và ghép học sinh vào khuôn khổ của kỷ luật học đường. Bởi vì "ông thầy" là người gần gũi thường xuyên với học sinh và cũng là cái

(22) Xem biên bản của Hội Nghị Tư Thực Saigon-Giading ngày 15-4-1964.

dịch cho học sinh nhắm đến. Một khi đã ý thức được như vậy, giáo chức tư thục phải tự khắc phục những khó khăn của mình, phải dần thân hy - sinh để đánh đổi lấy sự kính trọng của học sinh và của quần chúng vì trong bản chất nghề giáo đã là một nghề thanh khiết và cao quý. Ngoài ra giáo chức tư thục phải tự trao dồi khả năng của mình, học hỏi ở những khoá tu nghiệp để cầu tiến, tham dự những buổi hội thảo thường xuyên để trao đổi và rút kinh nghiệm nghề nghiệp... Chúng tôi muốn kêu gọi tinh thần "lương sư" để "hưng quốc" vậy.

ĐOẠN III.- Ý THỨC CHIA XẺ TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA PHỤ HUYNH HỌC SINH

Đa số phụ huynh ngày nay, quan niệm rằng cho con đến trường là làm đầy đủ bổn phận với con cái rồi. Họ trút tất cả trách nhiệm cho nhà trường, cho ông thầy, khi họ nghĩ rằng đã trả tiền để mua một chỗ ngồi cho con học. Đứa trẻ bị gia đình hầu như quên lãng. Trong nếp sống cô đơn ấy, gia đình chỉ còn là nơi nhà trọ để đứa trẻ thỏa mãn nhu cầu cơm áo mà thôi. Thật ra, đứa trẻ rất cần phụ huynh chăm sóc tới đời sống tinh thần, tới việc học hành thi cử, đứa trẻ rất cần những lời giáo huấn của cha mẹ sau những giờ thụ huấn ở học đường. Gia đình là điểm tựa cần thiết cho sự hun đúc tinh thần trong chuỗi ngày ấu thơ, gia đình còn là nơi phát triển nhân cách, là nhà học đầu tiên của con người và cái học của trẻ nhỏ trong gia đình ảnh hưởng sâu xa đến đời sống của nó sau này rất nhiều.

Vậy thì sự ngộ nghịch hay kém cỏi của đứa trẻ ngày nay đâu phải là trách nhiệm hoàn toàn thuộc về nhà trường? Hướng chỉ trong tư thục lại có những khiếm khuyết khó có thể tránh. Vậy để tiếp tay với tư thục trong việc dạy dỗ con em, để giúp thêm yếu tố hữu hiệu hoá ngành giáo dục tư phụ huynh học sinh phải có ý thức chia sẻ trách nhiệm giáo dục chung, không thể có thái độ phó mặc cho nhà trường và đổ lỗi cho nhà trường dạy dỗ không hoàn toàn. Trong ý thức đó phụ huynh học sinh sẽ làm được những gì?

a.- Sự đóng góp của gia đình trong việc giáo dục.-

Như trên đã trình bày, gia đình là môi trường gần nhất và thường xuyên nhất đối với con em. Quan niệm và lẽ lối giáo dục ảnh hưởng rất nhiều đến tâm tính và học lực của con em. Phụ huynh học sinh phải biết phối hợp hai hệ thống giáo dục ở nhà và ở trường trong đó đứa trẻ không cảm thấy lạc lõng hay mâu thuẫn.

Sinh hoạt gia đình cũng ảnh hưởng đến học lực con em. Người cha, tối đến vui đầu vào sổ sách, vào những mưu kế sinh sống hơn là để tâm đến giáo dục lũ trẻ. Người mẹ suốt ngày chú tâm vào những áp phe, vào mọi cuộc chạy chọt ra tiền, để đua đòi với thiên hạ. Trong hoàn cảnh đó, đứa trẻ đâu còn tinh thần để học hỏi, để tiến bộ. Thế nên phải tổ chức một nếp sống gia đình có qui cũ, khẩn khít và thích hợp trong khung cảnh có giáo dục để học hỏi.

Thiết thực hơn, phụ huynh phải tiếp tay với nhà trường trong việc kiểm soát, theo dõi sự học của con em. Luôn luôn nhắc nhở và tạo cho đứa trẻ tinh thần hiếu học, óc cầu tiến và một hạnh kiểm tốt. Phụ huynh phải dành thời giờ hỏi han con cái về việc học hành, thi cử. Phải kiểm soát số điểm hàng tháng, phiếu điểm thi lục cá nguyệt để theo dõi sự học của con em. Một vài lời khen, một vài câu khuyến khích cộng thêm những nhắc nhở thường xuyên của phụ huynh đứa trẻ dù muốn lười cũng không thể được, trái lại còn thấy phấn khởi và thích thú vì được chú ý, được chăm sóc. Phụ huynh cũng phải liên lạc thường xuyên với nhà trường để kiểm soát việc đi học xem có đúng giờ giấc không? có "cúp cua" trốn học không? cũng như có những biện pháp thích nghi để ngăn ngừa hay trừng phạt sự phạm lỗi ấy. Những bức thư trình bày ý kiến, nhận xét, phê bình về tình trạng trường sở, cách giảng dạy, việc kiểm soát... của phụ huynh gửi cho nhà trường cũng nói lên sự cộng tác chân thành giữa gia đình học đường. Có thể còn có nhiều thể hiện khác nữa, nhưng những gì kể ra ở trên không nằm ngoài ý muốn nhấn mạnh đến ý thức chia sẻ trách nhiệm chung của gia đình trong việc giáo dục con em vậy.

b.- Vai trò của hội phụ huynh học sinh.-

Từ trước đến nay, vai trò của hội phụ huynh học sinh thật tiêu cực. Hội lập ra có tính cách hình thức hơn là có những hoạt động

hữu ích thiết thực trong việc tiếp tay với nhà trường để giáo dục con em. Thật ra hội chỉ vận vện một số người gọi là "Ban quản trị" có mặt trong những dịp khai khoá, những buổi lễ phát thưởng hay những buổi tiếp tân.

Nhưng nếu phụ huynh ý thức được hội thành lập để tiếp tay với nhà trường trong việc giáo dục và kiểm soát con em thì sẽ tích cực hơn khi hoạt động. Hội phụ huynh học sinh phải tổ chức những phiên họp thường xuyên, có định kỳ để tìm ra những biện pháp chung, những cải sửa cần phải có để giúp tư thục hoàn tất trách vụ giáo dục giao phó. Cũng cần có những buổi họp chung của hội phụ huynh học sinh với Ban giám đốc tư thục để có sự thông cảm vì ảnh hưởng hổ tương giữa gia đình và học đường làm việc học của con em tiến bộ và có kết quả hơn. Thiết thực hơn nữa, hội phụ huynh học sinh cần đứng ra bảo đảm trợ cấp cho những tư thục có nhiệt tâm giáo dục, cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học. Hội cũng có thể đứng ra kêu gọi tổ chức những khoá tu nghiệp cho giáo sư tư thục để kết quả việc học của con em được tốt đẹp hơn. Sau cùng với danh nghĩa và uy tín, hội phụ huynh học sinh có thể trình những nguyện vọng, những đòi hỏi được giúp đỡ, cải sửa ở chính quyền trong việc hữu hiệu hoá ngành giáo dục tư Việt-Nam.



Kết Luận

THỬ TÌM MỘT HƯỚNG ĐI
CHO NGÀNH GIÁO DỤC TƯ THỰC VIỆT NAM

Chúng ta vừa duyệt xét qua hoạt động của ngành giáo dục từ cùng ảnh hưởng sâu xa của nó đối với xã hội với tất cả những ưu khuyết điểm. Nhưng dù ảnh hưởng của nó tốt đẹp hay tệ hại và dù ít hay nhiều, tình trạng tư thực hiện nay là một thực tế. Thực tế này tuy trong phần trước, chúng ta đã có những đề nghị cải sửa tiến bộ, nhưng nó vẫn không thoát ra được cái trình tự sinh hoạt cũ vì liên hệ lây lan làm quá cứ tiếp diễn.

Vì vậy vấn đề ở đây không phải thảo một qui chế riêng biệt cho ngành tư thực song song với ngành công lập, mà cần phải tổng hợp tư thụ vào chính sách quốc gia để không còn tình trạng phân biệt công tư nữa. Có nghĩa là chúng ta sẽ đi tìm một hướng đi mới cho ngành giáo dục tại Việt Nam, thoát thai hẳn mô thức sinh hoạt cũ để du nhập, hòa điệu vào sinh hoạt chung duy nhất của quốc gia. Trong chiều hướng đó, chúng ta sẽ bàn đến hai điểm :

- . Một chính sách quốc gia giáo dục công bằng và đại chúng.
- . Một tổ chức kế hoạch quốc gia giáo dục hợp với chính sách nói trên.

A.- MỘT CHÍNH SÁCH QUỐC GIA GIÁO DỤC CÔNG BẰNG VÀ ĐẠI CHÚNG.

Chính sách quốc gia giáo dục dựa trên hai nền tảng vững chắc :

- Công bằng về quyền lợi và nhiệm vụ cá nhân, trên bản tính và giá trị con người, kể cả giá trị thiêng liêng, trên quyền lợi sinh hoạt và phát triển thân thể và tâm trí của con người.

- Đại chúng vì mỗi quyền lợi và nghĩa vụ của người dân đều có ảnh hưởng hỗ tương. Mọi người đều liên đới nhau trong trách nhiệm công dân, lấy tình người đối xử với đời, trên bình diện rộng rãi là môi trường giao nhân - loại.

Một khi chính sách quốc gia giáo dục đặt trên nền tảng công bằng và đại chúng thì :

1)- Mỗi nhà trường Việt Nam có thể được sáng lập

- Hoặc do chính quyền trung ương hay địa phương
- Hoặc do chủ nhân hay đoàn thể tư nhân
- Hoặc do cộng đồng địa phương (vùng, tỉnh, đô thị, thôn ấp) trong đó chính quyền và nhân dân đóng góp chung.

2)- Sự điều hành và hoạt động loại nhà trường duy nhất này phải như nhau.

- Mỗi học sinh phải đóng một số học phí căn bản như nhau. Số học phí này tăng giảm tùy mức sinh hoạt và tùy theo sự quyết định của chính quyền hay của cộng đồng địa phương.
- Bộ Giáo Dục có bốn phân cấp và đào tạo giáo chức có khả năng sư phạm và có chứng chỉ hành nghề.
- Thu lao và lương bổng giáo chức phải như nhau và tùy khả năng thật sự không phân biệt công tư, chánh ngạch, ngoại ngạch...
- Lữ trường do chính quyền, tư nhân hay cộng đồng địa phương thiết lập cũng đều là cơ quan văn hóa giáo dục nên được các Bộ Tài Chánh, Kinh Tế và Lao Động miễn các sắc thuế.

3) - Ngân khoản dành cho Bộ Giáo Dục lúc đó sẽ đỡ bán chất dung dẽ :

- Mở các trường tiểu học trên toàn quốc để củng-
bách giáo dục thất sự.
- Trợ giúp đồng đều mỗi trường trung học và đại học
trong nước không phân biệt công tư đã có sẵn
hay tân lập.
- Đào tạo giáo chức đầy đủ khả năng với chứng chỉ
hành nghề để cung cấp đồng đều cho tất cả các
trường không phân biệt công tư.
- Tổ chức thi cử đồng đều và thông nhất để thăm -
dịnh giá trị, học lực của tất cả học sinh.
- Điều khiển guồng máy quốc gia giáo dục.

B.- MỘT TỔ CHỨC KẾ HOẠCH QUỐC GIA GIÁO DỤC⁽²³⁾

Để thực thi chính sách trên, cần phải có một tổ chức
kế hoạch chung không phân biệt công tư.

1) - Một nền giáo dục Tiểu Học căn bản cho đại chúng.

Nền giáo dục này có tính cách cưỡng bách và vì vậy
chính quyền sẽ áp dụng chế độ miễn phí.

Công thức tiểu học công đồng của UNESCO có thể áp-
dụng để đạt tới mục tiêu này. Đa số các "Tiểu học công đồng"
hiện nay ở Việt Nam ta chỉ có cái tên chứ không có thực -
chất giáo dục công đồng.

2) - Một nền giáo dục Trung học nhân bản và thực nghiệm

Giáo dục không phải để cho giới trẻ thụ thấp nhiều
kiến thức hoặc lấy được nhiều bằng cấp, khoa cử, mà là để tác

(23) Căn cứ tài liệu "Chương trình phát triển giáo dục". Bản
Roneo của Bộ Giáo Dục và tài liệu của Giáo Sư Mải Tâm.

tạo tâm hồn trên tinh thần nhân bản, phát triển khả năng phán đoán, lý luận và sáng tạo. Giáo dục để biết áp dụng học thức vào sự cải tiến cuộc sống cá nhân, gia đình và để phát triển quốc gia. Giáo dục để học sinh có thể thích ứng với hoàn cảnh và nhu cầu cụ thể của địa phương là xã hội Việt Nam chậm tiến muốn phát triển.

Với quan niệm này nên giáo dục Trung học phải

- Có một chương trình tập đa và phương pháp giảng-huấn dựa trên khoa học để dẫn đến những thực dụng cụ thể cho đời sống nghề nghiệp cá nhân và cho tiến bộ chung của quốc gia.

- Thiết lập nhiều trường học kỹ thuật và chuyên nghiệp tại địa phương.

- Khuyến khích các tư thực phố thông biến dần thành trung học tổng hợp thực nghiệm.

3)- Một nền giáo dục đại học thực dụng.

Giáo dục có phương pháp trong sự tìm hiểu để khai-thác thiên nhiên và tài nguyên xứ sở. Du nhập và phát triển các ngành và phân khoa mới hầu cung ứng đầy đủ chuyên viên cao cấp hay trung cấp để nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến cần thiết cho một quốc gia chậm tiến đang phát triển.

4)- Một nền giáo dục có thực chất.

Giáo dục có tính cách toàn diện và thiết thực hơn là hình thức. Mục đích giáo dục không phải thi cử, không phải tạo bằng cấp. Thi cử phải được xem là một hình thức chứng nhận người học sinh đã có một trình độ hay đi qua một bậc nào đó.

Hiện nay Bộ Giáo Dục đã có chương trình cải tổ giáo dục 12 năm là không loại học sinh bằng những hồ thi -

cử và Bộ cũng đang nghiên cứu việc cải tổ kỳ thi Tú Tài II để bỏ hẳn kỳ thi Tú Tài I và kỳ thi vào lớp 6.

5) - Một nền giáo dục có tính cách địa phương.

Một chính sách giáo dục thực sự là đại chúng và thực dụng trên căn bản công bằng chỉ có ý nghĩa khi nào có sự tích cực tham gia đóng góp của dân chúng. Phải tạo ra môi trường và điều kiện thuận tiện để mọi công dân ý thức trách nhiệm đóng góp của mình.

Trong ý hướng đó, cần lập những hội đồng văn hóa giáo dục địa phương cùng những Khu, những Ty học chánh địa phương với thành phần đại diện địa phương không phân biệt công tư để điều hành và phối trí các hoạt động văn hóa giáo dục theo chủ trương "địa phương giáo dục, dẫn đến chế độ địa phương tự quản" Trong thông điệp của Tổng Thông ngày 6-10-69.

6) - Một giáo giới có khả năng và lương tâm

Cần tạo những nhà giáo có khả năng thực sự về giáo dục cũng như có lương tâm chức nghiệp.

Cải tổ chính trong tâm trí nhà giáo dục để họ có ý thức về trách vụ giáo dục của mình, thiêng liêng và quan trọng đối với tương lai văn hóa nước nhà.

Muốn thế phải :

- Trả lương bổng và phụ cấp xứng đáng, đồng đều và công bằng không phân biệt công tư.
- Bắt buộc phải có chứng chỉ khả năng giáo dục mới được hành nghề giáo dục như các nghề bác sĩ, luật sư, kỹ sư...
- Mở các trường huấn luyện cán bộ giáo dục cho nhà trường Việt Nam không phân biệt công tư.

- Mở nhiều trung tâm tu nghiệp giáo chức tại các vùng và tỉnh cho mọi cấp mọi ngành.

@
@ @

Nói tóm lại, trong việc đi tìm một hướng đi mới cho ngành giáo dục tự thực Việt Nam, một chính sách giáo dục thích hợp, một tổ chức kế hoạch thực hiện chu đáo với những tích cực và chung lo đóng góp cả tinh thần lẫn vật chất của chính quyền và toàn dân, và nhất là với ý thức trách nhiệm và tinh thần tự trọng của giáo giới, ta thấy còn đường vạch ra tuy nhiều chông gai trở ngại nhưng vẫn có thể vượt qua để tiến tới việc tạo một tương lai tốt đẹp cho nền văn hóa giáo dục nói riêng và cho sự phát triển xã hội Việt Nam nói chung vậy.



Thư tịch

I.- SÁCH

- 1)- Các Vấn Đề Giáo Dục của Nhóm Trần Hữu Đức
- 2)- Đầu Tư Tương Lai của Hoàng Xuân Việt
- 3)- Sự Phạm Khoa Giản Yếu của Phạm Hoằng Độ
và Ngô Đức Kính
- 4)- Chương Trình Trung Học của Bộ Giáo Dục
- 5)- Kỳ yếu 69-70 của Bộ Giáo Dục
- 6)- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim
- 7)- Việt Nam Pháp Thuộc Sử của Phan Khoang
- 8)- Kế Hoạch Phát Triển
Giáo Dục Bốn Năm của Bộ Giáo Dục
- 9)- Kiểm Thảo Và Hoạch định
về Nền Giáo Dục VN của Phái Đoàn Cố Vấn Mỹ

II.- BÁO CHÍ

- 1)- Giáo Dục Nguyệt San Chủ Nhiệm Mai Tâm
- 2)- Nghĩ Gì Nhà xuất bản Trình Bày.
- 3)- Nguyệt San Luận Đám
- 4)- Nguyệt San Văn Học

III.- CÁC TÀI LIỆU KHÁC

- 1)- Hiến Pháp VNCH ngày 1-4-1967
- 2)- Dụ 57/4 ngày 23-10-1956
- 3)- Nghị định số 942/GD/NG ngày 25-10-1956 của Bộ Giáo Dục
- 4)- Thông tđ 2521 và 332 của Nha Tư Thục
- 5)- Các niên giám thống kê Việt Nam
- 6)- Dự thảo Đoàn Giáo Chức Tư Thục
- 7)- Dự Thảo Nghĩa Vụ Luận Của Giáo Sư Tư Thục.
- 8)- Các chỉ nam và kỹ yếu của các Viện Đại Học tư
- 9)- Biên bản các hội nghị tư thục toàn quốc 1964-1969
- 10)- Biên bản các khóa hội thảo Hiệu Trưởng tư thục.
- 11)- Biên bản các khóa hội thảo giáo chức tư thục.
- 12)- Các tài liệu Ronéo về phát triển giáo dục của Bộ Giáo dục.
- 13)- Thử tìm một hướng đi cho ngành giáo dục tư thục Việt Nam
Tài liệu thuyết trình của
Giáo sư Mai Tâm
- 14)- Chinh đôn hăng ngũ giáo chức tư thục.
Tài liệu thuyết trình của
Giáo sư Vũ Văn Mẫu

